

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN**

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Thanh Phương

Sinh viên thực hiện: Trần Thị Mỹ Ngọc

Mã số sinh viên: 2254010111

Khóa học: 2022 - 2026

Lớp: 22KH2

Đà Nẵng, năm 2026

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN**

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Thanh Phương

Sinh viên thực hiện: Trần Thị Mỹ Ngọc

Mã số sinh viên: 2254010111

Khóa học: 2022 - 2026

Lớp: 22KH2

Đà Nẵng, năm 2026

Đà Nẵng, ngày ...tháng...năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên: Trần Thị Mỹ Ngọc
- Chuyên ngành: Kế toán
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khóa học: 2022 – 2026

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân

3. Các số liệu ban đầu thực hiện khóa luận tốt nghiệp:

Số liệu được lấy từ các chứng từ, sổ sách kế toán thực tế của năm 2025 tại phòng kế toán của Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân.

4. Nội dung

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân.

Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân.

5. Cán bộ hướng dẫn: Th.S. Nguyễn Thị Thanh Phương

6. Ngày giao nhiệm vụ làm Khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận: 25/05/2026

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài	xiii
2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài	xiii
2.1. Đối tượng nghiên cứu.....	xiii
2.2. Phạm vi nghiên cứu.....	xiii
3. Phương pháp nghiên cứu của đề tài	xiv
4. Cấu trúc của đề tài	xiv
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI	1

1.1. Kế toán hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	1
1.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1
1.1.1.1. Khái niệm bán hàng và cung cấp dịch vụ	1
1.1.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu	1
1.1.1.3. Các phương thức bán hàng	2
1.1.1.4. Phương thức thanh toán.....	4
1.1.1.5. Chứng từ sử dụng	6
1.1.1.6. Tài khoản sử dụng	6
1.1.1.7. Phương pháp hạch toán	7
1.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	9
1.1.2.1. Nội dung các khoản giảm trừ doanh thu	9
1.1.2.2. Chứng từ sử dụng	9
1.1.2.3. Tài khoản sử dụng	9
1.1.2.4. Phương pháp hạch toán	9
1.1.3. Kế toán giá vốn hàng bán	10
1.1.3.1. Nội dung giá vốn hàng bán	10

1.1.3.2. Phương pháp tính giá xuất kho.....	10
1.1.3.3. Chứng từ sử dụng	11
1.1.3.4. Tài khoản sử dụng	12
1.1.3.5. Phương pháp hạch toán	12
1.2. Kế toán hoạt động tài chính	13
1.2.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	13
1.2.1.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính.....	13
1.2.1.2. Chứng từ sử dụng	14
1.2.1.3. Tài khoản sử dụng	14
1.2.1.4. Phương pháp kế toán.....	15
1.2.2. Kế toán chi phí tài chính.....	16
1.2.2.1. Nội dung chi phí tài chính	16
1.2.2.2. Chứng từ sử dụng	16
1.2.2.3. Tài khoản sử dụng	16
1.2.2.4. Phương pháp kế toán.....	17
1.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	18
1.3.1. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh	18
1.3.2. Chứng từ sử dụng	18
1.3.3. Tài khoản sử dụng	19
1.3.4. Phương pháp kế toán.....	19
1.4. Kế toán hoạt động khác	21
1.4.1. Kế toán thu nhập khác.....	21
1.4.1.1. Nội dung thu nhập khác	21
1.4.1.2. Chứng từ sử dụng	21
1.4.1.3. Tài khoản sử dụng	21
1.4.1.4. Phương pháp hạch toán	22
1.4.2. Kế toán chi phí khác	23

1.4.2.1. Nội dung chi phí khác	23
1.4.2.2. Chứng từ sử dụng	23
1.4.2.3. Tài khoản sử dụng	24
1.4.2.4. Phương pháp kế toán	24
1.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	25
1.5.1. Nội dung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	25
1.5.2. Chứng từ sử dụng	25
1.5.3. Tài khoản sử dụng	26
1.5.4. Phương pháp kế toán.....	27
1.6. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh	27
1.6.1. Nội dung xác định kết quả hoạt động kinh doanh	27
1.6.2. Chứng từ sử dụng	28
1.6.3. Tài khoản sử dụng	28
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN	30
2.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân.....	30
2.1.1. Giới thiệu chung về Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân.....	30
2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân.....	30
2.1.3. Chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực hoạt động của Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân	31
2.1.3.1. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty	31
2.1.3.2. Lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh	32
2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý.....	33
2.1.4.1. Sơ đồ tổ chức	33
2.1.4.2. Chức năng các phòng ban	33
2.1.5. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty	34

2.1.5.1. Sơ đồ tổ chức	34
2.1.5.2. Chức năng các bộ phận	34
2.1.6. Hình thức ghi sổ kế toán của Công ty và trình tự luân chuyển chứng từ.....	35
2.1.7. Chế độ và chính sách kế toán	37
2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân	37
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty	37
2.2.1.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng	38
2.2.1.3. Tài khoản kế toán sử dụng	38
2.2.1.4. Phương pháp hạch toán	38
2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty	45
2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty.....	45
2.2.3.1. Đặc điểm giá vốn hàng bán tại Công ty	45
2.2.3.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng	45
2.2.3.3. Tài khoản kế toán sử dụng	46
2.2.3.4. Phương pháp hạch toán	46
2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty	48
2.2.4.1. Đặc điểm doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty	48
2.2.4.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng	49
2.2.4.3. Tài khoản kế toán sử dụng	49
2.2.4.4. Phương pháp hạch toán	49
2.2.5. Kế toán chi phí tài chính tại Công ty.....	52
2.2.5.1. Đặc điểm chi phí tài chính tại Công ty.....	52
2.2.5.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng	52
2.2.5.3. Tài khoản sử dụng	52
2.2.5.4. Phương pháp hạch toán	52
2.2.6. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty.....	55

2.2.6.1. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty	55
2.2.6.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng	56
2.2.6.3. Tài khoản sử dụng	56
2.2.6.4. Quy trình ghi sổ.....	56
2.2.7. Kế toán thu nhập khác.....	78
2.2.7.1. Nội dung	78
2.2.7.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng	78
2.2.7.3. Tài khoản sử dụng	79
2.2.7.4. Quy trình ghi sổ.....	79
2.2.8. Kế toán chi phí khác	81
2.2.8.1. Nội dung chi phí khác.....	81
2.2.8.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng	81
2.2.8.3. Tài khoản sử dụng	81
2.2.8.4. Quy trình ghi sổ.....	81
2.2.9. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	85
2.2.9.1. Nội dung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	85
2.2.9.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng	85
2.2.9.3. Tài khoản sử dụng	85
2.2.9.4. Quy trình ghi sổ.....	86
2.2.10. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	91
2.2.10.1. Nội dung xác định kết quả hoạt động kinh doanh	91
2.2.10.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng	91
2.2.10.3. Tài khoản sử dụng	91
2.2.9.4 Quy trình ghi sổ.....	91

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN

95

3.1. Nhận xét thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết

quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân	95
3.1.1. <i>Ưu điểm</i>	95
3.1.2. <i>Hạn chế</i>	96
3.2. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân	96
PHỤ LỤC	100

DANH MỤC HÌNH ẢNH

<i>Hình 2.1: Giao diện phần mềm kế toán Trí Việt</i>	<i>36</i>
<i>Hình 2.2: Hóa đơn GTGT bán ra số 460</i>	<i>39</i>
<i>Hình 2.3: Giao diện chứng từ bán hàng kèm phiếu xuất kho theo hóa đơn số 460 trên phần mềm.....</i>	<i>40</i>
<i>Hình 2.4: Hóa đơn GTGT số 418</i>	<i>41</i>
<i>Hình 2.5: Giao diện chứng từ bán hàng theo hóa đơn số 418 trên phần mềm</i>	<i>42</i>
<i>Hình 2.6: Giao diện hóa đơn bán hàng kèm phiếu xuất kho</i>	<i>47</i>
<i>Hình 2.7: Phiếu xuất kho số 460.....</i>	<i>47</i>
<i>Hình 2.8: Sao kê tài khoản ngân hàng</i>	<i>50</i>
<i>Hình 2.9: Giao diện hạch toán lãi tiền gửi vào phần mềm.....</i>	<i>51</i>
<i>Hình 2.10: Sao kê tài khoản ngân hàng</i>	<i>53</i>
<i>Hình 2.11: Giao diện hạch toán chi phí lãi vay.....</i>	<i>54</i>
<i>Hình 2.12: Bảng thanh toán tiền lương tháng 11</i>	<i>57</i>
<i>Hình 2.13: Giao diện hạch toán lương lên phần mềm Trí Việt.....</i>	<i>58</i>
<i>Hình 2.14: Cước vận chuyển HĐ 45.....</i>	<i>59</i>
<i>Hình 2.15: Giao diện hạch toán cước vận chuyển lên phần mềm</i>	<i>59</i>
<i>Hình 2.16: Tiền dầu HĐ 281429.....</i>	<i>60</i>
<i>Hình 2.17: Giao diện hạch toán chi phí mua dầu lên phần mềm</i>	<i>61</i>
<i>Hình 2.18: Bảng phân bổ chi phí trả trước dài hạn.....</i>	<i>62</i>
<i>Hình 2.19: Giao diện hạch toán khấu hao TSCĐ lên phần mềm</i>	<i>63</i>
<i>Hình 2.21: Giao diện hạch toán BHXH lên phần mềm Trí Việt.....</i>	<i>64</i>
<i>Hình 2.22: Hóa đơn cước dịch vụ viễn thông.....</i>	<i>65</i>
<i>Hình 2.23: Giao diện hạch toán cước viễn thông lên phần mềm.....</i>	<i>66</i>
<i>Hình 2.24: Giấy nộp tiền lệ phí môn bài.....</i>	<i>67</i>
<i>Hình 2.25: Giao diện hạch toán lệ phí môn bài lên phần mềm Trí Việt.....</i>	<i>68</i>
<i>Hình 2.26: Sao kê phí ngân hàng ngày 4/10/2025</i>	<i>69</i>

<i>Hình 2.27: Giao diện hạch toán phí ngân hàng ngày 4/10/2025</i>	<i>70</i>
<i>Hình 2.28: Bảng khấu hao tài sản cố định.....</i>	<i>72</i>
<i>Hình 2.29: Bảng phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn</i>	<i>72</i>
<i>Hình 2.30: Bảng phân bổ chi phí trả trước dài hạn.....</i>	<i>73</i>
<i>Hình 2.31: Hóa đơn chi phí tiếp khách.....</i>	<i>74</i>
<i>Hình 2.32: Giao diện hạch toán chi phí tiếp khách lên phần mềm.....</i>	<i>75</i>
<i>Hình 2.33: Hóa đơn GTGT số 85</i>	<i>79</i>
<i>Hình 2.34: Giao diện hạch toán khoản chiết khấu thương mại.....</i>	<i>80</i>
<i>Hình 2.35: Sao kê tiền chậm nộp thuế.....</i>	<i>82</i>
<i>Hình 2.36: Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước.....</i>	<i>83</i>
<i>Hình 2.37: Giao diện hạch toán tiền nộp chậm thuế.....</i>	<i>84</i>
<i>Hình 2.38: Tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2025.....</i>	<i>88</i>
<i>Hình 2.39: Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....</i>	<i>89</i>
<i>Hình 2.41: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2025.....</i>	<i>94</i>

DANH MỤC SƠ ĐỒ

<i>Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán tài khoản 511 theo phương thức trực tiếp.....</i>	<i>7</i>
<i>Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán TK 511 theo phương thức trả chậm trả góp.....</i>	<i>8</i>
<i>Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán tài khoản 511 doanh nghiệp giao đại lý, ký gửi.....</i>	<i>8</i>
<i>Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán tài khoản 511 doanh nghiệp nhận làm đại lý.....</i>	<i>8</i>
<i>Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....</i>	<i>10</i>
<i>Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán kế toán các chi phí liên quan</i>	<i>10</i>
<i>Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán kế toán các chi phí liên quan</i>	<i>10</i>
<i>Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.....</i>	<i>13</i>
<i>Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>15</i>
<i>Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán tài khoản 635</i>	<i>18</i>
<i>Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....</i>	<i>20</i>
<i>Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán tài khoản thu nhập khác</i>	<i>23</i>
<i>Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán tài khoản chi phí khá.....</i>	<i>25</i>
<i>Sơ đồ 1.14: Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí thuế TNDN.....</i>	<i>27</i>
<i>Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....</i>	<i>29</i>
<i>Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty.....</i>	<i>33</i>
<i>Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty.....</i>	<i>34</i>
<i>Sơ đồ 2.3: Hình thức nhật ký chung</i>	<i>36</i>

DANH MỤC VIẾT TẮT

GTGT	Giá trị gia tăng
TSCĐ	Tài sản cố định
CCDC	Công cụ dụng cụ
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
NSNN	Ngân sách nhà nước
TK	Tài khoản
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
BH	Bán hàng
CCDV	Cung cấp dịch vụ
LNKT	Lợi nhuận kế toán
TNHH TM & DV	Trách nhiệm hữu hạn thương mại & dịch vụ
KPCĐ	Kinh phí công đoàn

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt quá trình học tập và thực hiện khóa luận tốt nghiệp, em đã nhận được sự quan tâm, giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi từ quý thầy cô, gia đình, bạn bè và đơn vị thực tập. Với lòng biết ơn sâu sắc, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến tất cả những người đã hỗ trợ em hoàn thành khóa luận này.

Trước hết, em xin chân thành cảm ơn Ban Giám hiệu Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, quý thầy cô Khoa Kinh tế đã tận tình giảng dạy, truyền đạt cho em những kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm quý báu trong suốt thời gian học tập tại trường. Những kiến thức đó là nền tảng quan trọng giúp em hoàn thành khóa luận cũng như phục vụ cho công việc trong tương lai.

Đặc biệt, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến cô Nguyễn Thị Thanh Phương, người đã trực tiếp hướng dẫn, tận tình chỉ bảo, góp ý và định hướng cho em trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành đề tài khóa luận tốt nghiệp.

Em xin chân thành cảm ơn Ban Giám đốc cùng toàn thể anh chị nhân viên Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân đã nhiệt tình hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho em trong thời gian thực tập tại Công ty. Những kinh nghiệm thực tế và các thông tin được cung cấp đã giúp em có cơ hội vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, đồng thời hoàn thành tốt nội dung nghiên cứu của đề tài.

Cuối cùng, em xin gửi lời cảm ơn đến gia đình, người thân và bạn bè đã luôn động viên, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho em trong suốt quá trình học tập và thực hiện khóa luận.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình thực hiện, song do hạn chế về thời gian, kiến thức và kinh nghiệm thực tế nên khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu từ quý thầy cô để đề tài được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp luôn phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt. Để tồn tại và phát triển bền vững, doanh nghiệp không chỉ cần nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ mà còn phải tổ chức tốt công tác quản lý tài chính và kế toán. Trong đó, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận quan trọng của hệ thống kế toán doanh nghiệp, có vai trò phản ánh toàn diện tình hình hoạt động kinh doanh, cung cấp thông tin phục vụ cho công tác quản lý và ra quyết định của nhà quản trị.

Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là những chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Việc tổ chức hạch toán chính xác, đầy đủ và kịp thời các khoản doanh thu, chi phí không những giúp doanh nghiệp đánh giá đúng hiệu quả kinh doanh mà còn là cơ sở để thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước và xây dựng các chiến lược phát triển trong tương lai.

Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vật liệu và thiết bị xây dựng. Trong những năm qua, Công ty đã không ngừng phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh. Vì vậy, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc quản lý hoạt động kinh doanh cũng như nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực của doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng đó, kết hợp với những kiến thức đã được học tại Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng và quá trình thực tập thực tế tại Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân, em đã lựa chọn đề tài:

“Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

Về không gian: Nghiên cứu được thực hiện tại Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân.

Về nội dung: Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

Về thời gian: Số liệu sử dụng trong đề tài được thu thập từ hoạt động thực tế của Công ty trong năm 2025.

3. Phương pháp nghiên cứu của đề tài

Để thực hiện đề tài, em đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

Phương pháp thu thập số liệu: Thu thập các tài liệu, chứng từ kế toán, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và các tài liệu liên quan tại Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân.

Phương pháp quan sát thực tế: Quan sát trực tiếp quá trình xử lý chứng từ, ghi sổ kế toán và lập báo cáo tại đơn vị thực tập.

Phương pháp tổng kê và tổng hợp: Tổng hợp số liệu thu thập được nhằm phục vụ cho việc phân tích và đánh giá thực trạng công tác kế toán tại Công ty.

Phương pháp so sánh và đối chiếu: So sánh giữa lý luận đã học với thực tiễn áp dụng tại doanh nghiệp để đánh giá những ưu điểm, hạn chế trong công tác kế toán.

Phương pháp phân tích: Phân tích số liệu và các nghiệp vụ kế toán phát sinh nhằm làm rõ thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

4. Cấu trúc của đề tài

Ngoài phần Lời cảm ơn, Mục lục, Danh mục từ viết tắt, Danh mục bảng biểu, Danh mục sơ đồ, Kết luận và Tài liệu tham khảo, nội dung chính của khóa luận được kết cấu thành 03 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân.

Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

1.1. Kế toán hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.1.1.1. Khái niệm bán hàng và cung cấp dịch vụ

Căn cứ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 14, khái niệm doanh thu được định nghĩa như sau:

“Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.”

1.1.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu

Căn cứ theo quy định tại khoản 1.2 Điều 57 Thông tư 133/2016/TT-BTC về điều kiện ghi nhận doanh thu như sau:

- Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.1.1.3. Các phương thức bán hàng

Trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thương mại, việc lựa chọn phương thức bán hàng phù hợp có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình tiêu thụ hàng hóa, tốc độ thu hồi vốn và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Tùy thuộc vào đặc điểm hàng hóa, quy mô kinh doanh, đối tượng khách hàng và điều kiện thị trường mà doanh nghiệp có thể áp dụng nhiều phương thức bán hàng khác nhau.

Trong thực tế, các doanh nghiệp thương mại thường áp dụng các phương thức bán hàng chủ yếu sau:

a. Bán buôn hàng hóa

Bán buôn là phương thức bán hàng với khối lượng lớn cho các tổ chức trung gian như doanh nghiệp thương mại khác, đại lý, nhà phân phối hoặc các đơn vị sản xuất để tiếp tục bán lại hoặc phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh.

Đặc điểm của bán buôn là hàng hóa được bán với số lượng lớn, giá bán thường thấp hơn so với bán lẻ và quá trình thanh toán thường thực hiện thông qua chuyển khoản hoặc công nợ.

Bán buôn hàng hóa thường được thực hiện theo hai hình thức:

- **Bán buôn qua kho:** Là hình thức bán buôn mà hàng hóa được xuất trực tiếp từ kho của doanh nghiệp cho khách hàng. Sau khi khách hàng nhận hàng và chấp nhận thanh toán, hàng hóa được coi là đã tiêu thụ và doanh thu được ghi nhận.

- **Bán buôn vận chuyển thẳng:** Trong trường hợp này, hàng hóa được mua từ nhà cung cấp và giao thẳng cho khách hàng mà không qua kho của doanh nghiệp. Doanh nghiệp đóng vai trò trung gian trong quá trình mua và bán hàng hóa. Phương thức này giúp giảm chi phí lưu kho, chi phí vận chuyển và tăng tốc độ lưu chuyển

hàng hóa.

b. Bán lẻ hàng hóa

Bán lẻ là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng cuối cùng với khối lượng nhỏ nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng cá nhân hoặc hộ gia đình.

Phương thức bán lẻ thường được áp dụng tại: Cửa hàng bán lẻ; Siêu thị; Trung tâm thương mại; Cửa hàng tiện lợi.

Đặc điểm của bán lẻ là:

- Khối lượng mỗi lần bán nhỏ
- Giá bán thường cao hơn bán buôn
- Thanh toán chủ yếu bằng tiền mặt hoặc thanh toán điện tử
- Doanh thu phát sinh thường xuyên và liên tục

Bán lẻ đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng thị trường tiêu thụ và nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

c. Bán hàng qua đại lý, ký gửi

Đây là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp giao hàng cho các đại lý hoặc đơn vị trung gian để bán hộ. Đại lý thực hiện việc bán hàng theo giá và điều kiện do doanh nghiệp quy định và được hưởng một khoản hoa hồng đại lý.

Trong phương thức này:

- Hàng hóa vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi được bán cho khách hàng cuối cùng.
- Doanh thu chỉ được ghi nhận khi đại lý bán được hàng và báo cáo lại cho doanh nghiệp.

Phương thức bán hàng qua đại lý giúp doanh nghiệp:

- Mở rộng mạng lưới tiêu thụ hàng hóa
- Tiết kiệm chi phí bán hàng
- Tiếp cận thị trường mới nhanh hơn

d. Bán hàng trả chậm, trả góp

Bán hàng trả chậm, trả góp là phương thức bán hàng mà người mua thanh toán tiền hàng nhiều lần trong một khoảng thời gian nhất định theo thỏa thuận giữa hai

bên.

Đặc điểm của phương thức này là:

- Khách hàng được nhận hàng trước và thanh toán sau
- Giá bán trả góp thường cao hơn giá bán trả tiền ngay
- Phần chênh lệch được xem là khoản lãi do trả chậm

Phương thức này thường được áp dụng đối với các mặt hàng có giá trị lớn như: Điện thoại; Máy tính; Thiết bị điện tử; Đồ gia dụng;...

Việc áp dụng bán hàng trả góp giúp doanh nghiệp kích thích nhu cầu tiêu dùng và tăng doanh số bán hàng.

1.1.1.4. Phương thức thanh toán

Trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thương mại, phương thức thanh toán là cách thức mà người mua thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền hàng cho doanh nghiệp sau khi nhận hàng hóa hoặc dịch vụ. Việc lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp không chỉ giúp doanh nghiệp thuận lợi trong việc thu hồi vốn mà còn góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tài chính và hạn chế rủi ro trong kinh doanh.

Hiện nay, các doanh nghiệp thường áp dụng các phương thức thanh toán chủ yếu sau:

a. Thanh toán bằng tiền mặt

Thanh toán bằng tiền mặt là hình thức thanh toán mà khách hàng trả tiền trực tiếp bằng tiền mặt cho doanh nghiệp tại thời điểm mua hàng hoặc sau khi nhận hàng.

Đặc điểm của phương thức này là:

- Thủ tục thanh toán đơn giản
- Thời gian thanh toán nhanh
- Doanh nghiệp thu tiền ngay sau khi bán hàng

Phương thức này thường được áp dụng trong hoạt động bán lẻ hoặc các giao dịch có giá trị nhỏ.

Tuy nhiên, thanh toán bằng tiền mặt cũng có một số hạn chế như:

- Khó kiểm soát dòng tiền
- Tiềm ẩn rủi ro mất mát tiền mặt

- Không phù hợp với các giao dịch có giá trị lớn

b. Thanh toán qua ngân hàng (chuyển khoản)

Thanh toán qua ngân hàng là hình thức thanh toán mà người mua thực hiện việc chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của mình sang tài khoản của doanh nghiệp.

Các hình thức thanh toán qua ngân hàng phổ biến gồm:

- Chuyển khoản
- Ủy nhiệm chi
- Ủy nhiệm thu
- Thanh toán điện tử

Ưu điểm của phương thức này là:

- An toàn và minh bạch
- Dễ dàng kiểm soát và quản lý dòng tiền
- Phù hợp với các giao dịch có giá trị lớn

Hiện nay, thanh toán qua ngân hàng ngày càng phổ biến trong các doanh nghiệp do tính tiện lợi và độ an toàn cao.

c. Thanh toán trả chậm

Thanh toán trả chậm là hình thức thanh toán mà doanh nghiệp cho phép khách hàng thanh toán tiền hàng sau một khoảng thời gian nhất định kể từ khi nhận hàng.

Phương thức này thường áp dụng đối với:

- Khách hàng quen thuộc
- Khách hàng có uy tín
- Các giao dịch bán buôn

Ưu điểm của phương thức này là giúp doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ và duy trì quan hệ lâu dài với khách hàng.

Tuy nhiên, phương thức này cũng tiềm ẩn rủi ro về **công nợ phải thu và khả năng thu hồi nợ**, do đó doanh nghiệp cần có chính sách quản lý công nợ chặt chẽ.

d. Thanh toán bù trừ công nợ

Thanh toán bù trừ công nợ là hình thức thanh toán mà hai bên vừa là người

mua vừa là người bán của nhau, do đó các khoản phải thu và phải trả sẽ được đối trừ để xác định số tiền còn phải thanh toán.

Phương thức này giúp:

- Giảm lượng tiền phải thanh toán
- Giảm chi phí giao dịch
- Tăng hiệu quả quản lý công nợ

Phương thức này thường được áp dụng giữa các doanh nghiệp có quan hệ kinh doanh lâu dài.

1.1.1.5. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) hoặc hóa đơn bán hàng
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu
- Giấy báo Có của ngân hàng
- Hợp đồng kinh tế
- Biên bản giao nhận hàng hóa
- Bảng kê bán hàng
- Các chứng từ liên quan khác

1.1.1.6. Tài khoản sử dụng

Theo quy định tại điều 57 thông tư 133/2016/TT-BTC

Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" có 4 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5118: Doanh thu khác

❖ Kết cấu của tài khoản:

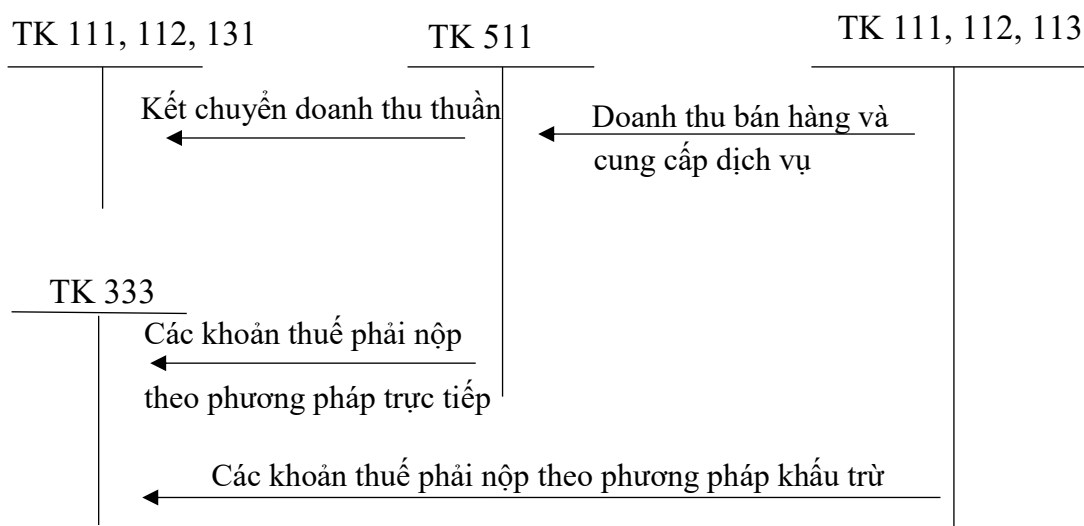
Nợ	TK 511	Có
----	--------	----

Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT); - Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ; - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".	Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
--	---

TK 511 không có số dư cuối kỳ

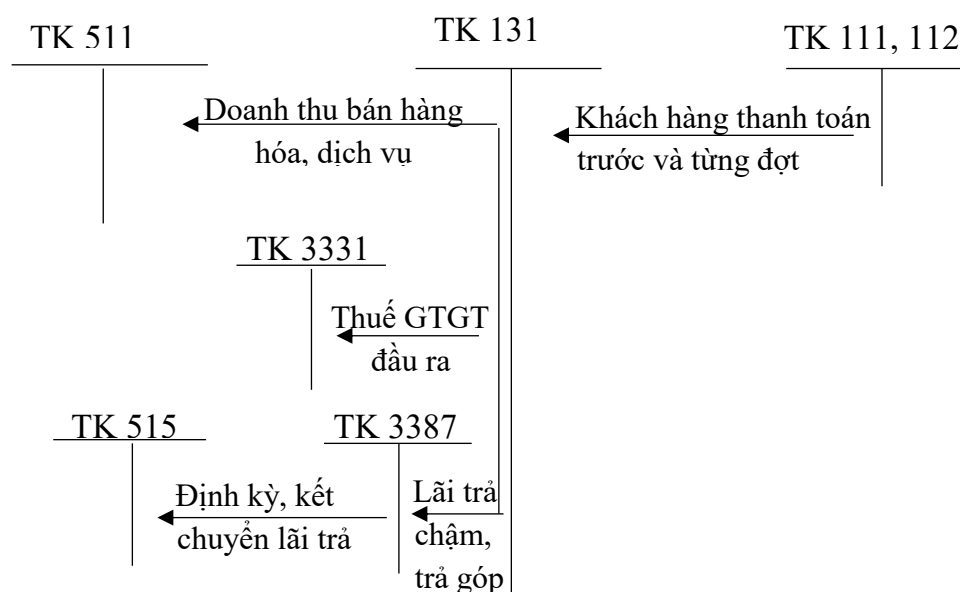
1.1.1.7. Phương pháp hạch toán

a. Bán hàng theo phương thức trực tiếp



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán tài khoản 511 theo phương thức trực tiếp

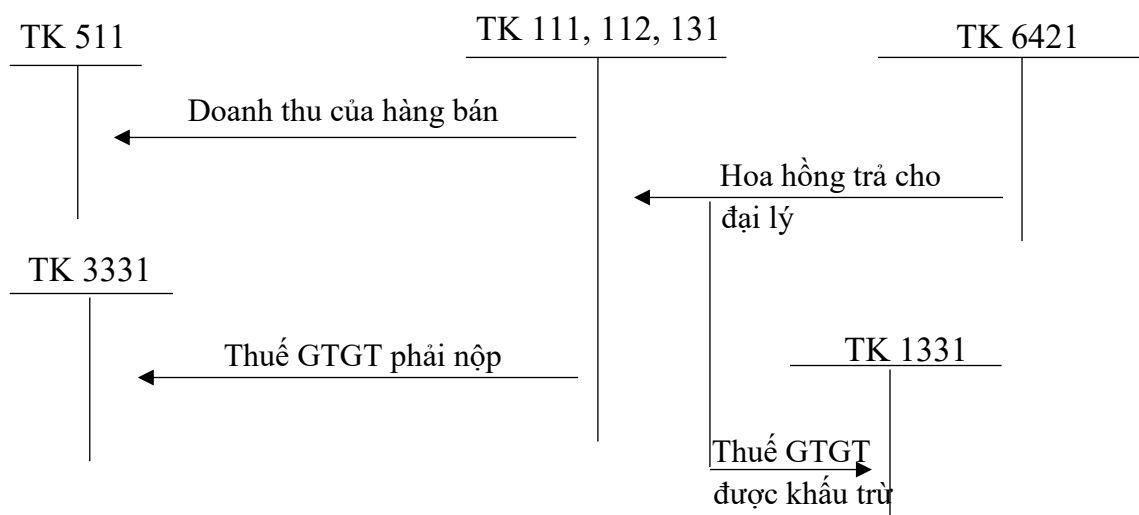
b. Bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán TK 511 theo phương thức trả chậm trả góp

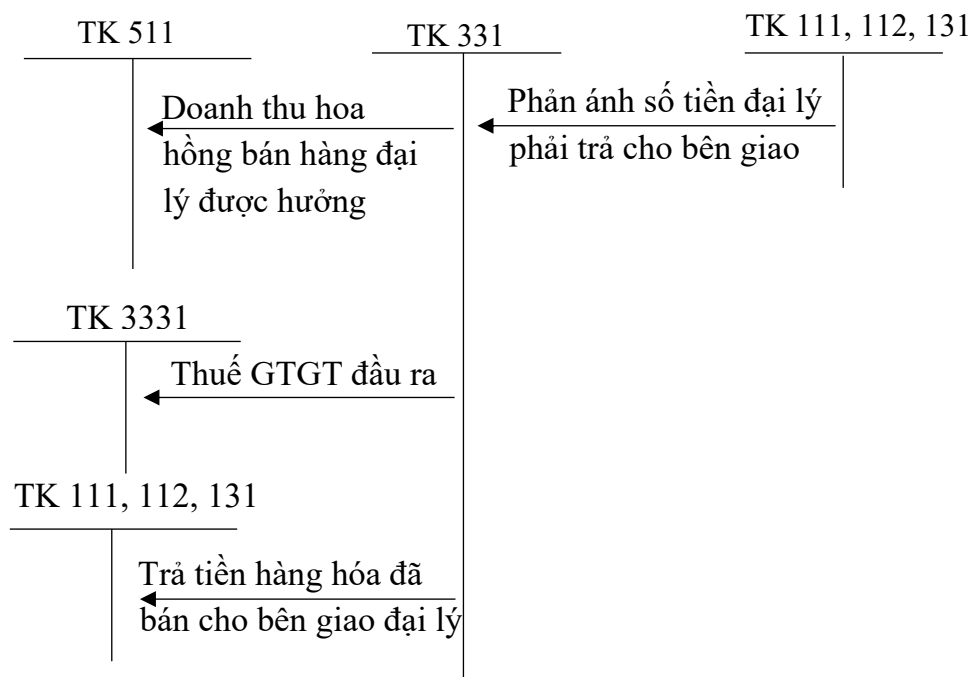
c. Bán hàng theo phương thức qua đại lý, ký gửi

- Doanh nghiệp giao đại lý ký gửi



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán tài khoản 511 doanh nghiệp giao đại lý, ký gửi

- Doanh nghiệp nhận làm đại lý



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán tài khoản 511 doanh nghiệp nhận làm đại lý

1.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.1.2.1. Nội dung các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là tổng hợp các khoản được ghi giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Theo chuẩn mực số 14 – “Doanh thu và thu nhập khác” được ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 của Bộ trưởng Bộ tài chính:

- Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua, bán hàng.

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- Hàng bán bị trả lại: Là khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như hàng kém chất lượng, sai quy cách, chủng loại...

1.1.2.2. Chứng từ sử dụng

- Chiết khấu thương mại: Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng; Phiếu thu tiền mặt, giấy báo ngân hàng; Một số chứng từ liên quan (nếu có).

- Giảm giá hàng bán: Bảng kê không đạt chất lượng, qui cách; Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng; Biên bản điều chỉnh giảm giá...

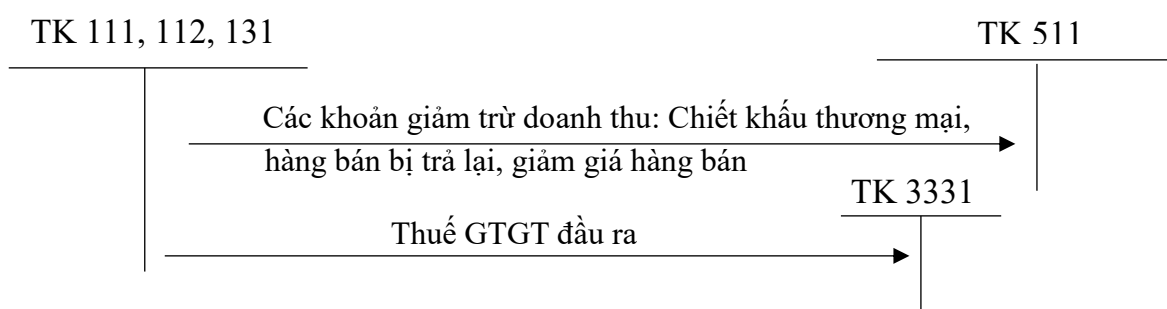
- Hàng bán bị trả lại: Văn bản đề nghị trả lại hàng của người mua; Hóa đơn của bên mua xuất trả lại hàng đã mua, hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng; Phiếu nhập kho...

1.1.2.3. Tài khoản sử dụng

Các khoản giảm trừ doanh thu: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 " Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"

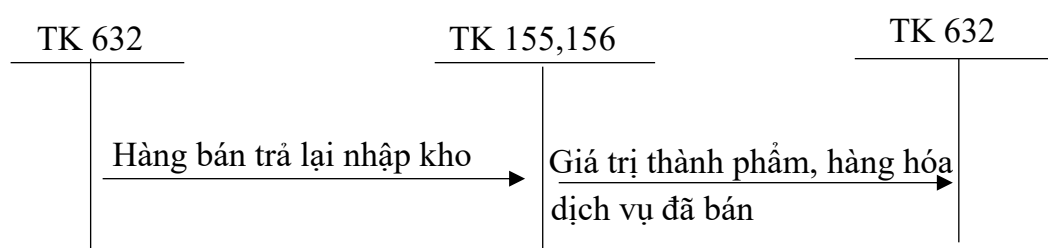
1.1.2.4. Phương pháp hạch toán

❖ Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



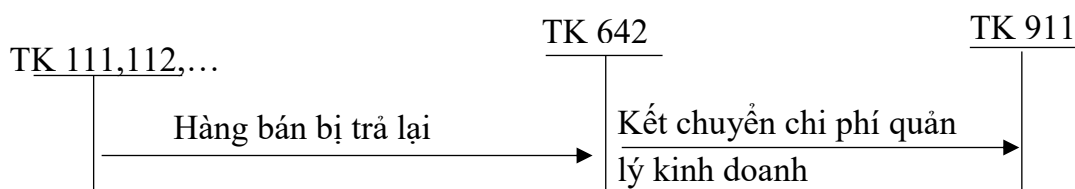
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

❖ Kế toán các chi phí liên quan: Nhận lại sản phẩm, hàng hóa



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán kế toán các chi phí liên quan

❖ Hạch toán chi phí phát sinh liên quan đến hàng bán bị trả lại



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán kế toán các chi phí liên quan

1.1.3. Kế toán giá vốn hàng bán

1.1.3.1. Nội dung giá vốn hàng bán

Theo Điều 62 Thông tư 133/2016/BT-BTC tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí cho thuê BĐSĐT theo phương thức cho thuê hoạt động; chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT.....

1.1.3.2. Phương pháp tính giá xuất kho

Theo quy định tại điều 22 của thông tư 133/2016/TT-BTC: Doanh nghiệp có thể sử dụng các phương pháp sau để xác định giá vốn hàng bán:

- Phương pháp tính theo giá đích danh: Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng lần nhập hàng hóa mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được chi tiết về giá nhập của từng lô hàng tồn kho.

- Phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập: Theo phương pháp giá bình quân sau mỗi lần nhập, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ.

❖ Công thức:

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i sau lần nhập thứ n	=	$\frac{\text{Trị giá thực tế hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n} + \text{Trị giá thực tế hàng i nhập kho ở lần thứ n}}{\text{Số lượng hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n} + \text{Số lượng hàng i nhập kho ở lần thứ n}}$
---	---	---

- Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ (còn được gọi là phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ): Giá vốn hàng hóa được tính bằng giá trị và số lượng của loại hàng hóa tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ.

❖ Công thức:

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i	=	$\frac{\text{Trị giá thực tế hàng i tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế hàng i nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng i tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng i nhập trong kỳ}}$
--	---	---

- Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO): Phương pháp nhập trước, xuất trước được áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì xuất trước, và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Tức là hàng nào nhập trước thì ưu tiên xuất trước và cuối kỳ số hàng tồn còn lại trong kho thì có giá trị của hàng nhập gần hoặc cuối kỳ.

1.1.3.3. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn mua hàng, hóa đơn bán hàng, hóa đơn GTGT...

- Phiếu xuất kho, phiếu xuất vật tư, phiếu tính giá thành sản phẩm...
- Phiếu nhập kho, bản kiểm kê hàng hóa
- Các chứng từ liên quan khác

1.1.3.4. Tài khoản sử dụng

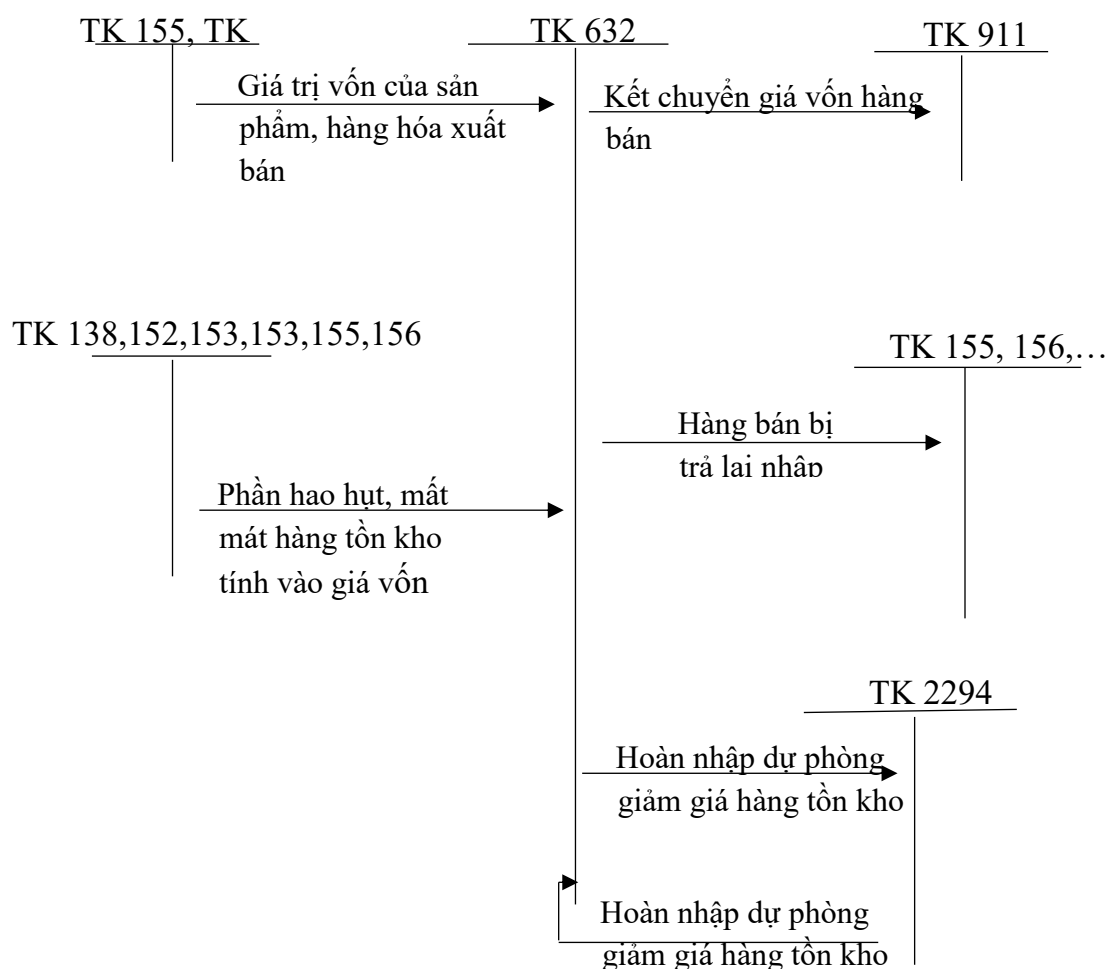
❖ Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho; - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán sau khi hàng đã tiêu thụ.

TK 632 không có số dư cuối kỳ

1.1.3.5. Phương pháp hạch toán

Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.2. Kế toán hoạt động tài chính

1.2.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.1.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản doanh thu thu được thông qua các hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn đem lại. Cụ thể như:

- Tiền lãi: Lãi từ cho vay, tiền gửi, bán hàng trả chậm, đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán, cho thuê tài chính...
- Thu nhập từ cho thuê tài sản: Bao gồm cho thuê tài sản, quyền sở hữu như sáng chế, nhãn hiệu, bản quyền tác giả. Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.
- Thu nhập từ hoạt động đầu tư mua bán, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.
- Chênh lệch do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

1.2.1.2. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có
- Phiếu thu
- Sổ phụ ngân hàng
- Sao kê ngân hàng
- Các chứng từ liên quan khác

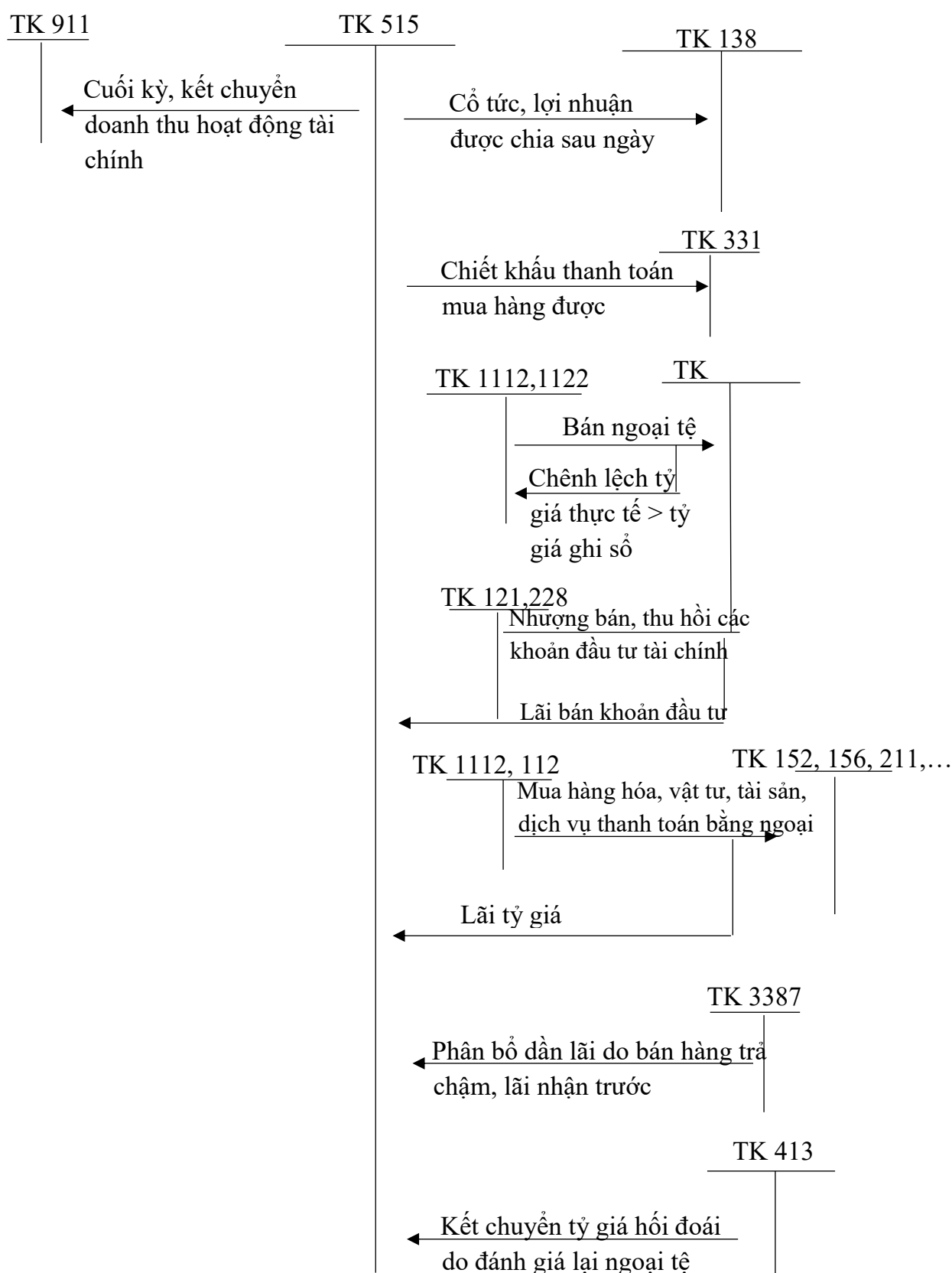
1.2.1.3. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ tài khoản sử dụng để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính, kế toán sử dụng Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”.

❖ Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".		Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.
TK 515 không có số dư cuối kỳ		

1.2.1.4. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.2. Kế toán chi phí tài chính

1.2.2.1. Nội dung chi phí tài chính

Chi phí tài chính là tất cả các loại chi phí có liên quan đến hoạt động tài chính trong kỳ bao gồm các khoản sau:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, lỗ bán ngoại tệ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng

- Sao kê ngân hàng, sổ phụ ngân hàng
- Phiếu chi
- Ủy nhiệm chi
- Giấy báo nợ
- Bảng tính lãi vay
- Các chứng từ liên quan khác

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ tài khoản sử dụng để hạch toán chi phí tài chính, kế toán sử dụng Tài khoản 635 “Chi phí tài chính”.

- Tài khoản 635 – “Chi phí tài chính”: Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí tài chính như chi phí đi vay, chi phí góp vốn liên doanh.
- Tài khoản này không có tài khoản cấp 2 và không có số dư cuối kỳ

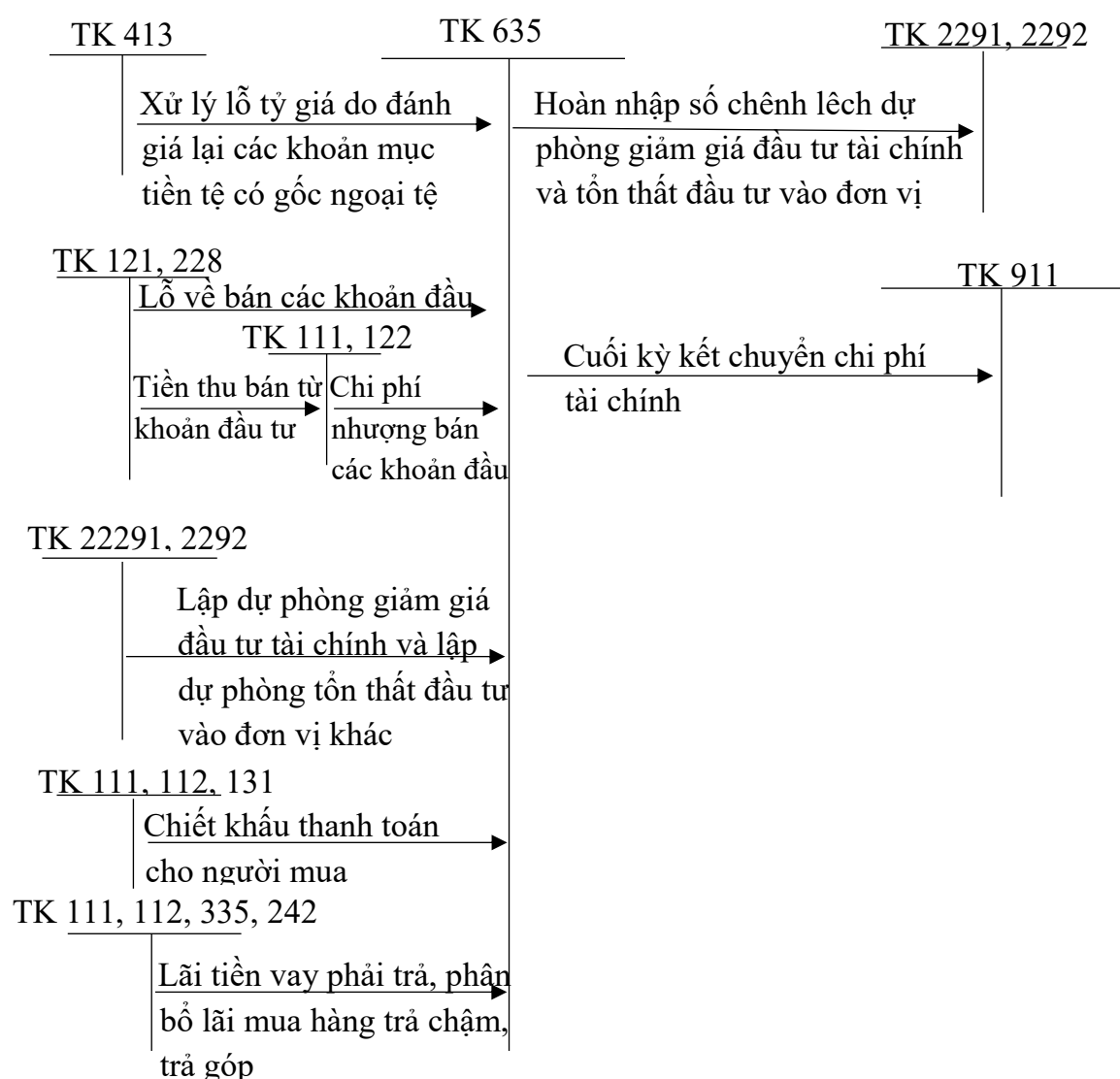
❖ Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 635	Có
----	--------	----

- Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ; - Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước)	- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết). - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
---	--

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

1.2.2.4. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán tài khoản 635

1.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.3.1. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

1.3.2. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Bảng tính lương và các khoản trích theo lương.
- Bảng chấm công
- Bảng thanh toán tiền lương
- Phiếu Chi, giấy báo nợ
- Bảng khấu hao TSCĐ và phân bổ CCDC
- Phiếu kế toán
- Thông báo nộp BHYT, BHXH, BHTN

- Giấy nộp tiền vào NSNN
- Các chứng từ liên quan khác

1.3.3. Tài khoản sử dụng

Theo quy định của thông tư 133/2016/TT-BTC, để hạch toán chi phí quản lý kinh doanh, kế toán sử dụng Tài khoản 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”.

Tài khoản 642 có 2 tài khoản cấp 2:

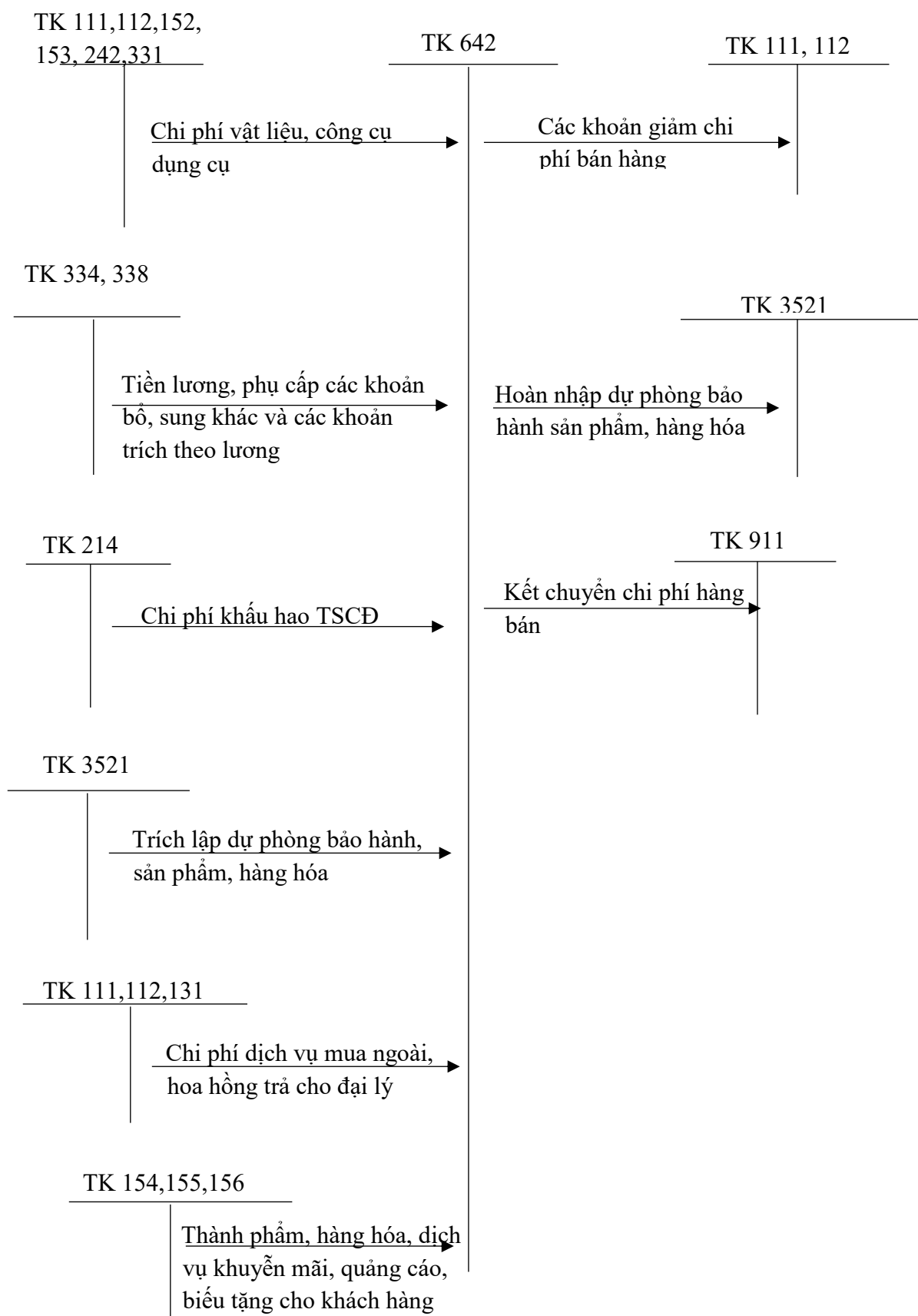
- Tài khoản 6421: Chi phí bán hàng
- Tài khoản 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 642	Có
- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.		- Khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).		- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng đến).
		- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"

TK 642 không có số dư cuối kỳ

1.3.4. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.4. Kế toán hoạt động khác

1.4.1. Kế toán thu nhập khác

1.4.1.1. Nội dung thu nhập khác

Theo quy định tại điều 65 của thông tư 133/2016/TT-BTC, thu nhập khác là khoản thu góp phần tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài, các hoạt động tạo ra doanh thu gồm:

- Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản thuế được Ngân sách Nhà Nước hoàn lại;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập do nhận tặng, biếu bằng tiền, hiện vật của tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Giá trị số hàng khuyến mãi không phải trả lại nhà sản xuất.

1.4.1.2. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản thanh lý tài sản cố định
- Phiếu thu
- Biên bản giao nhận, thanh lý TSCĐ
- Các chứng từ liên quan khác

1.4.1.3. Tài khoản sử dụng

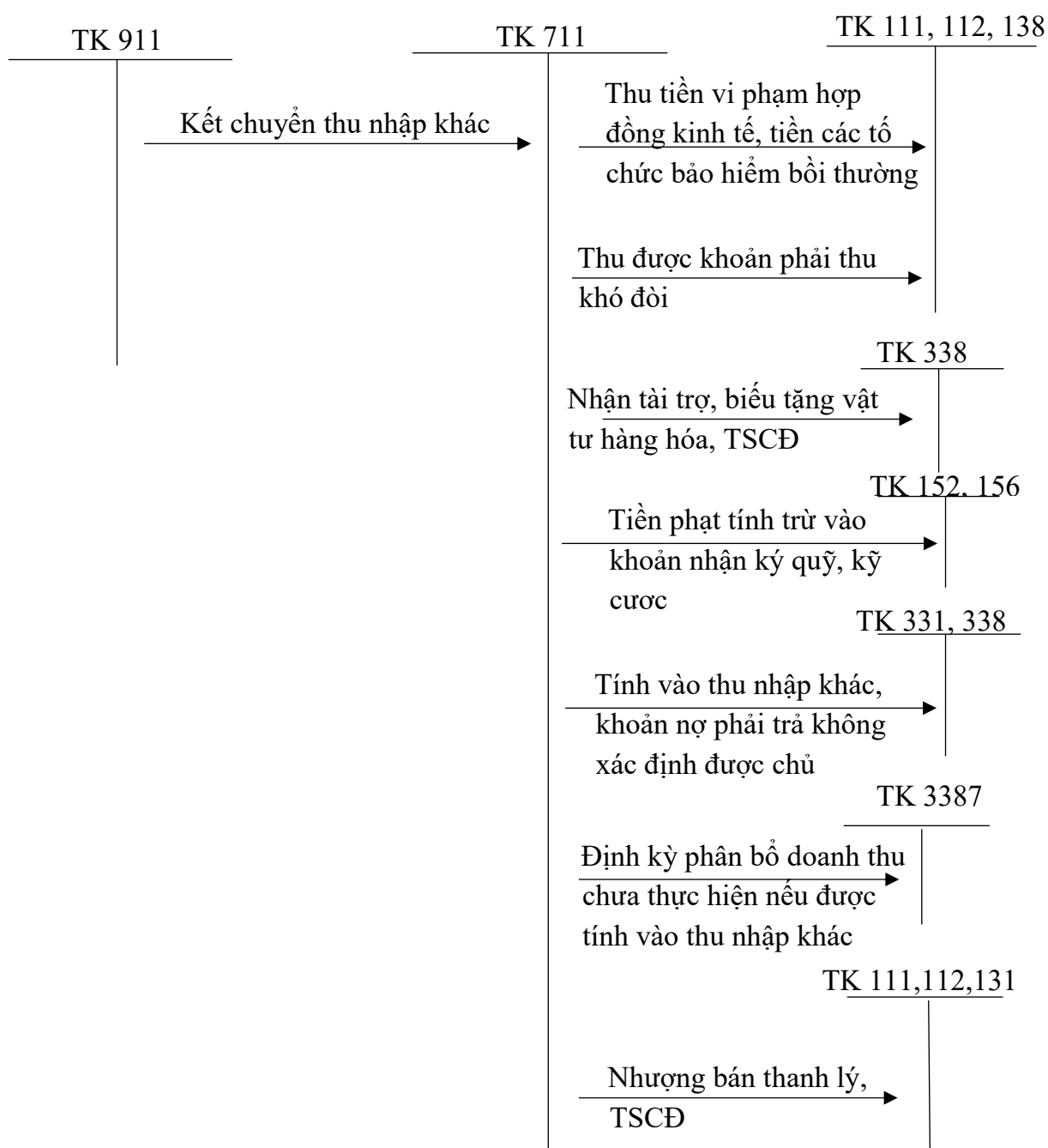
Theo thông tư 133/2016/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ tài khoản sử dụng, để hạch toán thu nhập khác là Tài khoản 711.

❖ Kết cấu tài khoản:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
---	---

TK 711 không có số dư cuối kỳ

1.4.1.4 Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán tài khoản thu nhập khác

1.4.2. Kế toán chi phí khác

1.4.2.1. Nội dung chi phí khác

Chi phí khác là những chi phí phát sinh do các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Bao gồm các chi phí như: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ; các khoản bị phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt khi truy nộp thuế,...

1.4.2.2. Chứng từ sử dụng

- Biên bản vi phạm hợp đồng
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Hóa đơn GTGT
- Biên lai nộp thuế, nộp phạt
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Ủy nhiệm chi
- Các chứng từ liên quan khác

1.4.2.3. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ tài khoản sử dụng, để hạch toán chi phí khác là Tài khoản 811 "Chi phí khác" TK 811 "Chi phí khác" không có tài khoản cấp 2 và không có số dư cuối kỳ.

❖ Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh.		- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

TK 811 không có số dư cuối kỳ

1.4.2.4. Phương pháp kế toán

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = (\text{Doanh thu} - \text{Chi phí được trừ}) + \text{Các khoản thu nhập khác}$$

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \left(\text{Thu nhập được miễn thuế} + \text{Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định} \right)$$

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \left(\text{Thu nhập tính thuế} - \text{Phần trích lập quỹ khoa học và công nghệ (nếu có)} \right) \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.5.2. Chứng từ sử dụng

- Phân trích lập quỹ KH & CN
- Tờ khai quyết toán TNDN (03/TNDN) (TT80/2021)
- Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước
- Thông báo thuế và biên lai nộp thuế
- Các chứng từ liên quan khác

1.5.3. Tài khoản sử dụng

Theo quy định của thông tư 133/2016/TT-BTC, để hạch toán chi phí thuế TNDN, kế toán sử dụng Tài khoản 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”.

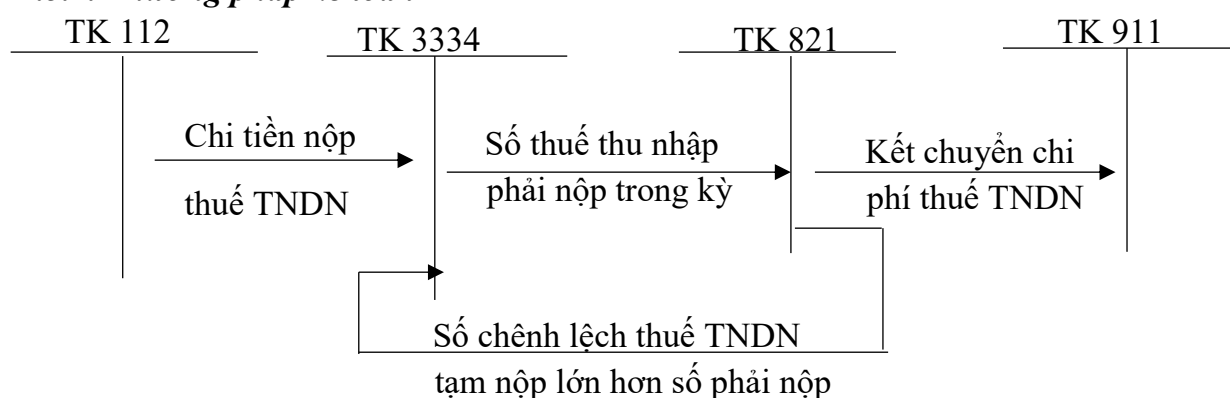
❖ Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 821	Có
- Chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm. - Thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN của năm hiện tại.		- Thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN của năm hiện tại. - Số thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN tạm nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN đã ghi nhận trong năm.

- Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN trong năm hiện tại.
- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN trong năm vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ

1.5.4. Phương pháp kế toán



Sơ đồ 1.14: Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí thuế TNDN

1.6. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.6.1. Nội dung xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Theo Điều 68 Thông tư 133/2016/TT-BTC quy định nguyên tắc kế toán xác định kết quả kinh doanh như sau: Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

❖ Công thức

Doanh thu thuần về BH và CCDV = Doanh thu BH và CCDV - Các khoản giảm trừ doanh thu

LN gộp về BH và CCDV = Doanh thu thuần CCDV về BH và CCDV - Giá vốn hàng bán

LN thuần từ hoạt động = LN gộp về BH và CCDV + Doanh thu hoạt động tài chính CCDV - Chi phí tài chính - Chi phí quản lý kinh doanh

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

Tổng LNKT trước thuế = LN thuần trước thuế từ hoạt động kinh doanh + Lợi nhuận khác

Tổng LNKT sau thuế = Tổng LNKT trước thuế - Chi phí thuế TNDN

1.6.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Phiếu kết chuyển
- Các chứng từ liên quan khác

1.6.3. Tài khoản sử dụng

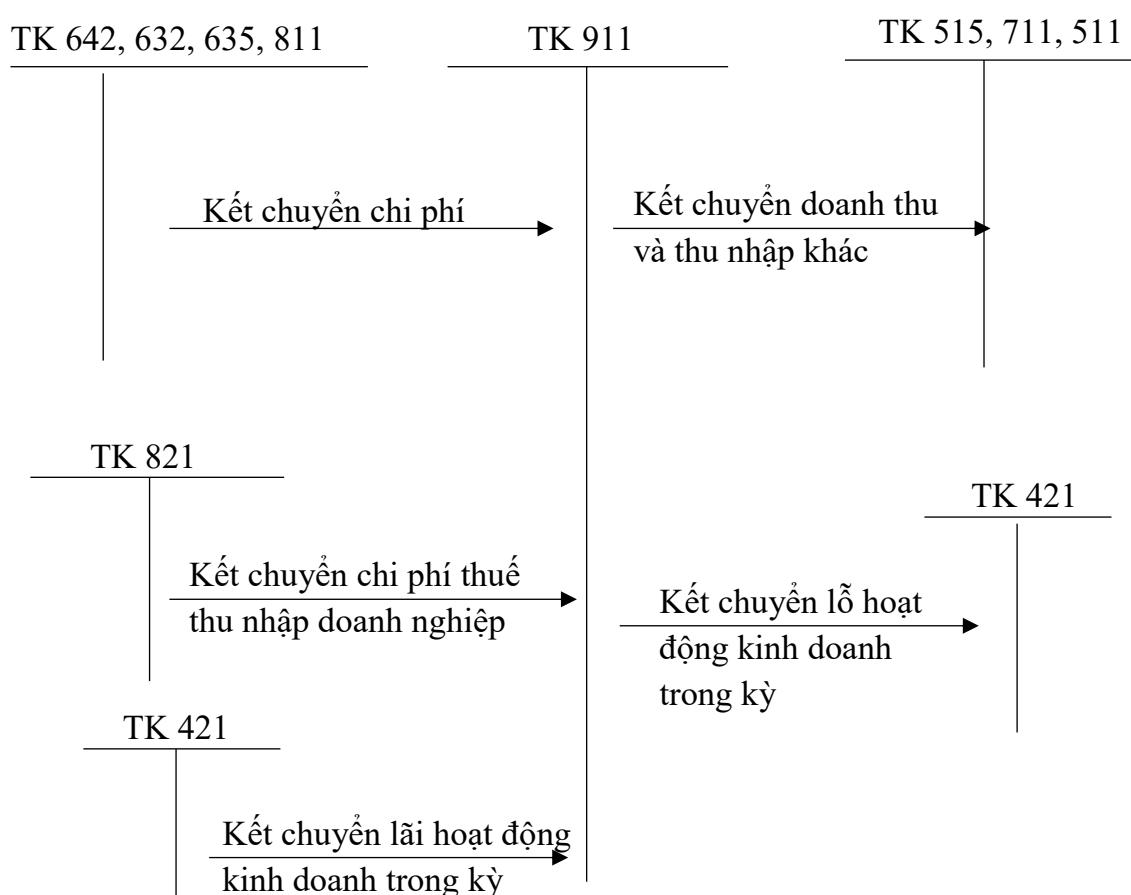
Theo thông tư 133/2016/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ tài khoản sử dụng để hạch toán xác định kết quả kinh doanh là Tài khoản 911.

❖ **Kết cấu tài khoản:**

Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản và dịch vụ đã bán. - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác. - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. - Kết chuyển lãi.		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán. - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. - Kết chuyển lỗ.

TK 911 không có số dư cuối kỳ

❖ Phương pháp kế toán



Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN

2.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân

2.1.1. Giới thiệu chung về Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân

Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp ngày **19/04/2019**, với mã số thuế **0401971048**. Công ty hiện đang hoạt động hợp pháp và chịu sự quản lý trực tiếp của **Chi cục Thuế cơ sở 1 – Thành phố Đà Nẵng**.

- **Tên công ty:** Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân
- **Mã số thuế:** 0401971048
- **Ngày cấp:** 19/04/2019
- **Địa chỉ trụ sở:** 104 Hoàng Văn Thái, Phường Hòa Khánh, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- **Người đại diện theo pháp luật:** Nguyễn Kim Hoàng
- **Loại hình DN:** Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên ngoài Nhà nước
- **Điện thoại:** 0935 511 174

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân

- Giai đoạn hình thành và xây dựng nền tảng (2019 – 2020)

Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân được thành lập vào ngày 19/04/2019 với trụ sở ban đầu đặt tại đường Nguyễn Phước Lan, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng, trong bối cảnh thị trường vật liệu xây dựng tại địa phương đang phát triển nhưng mức độ cạnh tranh tương đối cao. Trong giai đoạn đầu đi vào hoạt động, Công ty gặp nhiều khó khăn điển hình của một doanh nghiệp mới như nguồn vốn còn hạn chế, kinh nghiệm quản lý chưa nhiều, thị trường tiêu thụ chưa ổn định và độ nhận diện thương hiệu còn thấp. Tuy nhiên, thay vì mở rộng dàn trải, Công ty đã lựa chọn chiến lược phát triển tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính là vật liệu và thiết bị lắp đặt trong xây dựng, đồng thời chú trọng xây dựng uy tín thông qua chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Chính hướng đi này đã giúp công ty từng bước tạo dựng niềm tin với khách hàng, ổn định hoạt động kinh doanh và hình thành nền tảng ban đầu cho các giai đoạn phát triển tiếp theo.

- Giai đoạn phát triển và mở rộng hoạt động (2021 – 2023)

Sau khi vượt qua giai đoạn khởi đầu, Công ty bước vào thời kỳ phát triển với những chuyển biến tích cực cả về quy mô lẫn hiệu quả hoạt động. Trong giai đoạn này, Công ty đã tận dụng tốt các cơ hội từ thị trường xây dựng đang có nhu cầu cao, qua đó mở rộng phạm vi kinh doanh và gia tăng doanh thu. Đồng thời, doanh nghiệp chủ động đa dạng hóa danh mục sản phẩm, thiết lập và duy trì mối quan hệ hợp tác với nhiều đối tác trong lĩnh vực xây dựng, từ đó hình thành hệ thống khách hàng tương đối ổn định. Bên cạnh việc mở rộng thị trường, Công ty còn chú trọng đầu tư vào cơ sở vật chất, cải tiến phương thức quản lý và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, qua đó góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh. Có thể thấy, đây là giai đoạn mang tính bản lề, giúp công ty chuyển từ trạng thái “ổn định ban đầu” sang “phát triển có định hướng”.

- Giai đoạn chuyển đổi và định hướng phát triển bền vững (2024 đến nay)

Trước yêu cầu mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao hiệu quả kinh doanh trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt, công ty đã thực hiện chuyển địa chỉ trụ sở chính về số 104 Hoàng Văn Thái, phường Hòa Khánh, thành phố Đà Nẵng. Việc thay đổi địa điểm này không chỉ đơn thuần mang tính hành chính mà còn thể hiện rõ định hướng phát triển dài hạn của doanh nghiệp. Địa điểm mới với điều kiện giao thông thuận lợi hơn đã giúp Công ty nâng cao khả năng kết nối với khách hàng và đối tác, đồng thời tạo điều kiện mở rộng quy mô hoạt động và cải thiện môi trường làm việc. Đây được xem là một bước đi mang tính chiến lược, phản ánh sự chủ động thích ứng của doanh nghiệp trước những thay đổi của thị trường. Trong giai đoạn hiện nay, Công ty đang tập trung vào việc ổn định tổ chức sau khi chuyển địa điểm, tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và từng bước ứng dụng công nghệ vào quản lý nhằm nâng cao năng suất và chất lượng dịch vụ. Điều này cho thấy doanh nghiệp đang hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, nâng cao vị thế cạnh tranh trên thị trường trong dài hạn.

2.1.3. Chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực hoạt động của Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân

2.1.3.1. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp thương mại – dịch vụ giữ vai trò quan trọng trong việc kết nối giữa quá trình sản xuất và tiêu dùng, góp phần đảm bảo sự lưu thông hàng hóa diễn ra liên tục và hiệu quả. Với đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại vật liệu và thiết bị xây dựng, Công ty

TNHH TM & DV Hoa Vân thực hiện các chức năng cơ bản gắn liền với vai trò trung gian phân phối trên thị trường. Cụ thể, Công ty tổ chức hoạt động mua bán, cung ứng và phân phối các loại vật liệu, thiết bị phục vụ ngành xây dựng từ nhà cung cấp đến khách hàng, qua đó góp phần rút ngắn thời gian lưu thông hàng hóa, giảm chi phí trung gian và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty còn cung cấp các dịch vụ hỗ trợ như tư vấn sản phẩm, vận chuyển và giao nhận hàng hóa, từ đó gia tăng giá trị dịch vụ và nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng. Ngoài chức năng kinh doanh, Công ty còn thực hiện chức năng tạo ra lợi nhuận nhằm đảm bảo sự tồn tại và phát triển lâu dài, đồng thời đóng góp vào ngân sách Nhà nước thông qua việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định pháp luật.

Về nhiệm vụ, Công ty có trách nhiệm xây dựng và triển khai chiến lược kinh doanh phù hợp với từng giai đoạn phát triển cũng như bối cảnh thị trường. Việc hoạch định chiến lược không chỉ tập trung vào mục tiêu doanh thu và lợi nhuận mà còn hướng đến mở rộng thị trường, phát triển khách hàng và nâng cao năng lực cạnh tranh. Đồng thời, Công ty phải tổ chức và sử dụng hiệu quả các nguồn lực như vốn, lao động và cơ sở vật chất nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động kinh doanh. Một nhiệm vụ quan trọng khác là đảm bảo chất lượng hàng hóa và dịch vụ cung cấp ra thị trường, bởi đây là yếu tố then chốt quyết định uy tín và khả năng duy trì khách hàng lâu dài. Ngoài ra, Công ty còn có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người lao động và xây dựng môi trường làm việc ổn định. Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt, Công ty cần không ngừng đổi mới phương thức quản lý, nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân sự và từng bước ứng dụng công nghệ vào hoạt động kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả và khả năng thích ứng với thị trường. Nhìn chung, việc thực hiện tốt các chức năng và nhiệm vụ nêu trên chính là nền tảng quan trọng giúp Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân phát triển ổn định và bền vững trong dài hạn.

2.1.3.2. Lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh

Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương mại, với ngành nghề kinh doanh chính là bán buôn vật liệu và thiết bị lắp đặt trong xây dựng. Đây là lĩnh vực giữ vai trò quan trọng trong việc cung cấp các yếu tố đầu vào thiết yếu cho các công trình xây dựng, đồng thời có mối liên hệ chặt chẽ với sự phát triển của thị trường bất động sản và đầu tư cơ sở hạ tầng.

Việc lựa chọn lĩnh vực này làm ngành nghề kinh doanh cốt lõi thể hiện định hướng phát triển đúng đắn của Công ty, khi tập trung vào những ngành có nhu cầu tương đối ổn định, ít biến động và có tiềm năng tăng trưởng bền vững trong dài hạn.

Qua đó, Công ty có điều kiện mở rộng quy mô hoạt động, nâng cao năng lực cạnh tranh và khẳng định vị thế trên thị trường.

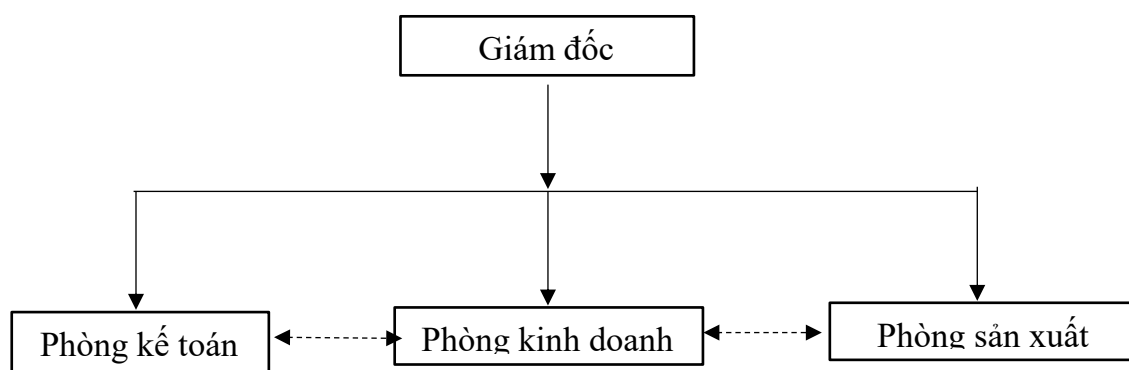
2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý

2.1.4.1. Sơ đồ tổ chức

Sơ đồ tổ chức của Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân được xây dựng theo mô hình trực tuyến – chức năng, trong đó Giám đốc là người trực tiếp quản lý và điều hành các bộ phận.

Các bộ phận này có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ với nhau trong quá trình hoạt động, đảm bảo từ khâu tìm kiếm khách hàng, ký kết hợp đồng đến cung ứng hàng hóa và thanh toán được thực hiện một cách hiệu quả.

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty được thể hiện như sau:



Ghi chú: Quan hệ chỉ đạo: —————>

Quan hệ chức năng: <----->

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty

2.1.4.2. Chức năng các phòng ban

Trong cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân, các bộ phận được phân chia theo hướng tinh gọn, phù hợp với quy mô hoạt động của doanh nghiệp. Mỗi bộ phận đảm nhận một chức năng riêng, đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra hiệu quả và liên tục.

- **Giám đốc**: Là người đứng đầu doanh nghiệp, giữ vai trò lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động của công ty; chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược phát triển ngắn hạn và dài hạn, định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thị trường; trực tiếp đưa ra các quyết định quan trọng liên quan đến tài chính, đầu tư, nhân sự và tổ chức bộ máy; đồng thời kiểm tra, giám sát hoạt động của các phòng ban nhằm đảm bảo doanh nghiệp vận hành hiệu quả và tuân thủ quy định pháp

luật.

- **Phòng kế toán:** Là bộ phận thực hiện chức năng quản lý tài chính và tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp; có nhiệm vụ thu thập, xử lý và ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; lập báo cáo tài chính định kỳ theo quy định; theo dõi tình hình thu – chi, công nợ phải thu, phải trả và quản lý tài sản; thực hiện kê khai, nộp thuế đúng quy định; đồng thời cung cấp thông tin tài chính kịp thời, chính xác phục vụ cho việc ra quyết định của Ban giám đốc.

- **Phòng kinh doanh:** Có chức năng tổ chức và triển khai hoạt động tiêu thụ sản phẩm; chịu trách nhiệm nghiên cứu thị trường, tìm kiếm và mở rộng mạng lưới khách hàng; xây dựng kế hoạch kinh doanh, chiến lược bán hàng và chính sách giá phù hợp; trực tiếp thực hiện các giao dịch mua bán, ký kết hợp đồng và theo dõi quá trình thực hiện hợp đồng; đồng thời duy trì, chăm sóc khách hàng nhằm nâng cao uy tín và gia tăng doanh thu cho doanh nghiệp.

- **Phòng sản xuất:** Là bộ phận trực tiếp tạo ra sản phẩm, có nhiệm vụ lập kế hoạch sản xuất căn cứ vào nhu cầu thị trường và đơn đặt hàng; tổ chức, quản lý quá trình sản xuất từ khâu chuẩn bị nguyên vật liệu đến hoàn thành sản phẩm; kiểm soát việc sử dụng máy móc, thiết bị và lao động nhằm đảm bảo tiết kiệm chi phí và nâng cao năng suất; đồng thời đảm bảo tiến độ sản xuất, chất lượng sản phẩm và tuân thủ các quy định về an toàn lao động.

2.1.5. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty

2.1.5.1. Sơ đồ tổ chức



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty

2.1.5.2. Chức năng các bộ phận

- Kế toán nội bộ:
 - + Quản lý và theo dõi các khoản thu chi nội bộ của công ty.
 - + Kiểm tra và đối chiếu số liệu giữa các bộ phận, đảm bảo tính chính xác và hợp lệ.
 - + Lưu trữ, quản lý chứng từ, sổ sách kế toán.
 - + Hỗ trợ kế toán dịch vụ khi có yêu cầu.
- Kế toán thuế:

+ Lập hóa đơn, chứng từ hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

+ Lập báo cáo thuế, báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán thuế và thực hiện nộp báo cáo tài chính hàng năm, lập và nộp báo cáo với cơ quan thống kê đều được đơn vị kế toán thay mặt doanh nghiệp thực hiện.

2.1.6. Hình thức ghi sổ kế toán của Công ty và trình tự luân chuyển chứng từ

- Hình thức ghi sổ tại Công ty: Kế toán ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung.

- Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký chung: tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

- Hình thức ghi sổ Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

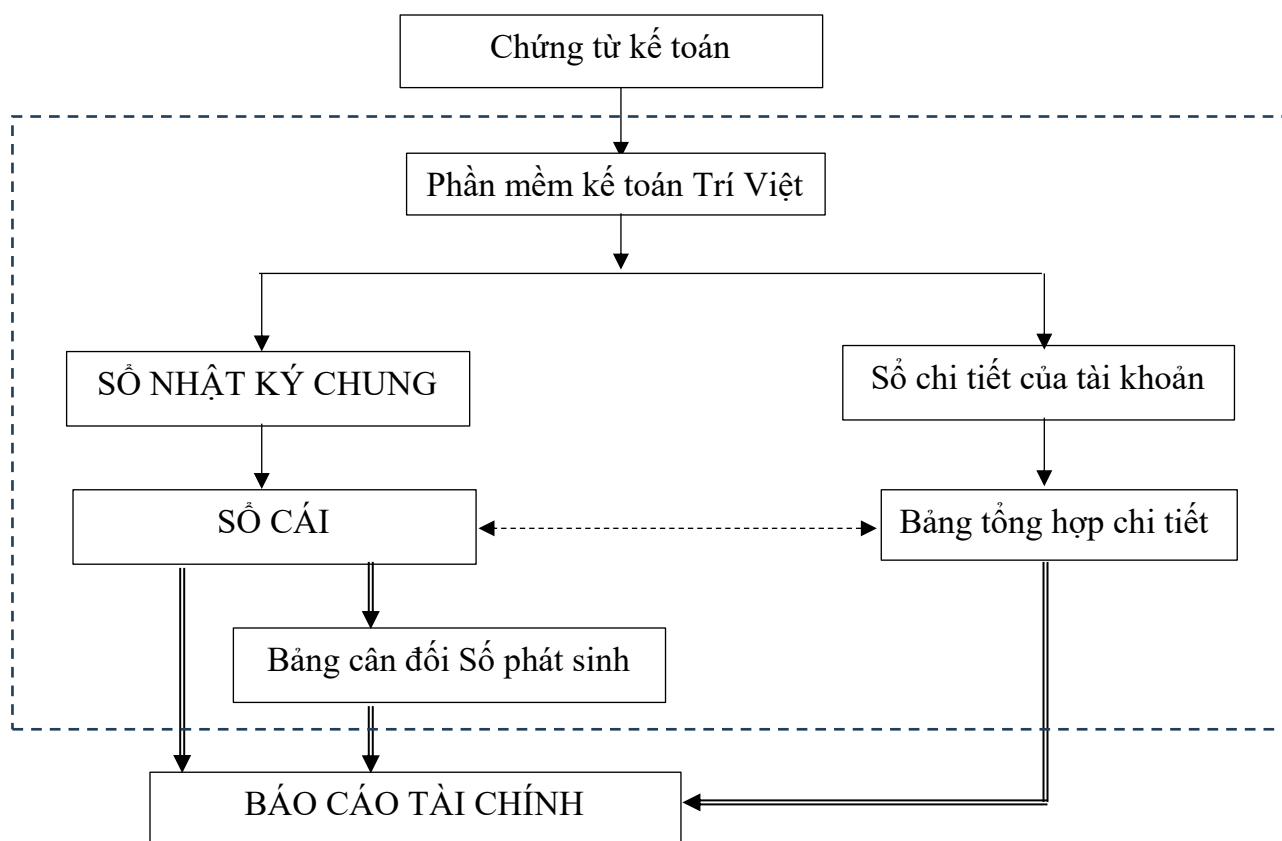
Trình tự ghi sổ:

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

- Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

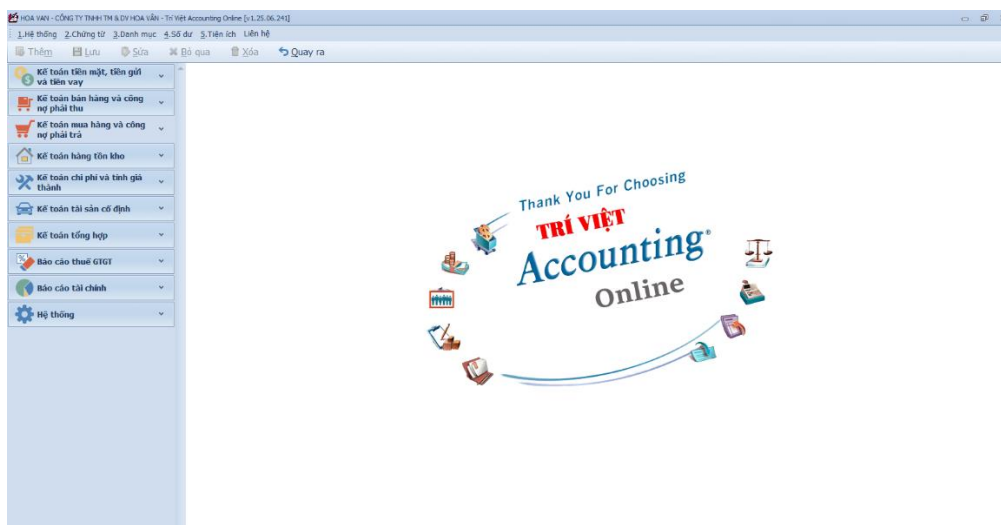
TRÌNH TỰ GHI SỔ THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG



Sơ đồ 2.3: Hình thức nhật ký chung

Ghi chú: Ghi hàng ngày →
 Ghi cuối kỳ ==>
 Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <----->

- Công ty sử dụng phần mềm kế toán Trí Việt để thực hiện công tác ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính.



Hình 2.1: Giao diện phần mềm kế toán Trí Việt

2.1.7. Chế độ và chính sách kế toán

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty TNHH TM & DV áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính.

- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hằng năm.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

- Phương pháp tính thuế GTGT: Công ty áp dụng theo phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng.

- Phương pháp tính giá xuất kho: Giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm, đảm bảo phản ánh tương đối chính xác giá trị hàng hóa xuất bán trong kỳ.

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty

a, Đặc điểm sản phẩm, hàng hóa

- Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân kinh doanh đa dạng các mặt hàng trong lĩnh vực vật liệu và thiết bị xây dựng. Các sản phẩm được phân thành các nhóm chủ yếu sau:

- Nhóm gạch xây dựng: Đây là nhóm mặt hàng chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu của Công ty, bao gồm các loại gạch ốp lát, gạch trang trí, gạch granite, gạch ceramic... với nhiều kích thước và mẫu mã khác nhau.
- Nhóm thiết bị nhà bếp: Bao gồm các sản phẩm như bếp điện từ, bếp từ đôi, máy hút mùi,... đến từ nhiều thương hiệu khác nhau, đáp ứng nhu cầu sử dụng trong hộ gia đình và công trình.
- Nhóm thiết bị vệ sinh: Gồm các sản phẩm như bồn cầu, lavabo, chậu rửa, vòi nước, sen tắm, phụ kiện phòng tắm,... phục vụ lắp đặt trong các công trình xây dựng.

- Bên cạnh hoạt động bán hàng, Công ty còn phát sinh doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ, chủ yếu là dịch vụ cho thuê xe nâng hàng: Công ty thực hiện cho thuê xe nâng theo thời gian (theo ngày, tháng hoặc theo hợp đồng), phục vụ nhu cầu

bốc xếp, vận chuyển hàng hóa trong các công trình và kho bãi.

b, Phương thức bán hàng

Công ty áp dụng nhiều hình thức khác nhau như bán hàng trực tiếp cho khách hàng, bán hàng theo hợp đồng hoặc theo đơn đặt hàng.

2.2.1.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng

* Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Các chứng từ liên quan khác

* Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 511
- Sổ chi tiết TK 5111
- Sổ chi tiết TK 5113

2.2.1.3. Tài khoản kế toán sử dụng

* Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 511
- + Tài khoản 5111
- + Tài khoản 5113

2.2.1.4. Phương pháp hạch toán

Kế toán sẽ tiếp nhận đơn đặt hàng của khách hàng. Sau khi chuyển giao hàng hóa cho khách hàng, kế toán lập hóa đơn GTGT bằng cách vào phần mềm hóa đơn điện tử E-invoice để xuất hóa đơn GTGT và gửi hóa đơn GTGT qua mail/zalo... của khách hàng.

* Các nghiệp vụ minh họa ghi nhận doanh thu:

a, Nghiệp vụ 1 – Minh họa doanh thu bán hàng hóa:

Ngày 02 tháng 12 năm 2025, Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân bán hàng Gạch 60x60 cho Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Kinh Doanh Vật

Liệu Xây Dựng Minh Trí theo hóa đơn GTGT số 460 với tổng giá trị chưa thuế là 1.653.328, thuế GTGT 8%. Khách hàng chưa thanh toán.

- Quy trình lập hóa đơn GTGT (Xem Phụ lục 1)

- Hóa đơn GTGT được phát hành:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ngày 02 tháng 12 năm 2025 (BẢN THẺ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ) Mã của CQT: 0007EBE345BCD447B1AD529EB9DCBE5AF7					
Đơn vị bán hàng : CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN Mã số thuế : 0401971048 Địa chỉ : 104 Hoàng Văn Thái, Phường Hòa Khánh, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam Điện thoại : 0913407908 Số tài khoản : 5601608825 tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (BIDV) - CN Hải Vân 0041000367800 tại Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng					
Người mua hàng: _____ Tên đơn vị: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG MINH TRÍ Mã số thuế: 0401854802 Địa chỉ: Tổ 2, Thôn Tây An, Phường Hoà Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản: _____					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Gạch 60X60	Thùng	8	206.666	1.653.328
Cộng tiền hàng:					1.653.328
Thuế suất GTGT: 8%					Tiền thuế GTGT: 132.266
Tổng tiền thanh toán:					1.785.594
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm chín mươi tư đồng					
Người mua hàng (Chữ ký số (nếu có))			Người bán hàng (Chữ ký điện tử, Chữ ký số)		
Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN Ký ngày: 02/12/2025					
Mã nhận hóa đơn: EF4DLB54BH8 tra cứu tại: https://einvoice.vn/tra-cuu (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

(Xuất bởi phần mềm EInvoice, Công ty TNHH Phát triển công nghệ Thái Sơn - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn)

Hình 2.2: Hóa đơn GTGT bán ra số 460

- Quy trình hạch toán vào phần mềm:

+ Căn cứ vào hóa đơn GTGT đã phát hành, kế toán thực hiện hạch toán nghiệp vụ bán hàng trực tiếp trên phần mềm kế toán Trí Việt theo đúng chức năng nghiệp vụ của phần mềm. Tại giao diện chính của phần mềm kế toán Trí Việt, kế toán lựa chọn phân hệ **Kế toán bán hàng và công nợ phải thu**, sau đó chọn chức năng **Hóa đơn**

bán hàng Kiểm phiếu Xuất Kho → Nhập số liệu → Lưu (Xem Phụ lục 2)

S29 - Hoá Đơn Bán Hàng Kiểm Phiếu Xuất Kho

Khách hàng: 0401854802 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT... Ngày CT: 02/12/2025 Số CT: 000460
Họ và tên: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN KINH DOANH Phương thức TT: Hạn TT:
Địa chỉ: Tổ 2, Thôn Tây An, Phường Hoà Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt N.
Lý do chứng từ: Bán hàng theo HĐ số 00000460 Giá bán:

☐ Chi tiết ☐ Có giá chiết khấu ☐ ĐVT quy đổi ☐ Quét Barcode

Mã HH	Tên hàng hoá	ĐVT	Tồn	Số lượng	Giá chưa VAT	Tiền chưa VAT	Giá vốn	Tiền vốn	TK Nợ	TK Có
VT_3659_133...	GACH G688183-PREMIUM 3-1025-A22-U...	THÙNG	385	8	206.666	1.653.328	201.542	1.612.334	131	5111
									131	5111

Record 1 of 1

Nhấn phím Insert để thêm hoặc sửa mặt hàng đang chọn

Ngày HĐ: 02/12/2025 Số HĐ: 00000460 Ký hiệu: C25THV Mẫu số: 1
Tên cơ sở KD: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN KINH DOANH VẬT LIỆU 0401854802
Địa chỉ: Tổ 2, Thôn Tây An, Phường Hoà Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
Mã số thuế: 0401854802 Email: Phân bố: ☐ Tính VAT với chiết khấu sau thuế
Mã QHNS: CCCD: Thuế - Ghi nợ: 131 Ghi có: 33311 Vụ việc: ☐ In thẳng

Tính VAT Xóa VAT

Tổng tiền vốn: 1.612.334
Tiền hàng: 1.653.328
Tiền CK:
Tiền hàng sau CK: 1.653.328
Tiền thuế: 132.266
Tổng hoá đơn: 1.785.594
Tổng hạch toán: 1.785.594

1 of 1 | Tồn kho: 385,00; Đã thanh toán 1.785.594. Khoá/Mở sổ | Phiếu thu | Thêm | Sửa | Lưu | Xóa | Bỏ qua | Phiếu BH | In phiếu | Quay ra

Hình 2.3: Giao diện chứng từ bán hàng kiểm phiếu xuất kho theo hóa đơn số 460 trên phần mềm

Sau khi chứng từ được ghi nhận, phần mềm kế toán Trí Việt sẽ tự động cập nhật số liệu vào các sổ kế toán liên quan, bao gồm: Sổ Nhật ký chung; Sổ Cái tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ; Sổ chi tiết tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa.

b, Nghiệp vụ 2 - Minh họa doanh thu cung cấp dịch vụ

Ngày 11 tháng 11 năm 2025, Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân cung cấp dịch vụ **Cho thuê xe nâng hàng từ 12/11/2025 đến 12/12/2025** cho Chi nhánh Công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ TAICERA tại thành phố Đà Nẵng . Khách hàng chưa thanh toán.

- **Quy trình lập hóa đơn GTGT (Xem Phụ lục 1)**

- **Hóa đơn GTGT được phát hành:**

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
 Ngày 11 tháng 11 năm 2025
 (BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ)
 Mã của CQT: 00DD7BBFD8E7A045CCA7E555DF83C648A2

Ký hiệu: 1C25THV
 Số: **418**

Đơn vị bán hàng : **CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN**
 Mã số thuế : **0401971048**
 Địa chỉ : 104 Hoàng Văn Thái, Phường Hòa Khánh, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam
 Điện thoại : 0913407908
 Số tài khoản : 5601608825 tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam (BIDV) - CN Hải Vân
 0041000367800 tại Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

Người mua hàng:
 Tên đơn vị: Chi nhánh Công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ TAICERA tại thành phố Đà Nẵng
 Mã số thuế: 3600254001-001
 Địa chỉ: 191 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
 Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Cho thuê xe nâng hàng từ 12/11/2025- đến 12/12/2025.	Chiếc	1	13.636.364	13.636.364
Cộng tiền hàng:					13.636.364
Thuế suất GTGT: 8%					Tiền thuế GTGT: 1.090.909
Tổng tiền thanh toán:					14.727.273
Số tiền viết bằng chữ: Mười bốn triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng					

Người mua hàng
 (Chữ ký số (nếu có))

Người bán hàng
 (Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid
 Ký bởi: CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN
 Ký ngày: 11/11/2025

Mã nhận hóa đơn: EF4DKK8BZSI tra cứu tại: <http://einvoice.vn/tra-cuu>
 (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

(Xuất bởi phần mềm Elnvoice, Công ty TNHH Phát triển công nghệ Thái Sơn - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn)

Hình 2.4: Hóa đơn GTGT số 418

- Quy trình hạch toán vào phần mềm:

+ Căn cứ vào hóa đơn GTGT đã phát hành, kế toán thực hiện hạch toán nghiệp vụ bán hàng trực tiếp trên phần mềm kế toán Trí Việt theo đúng chức năng nghiệp vụ của phần mềm. Tại giao diện chính của phần mềm kế toán Trí Việt, kế toán lựa chọn phân hệ **Kế toán bán hàng và công nợ phải thu**, sau đó chọn chức năng **Hóa đơn bán hàng, dịch vụ** → Nhập số liệu → Lưu (*Xem Phụ lục 3*)

311 - Hoá Đơn Bán Hàng

Khách hàng: 331-CN001 CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA T. Ngày CT: 11/11/2025 Số CT: 000418

Họ và tên: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA T. Phương thức TT: Hạn TT:

Địa chỉ: 191 Điện Biên Phủ, Q Thanh Khê, Tp Đà Nẵng

Lý do chứng từ: Bán hàng theo HD 000418 Giá bán:

Chi tiết: ☐ Có giá chiết khấu ☐ ĐVT quy đổi ☐ Quét Barcode

Mã HH	Tên hàng hoá	VAT	ĐVT	Số lượng	Giá chưa VAT	Tiền chưa VAT	TK Nợ	TK Có	Di
VT_3927_133117	Cho thuê xe nâng hàng từ 12/11/2025- đến 12/12/2025.	8	Chiếc	0	0	13.636.364	131	5113	Cho thuê
*							131	5113	

Record 1 of 1

Nhấn phím Insert để thêm hoặc sửa mặt hàng đang chọn

Ngày HD: 11/11/2025 Số HD: 000418 Ký hiệu: C25THV Mẫu số: 1

Tên cơ sở KD: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA TẠI THÀNH 331-CN001

Địa chỉ: 191 Điện Biên Phủ, Q Thanh Khê, Tp Đà Nẵng

Mã số thuế: 3600254001-001 Email: Phân bố:

Mã QHNS: CCCD: ☐ Tính VAT với chiết khấu sau thuế

Tính VAT: Xóa VAT Thuế - Ghi nợ: 131 Ghi có: 33311 Vụ việc:

In thẳng

1 of 1

Khoả/Mở sổ Phiếu thu Thêm Sửa Lưu Xóa Bỏ qua Phiếu BH In phiếu Quay ra

Hình 2.5: Giao diện chứng từ bán hàng theo hóa đơn số 418 trên phần mềm

- Sau khi nhập xong dữ liệu phần mềm sẽ tự động cập nhập vào sổ sách kế toán: Sổ Nhật ký chung; Sổ Cái tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ; Sổ chi tiết tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

* Quy trình xem sổ:

Để mở Sổ nhật ký chung thì kế toán cần thực hiện những thao tác sau: Nhấn chọn “Kế toán tổng hợp” → chọn “Sổ kế toán theo hình thức sổ nhật ký chung” → “Sổ nhật ký chung” sau đó tích chọn thời gian “Năm 2025” → sau đó chọn “Xem in” và cuối cùng “Xuất excel” để xuất báo cáo. (Xem Phụ lục 4)

* **Trích Sổ nhật ký chung:** Tổng hợp các nghiệp vụ được thể hiện ở **Phụ lục 5**

Để mở sổ chi tiết TK 5111, TK 5113 nhấn chọn “Kế toán tổng hợp” → “Sổ kế toán theo hình thức sổ nhật ký chung” → “Sổ chi tiết tài khoản” sau đó tích chọn thời gian “Năm 2025” → chọn tài khoản “TK 5111”, “TK 5113” → sau đó chọn “Xem in” và cuối cùng “Xuất excel” để xuất báo cáo. (Xem Phụ lục 6)

* **Trích Sổ chi tiết TK 5111:**

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN				Mẫu số S19-DNN		
104 Hoàng Văn Thái, P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu				(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)		
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN						
Năm 2025						
Tài khoản: 5111-Doanh thu bán hàng hóa						
CHỨNG TỪ		KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT				NỢ	CÓ
			Tồn đầu kỳ		,	
02/01	000001	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUÂN TIỀN PHONG	Bán hàng theo HĐ số 0000001	131	,	32.426.625
...						
30/11	KC-000001		KC doanh thu sang KQKD	911	4.200.668.443,	
02/12	000459	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP LẬP TY	Bán hàng theo HĐ số 00000459	131	,	5.500.000
02/12	000460	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG	Bán hàng theo HĐ số 00000460	131	,	1.653.328
02/12	000461	CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG HÀ GIANG PHÁT	Bán hàng theo HĐ số 00000461	131	,	53.987.520
...						
31/12	000527	HỒ TUẤN KIẾT	Bán hàng theo HĐ số 00000527	131	,	4.620.000
31/12	KC-000001		KC doanh thu sang KQKD	911	4.970.427.677,	
			Tổng cộng phát sinh		45.141.488.605,	45.141.488.605,
			Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		45.141.488.605,	45.141.488.605,
			Số dư cuối kỳ		,	
TP.Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025						
Người lập		Kế toán trưởng		Giám đốc		
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)		
Nguyễn Thị Phương		Nguyễn Kim Hoàng				

*** Trích Sổ chi tiết TK 5113:**

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN				Mẫu số S19-DNN		
104 Hoàng Văn Thái, P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu				(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)		
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN						
Năm 2025						
Tài khoản: 5113-Doanh thu cung cấp dịch vụ						
CHỨNG TỪ		KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT				NỢ	CÓ
			Tồn đầu kỳ		,	,
10/01	000009	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỨ TAICERA TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ	Bán hàng theo HĐ số 0000009	131	,	13.636.364,
...						
11/11	000418	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỨ TAICERA TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ	Cho thuê xe nâng hàng từ 12/11/2025- đến 12/12/2025.	131	,	13.636.364,
30/11	KC-000002		KC doanh thu sang KQKD	911	13.636.364,	,
11/12	000479	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỨ TAICERA	Cho thuê xe nâng hàng từ 12/12/2025- đến 12/01/2026.	131	,	13.636.364,
31/12	KC-000002		KC doanh thu sang KQKD	911	13.636.364,	,
			Tổng cộng phát sinh		163.636.368,	163.636.368,
			Lũy kế từ tháng 1 đến		163.636.368,	163.636.368,
			Số dư cuối kỳ		,	,
TP.Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025						
Người lập		Kế toán trưởng		Giám đốc		
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)		
Nguyễn Thị Phụng				Nguyễn Kim Hoàng		

*** Trích Sổ cái TK 511:**

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN					
104 Hoàng Văn Thái, P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu					
SỔ CÁI					
Năm 2025					
Tài khoản: 511-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ					
CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ			
02/01/25	000001	Bán hàng theo HĐ số 0000001	131		32.426.625
...					
11/11/25	000418	Cho thuê xe nâng hàng từ 12/11/2025- đến 12/12/2025.	131		13.636.364
11/11/25	000419	Bán hàng theo HĐ số 00000419	131		727.777.791
...					
02/12/25	000460	Bán hàng theo HĐ số 00000460	131		1.653.328
02/12/25	000461	Bán hàng theo HĐ số 00000461	131		53.987.520
02/12/25	000462	Bán hàng theo HĐ số 00000462	131		19.237.570
...					
31/12/25	000527	Bán hàng theo HĐ số 00000527	131		4.620.000
31/12/25	KC-000001	KC doanh thu sang KQKD	911	4.970.427.677	
31/12/25	KC-000002	KC doanh thu sang KQKD	911	13.636.364	
		Tổng cộng phát sinh		45.305.124.973	45.305.124.973
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		45.305.124.973	45.305.124.973
		Số dư cuối kỳ			
TP.Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025					

2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty

Trong năm 2025, Công ty không phát sinh khoản khoản giảm trừ doanh thu.

2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty

2.2.3.1. Đặc điểm giá vốn hàng bán tại Công ty

Công ty thực hiện quản lý hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và áp dụng phương pháp bình quân gia quyền thời điểm (bình quân sau mỗi lần nhập) để xác định giá trị hàng xuất kho.

Theo phương pháp này, sau mỗi lần phát sinh nghiệp vụ nhập kho, kế toán tiến hành xác định lại đơn giá bình quân của hàng tồn kho. Đơn giá này được tính dựa trên giá trị và số lượng hàng tồn trước khi nhập kết hợp với giá trị và số lượng của lần nhập mới. Khi phát sinh nghiệp vụ xuất kho, giá trị hàng xuất sẽ được xác định theo đơn giá bình quân đã được tính toán tại thời điểm gần nhất.

Việc áp dụng phương pháp này giúp phản ánh kịp thời biến động giá của hàng hóa, đảm bảo tính chính xác và hợp lý trong việc xác định giá vốn hàng bán.

2.2.3.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng

* Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ liên quan khác
- * Sổ sách sử dụng:
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái TK 632
 - Sổ cái TK 632

2.2.3.3. Tài khoản kế toán sử dụng

- * Tài khoản sử dụng:
 - Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán
- Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

2.2.3.4. Phương pháp hạch toán

- Căn cứ theo hóa đơn GTGT được lập, kế toán tiến hành xuất phiếu xuất kho theo hóa đơn GTGT đã được hạch toán vào phần mềm. Phần mềm sẽ tự động cập nhập đơn giá lên sổ. Phiếu xuất kho được lập dựa trên cơ sở hóa đơn GTGT đã được nhập.

- Cuối tháng, kế toán căn cứ vào phiếu xuất kho, ghi chép các nghiệp vụ giá vốn hàng bán phát sinh vào phần mềm kế toán Trí Việt. Sau khi ghi chép các nghiệp vụ sẽ tự động cập nhập vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 632. Kế toán thực hiện in và xem sổ sách để đối chiếu kiểm tra.

- * Trường hợp ghi nhận giá vốn:

Nghiệp vụ 1 (nối tiếp phần giá vốn của nghiệp vụ 1 - Doanh thu) - Minh họa giá vốn hàng bán: Ngày 02 tháng 12 năm 2025, Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân bán hàng Gạch 60x60 cho Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Kinh Doanh Vật Liệu Xây Dựng Minh Trí theo hóa đơn GTGT số 460 với tổng giá trị xuất kho của lô hàng là 1.612.334 đồng.

- Quy trình hạch toán vào phần mềm: Khi kế toán nhập HĐ GTGT để hạch toán doanh thu thì phần mềm tự cập nhật phiếu xuất kho và bút toán giá vốn.

S29 - Hoá Đơn Bán Hàng Kiểm Phiếu Xuất Kho

Khách hàng: 0401854802 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT Ngày CT: 02/12/2025 Số CT: 000460

Họ và tên: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN KINH DOANH Phương thức TT: Hạn TT:

Địa chỉ: Tổ 2, Thôn Tây An, Phường Hoà Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Lý do chứng từ: Bán hàng theo HĐ số 00000460 Giá bán:

Chi tiết: ☐ Có giá chiết khấu ☐ ĐVT quy đổi ☐ Quét Barcode

Mã HH	Tên hàng hoá	Giá vốn	Tiền vốn	TK Nợ	TK Có	TK Nợ(gv)	TK Có (kho)	Diễn giải bút toán
VT_3659_133...	GACH G68818J-PREMIUM 3-1025-A22-U...	201.542	1.612.334	131	5111	632	156	Bán hàng theo HĐ số 00000460
*				131	5111	632	156	

Record 1 of 1

Nhấn phím Insert để thêm hoặc sửa mặt hàng đang chọn

Ngày HD: 02/12/2025 Số HD: 00000460 Kỳ hiệu: C25THV Mẫu số: 1

Tên cơ sở KD: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN KINH DOANH VẬT LIỆU 0401854802

Địa chỉ: Tổ 2, Thôn Tây An, Phường Hoà Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Mã số thuế: 0401854802 Email: CCCD:

Mã QHNS:

Tính VAT: ☐ Xóa VAT: ☐

Thuế - Ghi nợ: 131 Ghi có: 33311 Vụ việc:

In tháng: ☐

Tổng tiền vốn: 1.612.334

Tiền hàng: 1.653.328

Tiền CK: 1.653.328

Tiền hàng sau CK: 1.653.328

Tiền thuế: 132.266

Tổng hoá đơn: 1.785.594

Tổng hạch toán: 1.785.594

1 of 1 | Tồn kho: 385.00; Đã thanh toán 1.785.594

Khoá/Mở sổ | Phiếu thu | Thêm | Sửa | Lưu | Xóa | Bỏ qua | Phiếu BH | In phiếu | Quay ra

Hình 2.6: Giao diện hóa đơn bán hàng kiểm phiếu xuất kho

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN

Địa chỉ: 104 Hoàng Văn Thái, P. Hòa Minh, Q. Liên Chiểu

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 02 tháng 12 năm 2025 Số: 000460 Nợ: 632

Có: 156

Họ tên người nhận hàng: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG MINH TRÍ

Địa chỉ (bộ phận): Tổ 2, Thôn Tây An, Phường Hoà Xuân, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Lý do xuất kho: Bán hàng theo HĐ số 000460

Xuất tại kho: Kho chính

STT	Tên vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	GACH G68818J-PREMIUM 3-1025-A22-UGLPHUN C-XK2	THÙNG	8	201.542	1.612.334
			Cộng tiền hàng		1.612.334

Tổng số tiền (viết bằng chữ) Một triệu sáu trăm mười hai ngàn ba trăm ba mươi bốn đồng

TP. Đà Nẵng, Ngày tháng năm 20....

Người lập phiếu (Ký, họ tên) Người nhận hàng (Ký, họ tên) Thủ kho (Ký, họ tên) Kế toán trưởng (Ký, họ tên) Giám đốc (Ký, họ tên)

Hình 2.7: Phiếu xuất kho số 460

- Sau khi nhập xong dữ liệu phần mềm sẽ tự động cập nhật vào sổ sách kế toán: Sổ Nhật ký chung; Sổ cái tài khoản 632; Sổ chi tiết tài khoản 632.

*** Trích Sổ nhật ký chung:** Tổng hợp các nghiệp vụ được thể hiện ở **Phụ lục 5**

Để mở Sổ chi tiết tài khoản 632, nhấn chọn “**Kế toán tổng hợp**” → “**Sổ kế toán theo hình thức sổ nhật ký chung**” → “**Sổ cái**” sau đó tích chọn thời gian “**Năm 2025**” → chọn tài khoản giá vốn hàng bán “**TK 632**” → sau đó chọn “**Xem in**” và cuối cùng “**Xuất excel**” để xuất báo cáo.

*** Trích Sổ chi tiết TK 632:**

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN				Mẫu số S19-DNN		
104 Hoàng Văn Thái, P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu				(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)		
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN						
Năm 2025						
Tài khoản: 632-Giá vốn hàng bán						
CHỨNG TỪ		KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT				NỢ	CÓ
			Tồn đầu kỳ			
02/01	000001	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUẦN TIỀN PHONG	Bán hàng theo HD số 00000001	1561	31.869.021,	
...						
02/12	000459	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP LẬP TY	Bán hàng theo HD số 00000459	156	5.451.058,	
02/12	000460	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG MINH TRÍ	Bán hàng theo HD số 00000460	156	1.612.334,	
02/12	000461	CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG HÀ GIANG PHÁT	Bán hàng theo HD số 00000461	156	52.665.704,	
02/12	000462	CÔNG TY CỔ PHẦN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ T&V	Bán hàng theo HD số 00000462	156	18.977.778,	
02/12	000463	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MIA	Bán hàng theo HD số 00000463	156	1.421.702,	
...						
31/12	KC-000013		KC Giá vốn hàng bán sang KQKD	911	,	4.506.485.313
			Tổng cộng phát sinh		43.139.344.629,	43.139.344.629
			Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		43.139.344.629,	43.139.344.629
			Số dư cuối kỳ		,	
Người lập				TP.Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
(Ký, họ tên)				Giám đốc		
				(Ký, họ tên, đóng dấu)		
Nguyễn Thị Phương				Nguyễn Kim Hoàng		

*** Trích Sổ cái TK 632:**

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN					
104 Hoàng Văn Thái, P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu					
SỔ CÁI					
Năm 2025					
Tài khoản: 632-Giá vốn hàng bán					
CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ			
02/01/25	000001	Bán hàng theo HĐ số 00000001	1561	31.869.021	
02/01/25	000002	Bán hàng theo HĐ số 00000002	1561	66.159.568	
...					
02/12/25	000460	Bán hàng theo HĐ số 00000460	156	1.612.334	
02/12/25	000461	Bán hàng theo HĐ số 00000461	156	52.665.704	
02/12/25	000462	Bán hàng theo HĐ số 00000462	156	18.977.778	
02/12/25	000463	Bán hàng theo HĐ số 00000463	156	1.421.702	
...					
31/12/25	KC-000013	KC Giá vốn hàng bán sang KQKD	911		4.506.485.313
		Tổng cộng phát sinh		43.139.344.629	43.139.344.629
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		43.139.344.629	43.139.344.629
		Số dư cuối kỳ			
TP.Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025					

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty

2.2.4.1. Đặc điểm doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty

- Doanh thu hoạt động tài chính của công ty gồm: lãi tiền gửi ngân hàng.

2.2.4.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng

* Chứng từ sử dụng:

- Sao kê tài khoản.
- Giấy báo nợ/có.
- Các chứng từ liên quan khác.

* Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 515
- Sổ chi tiết tài khoản 515

2.2.4.3. Tài khoản kế toán sử dụng

* Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

2.2.4.4. Phương pháp hạch toán

- Cuối tháng, kế toán sẽ nhận sổ phụ kèm giấy báo nợ - giấy báo có từ ngân hàng về để tiến hành nhập liệu vào phần mềm.

* Trường hợp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính:

Nghiệp vụ 1: Ngân hàng trả lãi tiền gửi ngân hàng.

Ngày 31/12/2025: Công ty nhận sổ phụ tiền gửi không kì hạn kèm giấy báo có từ ngân hàng Vietcombank với số lãi tiền gửi ngân hàng là 27.120 đồng.



SAO KÊ TÀI KHOẢN
STATEMENT OF ACCOUNT

Chủ tài khoản/ Account name: CONG TY TNHH TM&DV
Số tài khoản/ Account number: 0041000367800
Loại tài khoản/ Type of account: Tài khoản thanh toán

Ngày thực hiện/ Date: 05/02/2026
Kênh giao dịch/ Trans.Channel: VCB DigiBiz
Số lượng đồng chủ sở hữu tài khoản 1
(nếu có)/ Number of Joint account holders (if any):

Địa chỉ/ Address: 104 HOANG VAN THAI, LIEN CHIEU, DA NANG
Mã số thuế/Đăng ký kinh doanh: 0401971048
Tax Identification No./Business Registration No:

CIF: 15907928
Loại tiền/ Currency: VND
Từ/ From: 01/12/2025 Đến/ To: 31/12/2025
Số dư đầu kỳ/ Opening balance: 162,480,218 VND
(Bằng chữ/ Inwords:) Một trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn hai trăm mười tám đồng

STT No.	Ngày ¹ / TNX Date/ Số CT/ Doc No	Ngày hiệu lực ² / Effective date	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
1	02/12/2025 / 9401 - 0010024703	02/12/2025	275,000		162,205,218	GOI SME ONLINE
2	03/12/2025 / 5136 - 24181	03/12/2025	43,500,000		118,705,218	VIETCOMBANK - CHUNG NIEM TIN VUNG TUONG LAI
...						
30	31/12/2025 / 5009 - 11003	31/12/2025		8,294,000	86,423,496	VIETCOMBANK - CHUNG NIEM TIN VUNG TUONG LAI
31	31/12/2025 / 9703 - 0010024703	31/12/2025		27,120	86,450,616	INTEREST PAYMENT

Tổng số/ Total: -76,029,602 VND
Số dư cuối kỳ/ Closing balance: 86,450,616 VND
(Bằng chữ/ Inwords:) Tám mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn sáu trăm mười sáu đồng

Ngày¹: Là ngày khách hàng thực hiện giao dịch
Ngày hiệu lực²: Là ngày giao dịch được ghi nhận trên hệ thống công nghệ của Vietcombank

Trân trọng cảm ơn quý khách đã sử dụng dịch vụ Vietcombank!
Thank you for using Vietcombank's services!

VIETCOMBANK – Chung niềm tin vững tương lai
VIETCOMBANK – Together for the future

Ghi chú: Giấy Xác nhận này của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam đảm bảo thông tin chính xác tại thời điểm xác nhận theo nội dung yêu cầu của Khách hàng. Văn bản Xác nhận này không cấu thành bất kỳ cam đoan hay bảo đảm nào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương.

Note: This letter of confirmation of the Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam ensures accurate information at the time of confirmation as requested by the customer. This acknowledgment does not constitute any current or future guarantee.

Hình 2.8: Sao kê tài khoản ngân hàng

* Quy trình hạch toán vào phần mềm: Tại giao diện phần mềm Trí Việt, chọn “Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay” → Chọn “Cập nhật số liệu” chọn “Phiếu thu tiền gửi (Giấy báo có)” (Xem Phụ lục 7)

112 - Phiếu Thu Tiền Gửi

Kiểu giao dịch: Cho một đối tượng

Khách hàng: VCB NGÂN HÀNG VIETCOMBANK Người nộp tiền: NGÂN HÀNG VIETCOMBANK Ngày CT: 31/12/2025

Địa chỉ: 0 Mã nhân viên: 000618

Lý do chứng từ: Lãi tiền gửi CT gốc: Số bảng kê: Mã DV:

☐ Tự động hạch toán chênh lệch tỷ giá

1. Chi tiết hạch toán 2. Thanh toán cho các phiếu

TK nợ	TK có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Khoản mục phí
11211	515	27.120	Lãi tiền gửi		

Record 1 of 1

Tổng hạch toán: 27.120

1 of 1

Khoá sổ / Mở sổ Thêm phiếu Sửa phiếu Lưu phiếu Xóa phiếu Bỏ qua In Phiếu Quay ra

Hình 2.9: Giao diện hạch toán lãi tiền gửi vào phần mềm

- Sau khi nhập xong dữ liệu phần mềm sẽ tự động cập nhập vào sổ sách kế toán: Sổ Nhật ký chung; Sổ cái tài khoản 515; Sổ chi tiết tài khoản 515.

* **Trích Sổ nhật ký chung:** Tổng hợp các nghiệp vụ được thể hiện ở **Phụ lục**

5

* **Trích Sổ chi tiết TK 515:**

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN				Mẫu số S19-DNN			
104 Hoàng Văn Thái, P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu				(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN							
Năm 2025							
Tài khoản: 515-Doanh thu hoạt động tài chính							
CHỨNG TỪ		KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN		
NGÀY	SỐ CT				NỢ	CÓ	
			Tồn đầu kỳ				
25/01	0GBC32	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM	lãi tiền gửi	11212			40.765,
25/12	000695	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM	Lãi tiền gửi	11212			69.495,
31/12	000618	NGÂN HÀNG VIETCOMBANK	Lãi tiền gửi	11211			27.120,
31/12	CKTT		Chiết khấu T10,11/2025 (BBĐCCN năm	331			839.528,
31/12	KC-000003		KC doanh thu sang KQKD	911	936.143,		
			Tổng cộng phát sinh		5.709.075,		5.709.075,
			Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		5.709.075,		5.709.075,
			Số dư cuối kỳ				
				TP.Dà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người lập		Kế toán trưởng		Giám đốc			
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)			
Nguyễn Thị Phương				Nguyễn Kim Hoàng			

* **Trích Sổ cái TK 515:**

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN					
104 Hoàng Văn Thái, P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu					
SỔ CÁI					
Năm 2025					
Tài khoản: 515- Doanh thu hoạt động tài chính					
CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ			
25/01/25	0GBC32	lãi tiền gửi	11212		40.765
...					
31/12/25	000618	Lãi tiền gửi	11211		27.120
31/12/25	CKTT	Chiết khấu T10,11/2025 (BBĐCCN năm 2026)	331		839.528
31/12/25	KC-000003	KC doanh thu sang KQKD	911	936.143	
		Tổng cộng phát sinh		5.709.075	5.709.075
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		5.709.075	5.709.075
		Số dư cuối kỳ			
TP.Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025					

2.2.5. Kế toán chi phí tài chính tại Công ty

2.2.5.1. Đặc điểm chi phí tài chính tại Công ty

Chi phí tài chính của Công ty chủ yếu từ lãi trả vay.

2.2.5.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Giấy báo nợ
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái Tài khoản 635
- Sổ chi tiết Tài khoản 635

2.2.5.3. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

2.2.5.4. Phương pháp hạch toán

Nghiệp vụ 1: Ngày 24/02/2025, Công ty phát sinh nghiệp vụ Chi trả lãi vay cho ngân hàng BIDV là 3.870.874đ.



NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
Bank for Investment and Development of Vietnam JSC

Mẫu số/Sample No: CT001/KH

Ngày ghi in/Print Date time: 01/03/2025 16:38:38

Chi nhánh/Branch: HẢI VÂN

Số: /BC 03a

SAO KÊ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI KHÁCH HÀNG/ACCOUNT STATEMENT

Từ ngày/From Date: 01/02/2025

Đến ngày/To date: 28/02/2025

Khách hàng / Customer: CTY TNHH TM&DV HOA VAN

Địa chỉ / Address: 377 379 NGUYEN PHUOC LAN HOA XUAN CAM LE TP. DA NANG VN

Mã KH / Cif No 14893639

Tên tài khoản / Account name: CTY TNHH TM&DV HOA VAN

Loại tiền tệ / Currency: VND

Số tài khoản / Account No: 5601608825

(Số tài khoản cũ / Old Account No: 56010001608825)

STT (No)	Ngày giao dịch (Trans.Date)	Ngày hiệu lực (EFD.Date)	Mã giao dịch (Trans.Code)	Phát sinh nợ (Debit amount)	Phát sinh có (Credit amount)	Số dư (Balance)	Số chứng từ SEQ No.	Mã GDV Teller ID	Mã CN Branch	Diễn giải (Txn. Description)
Số dư đầu kỳ (Opening balance)						610,007,657.00				
1	06/02/2025 17:28:38	06/02/2025	ZDWTTRFOD	194,883,414.00	0.00	415,124,243.00	1077	152487	560	Thu no 403002509338 GOC 194353942 LAI 529472
2	06/02/2025 17:28:48	06/02/2025	ZDWTTRFOD	243,198,593.00	0.00	171,925,650.00	1078	152487	560	Thu no 401002530248 GOC 242600400 LAI 598193
3	06/02/2025 17:29:00	06/02/2025	ZDWTTRFOD	163,045,658.00	0.00	8,879,992.00	1079	152487	560	Thu no 403002538636
4	10/02/2025 10:47:01	10/02/2025	DDM	55,000.00	0.00	8,824,992.00	1080	990QLTKDN	560	PHI QUAN LY TAI KHOAN 560xxx825 T02 2025
5	18/02/2025 09:52:54	18/02/2025	DDM	19,543.00	0.00	8,805,449.00	1081	133574	560	CTY TNHH TM&DV HOA VAN THANH TOAN TIEN HANG HD SO 7,34
6	18/02/2025 09:52:54	18/02/2025	DDM	220,000.00	0.00	8,585,449.00	1082	133574	560	RE P560 A252025PH2GOC B/O 280701003 CTY TNHH TM&DV HOA VAN FJO 0041000004097 CN CTCP C/NGHIEP GOM SU TAICERA TAI DN NHH01203001 CTY TNHH TM&DV HOA VAN THANH TOAN TIEN HANG
7	19/02/2025 09:10:06	19/02/2025	DDM	55,000.00	0.00	8,530,449.00	1083	990TPBSMS	560	PHI BSMS T01.2025. MA KH14893639.
8	19/02/2025 15:52:50	19/02/2025	ZDDLT	0.00	1,495,154,251.00	1,503,684,700.00	1084	134860	313	CTY SAI GON HOME TT CHO CTY HOA VAN
9	20/02/2025 10:46:09	20/02/2025	DD	0.00	204,791,456.00	1,708,476,156.00	1085	990CTLNH4	990	TKThe 289 5/8/2025, tại ACB, HOANG KHANG THANH TOAN-2 00225- 10:46:08 069618 CTLNHID0001117316337 3-1/2-CRE-002
10	20/02/2025 18:46:28	20/02/2025	ZDWTTRFOD	891,584,593.00	0.00	816,891,563.00	1086	88352	560	Thu no
11	20/02/2025 18:46:42	20/02/2025	ZDWTTRFOD	713,045,658.00	0.00	103,845,905.00	1087	88352	560	Thu no
12	21/02/2025 15:01:33	21/02/2025	DDM	308,000.00	0.00	103,537,905.00	1088	133574	560	RE P560 A252025PH XKEND B/O 280701003 CTY TNHH TM&DV HOA VAN FJO 0041000004097 CN CTCP C/NGHIEP GOM SU TAICERA TAI DN NHH01203001 CTY TNHH TM&DV HOA VAN THANH TOAN TIEN HANG
13	24/02/2025 23:30:16	24/02/2025	ZALPDW	5,201,084.00	0.00	98,336,821.00	1089		990	Trà no TK vay 408002 608868,so tien 5201084 VND
14	24/02/2025 23:30:16	24/02/2025	ZALPDW	3,870,874.00	0.00	94,465,947.00	1090		990	Trà no TK vay 403002 621817,so tien 3870874 VND

Chứng từ này được in/chuyển đổi trực tiếp từ hệ thống In sao kê tài khoản khách hàng của BIDV.

Trang /Page No 1 of 1

Hình 2.10: Sao kê tài khoản ngân hàng

* Quy trình hạch toán vào phần mềm: Tại giao diện phần mềm Trí Việt, chọn “Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay” → Chọn “Cập nhật số liệu” chọn “Phiếu chi tiền gửi (Giấy báo nợ)”. (Xem Phụ lục 8)

122 - Phiếu Chi Tiền Gửi

Kiểu giao dịch: Cho một đối tượng

Khách hàng: BIDV ... Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM Người nhận tiền: Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM Ngày CT: 24/02/2025

Địa chỉ: Mã nhân viên: Số CT: 000048

Lý do chứng từ: trả lãi CT gốc: Số bảng kê: Mã DV:

☐ Tự động hạch toán chênh lệch tỷ giá

1. Chi tiết hạch toán 2. Thanh toán cho các phiếu

TK nợ	TK có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Khoản mục phí
635	11212	3.870.874	trả lãi		

Record 1 of 1

Hoà đơn GTGT

Ký hiệu	Sêri HD	Ngày HD	VAT	Tiền chưa VAT	Tiền VAT	Mã KH	Tên cơ sở KD	Địa chỉ
A	00000048	24/02/2025	KH	3.870.874		BIDV	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT NAM	

Record 1 of 1

Thuế - Ghi nợ: Ghi có: Vụ việc: Tổng chưa thuế: 3.870.874 Tổng hoá đơn: 3.870.874

Tổng thuế VAT: 0 Tổng hạch toán: 3.870.874

Đã khóa sổ

1 of 1

Khoá sổ / Mở sổ Thêm phiếu Sửa phiếu Lưu phiếu Xóa phiếu Bỏ qua In Phiếu Quay ra

Hình 2.11: Giao diện hạch toán chi phí lãi vay

- Sau khi nhập xong dữ liệu phần mềm sẽ tự động cập nhập vào sổ sách kế toán: Sổ Nhật ký chung; Sổ cái tài khoản 635; Sổ chi tiết tài khoản 635.

* **Trích Sổ nhật ký chung:** Tổng hợp các nghiệp vụ được thể hiện ở **Phụ lục**

5

* **Trích Sổ chi tiết TK 635:**

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN

104 Hoàng Văn Thái, P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu

Mẫu số S19-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản: 635-Chi phí tài chính

CHỨNG TỪ		KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT				NỢ	CÓ
			Tồn đầu kỳ		,	,
03/01	000001	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT	trả vay + lãi vay	11212	1.644.076,	
...						
24/02	000048	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT	trả lãi	11212	3.870.874,	
24/02	000049	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT	trả lãi	11212	4.364.508,	
24/02	000050	Ngân Hàng TMCP DT&PT VIỆT	trả lãi	11212	5.424.658,	
28/02	KC-000011		KC Chi phí tài chính sang KQKD	911	,	24.619.040,
...						
31/12	KC-000014		KC Chi phí tài chính sang KQKD	911	,	38.961.711,
			Tổng cộng phát sinh		396.661.538,	396.661.538,
			Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		396.661.538,	396.661.538,
			Số dư cuối kỳ		,	

<

*** Trích Sổ chi tiết TK 635:**

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN					
104 Hoàng Văn Thái, P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu					
SỔ CÁI					
Năm 2025					
Tài khoản: 635-Chi phí tài chính					
CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ			
03/01/25	000001	trả vay + lãi vay	11212	1.644.076	
...					
24/02/25	000048	trả lãi	11212	3.870.874	
24/02/25	000049	trả lãi	11212	4.364.508	
24/02/25	000050	trả lãi	11212	5.424.658	
28/02/25	KC-000011	KC Chi phí tài chính sang KOKD	911		24.619.040
...					
22/12/25	876937	Lãi vay	11212	2.301.369	
31/12/25	KC-000014	KC Chi phí tài chính sang KOKD	911		38.961.711
		Tổng cộng phát sinh		396.661.538	396.661.538
		Lũy kế từ tháng 1 đến		396.661.538	396.661.538
		Số dư cuối kỳ			
TP.Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025					

2.2.6. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty

2.2.6.1. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty

- Chi phí quản lý kinh doanh trong doanh nghiệp gồm
 - + Chi phí bán hàng: tiền lương nhân viên; chi phí vận chuyển hàng hóa, chi phí xăng dầu, chi phí khấu hao TSCĐ.
 - + Chi phí quản lý doanh nghiệp từ các hoạt động: chi phí điện, nước, điện thoại,...; lệ phí môn bài; phí ngân hàng; BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên.

2.2.6.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- * Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn giá trị gia tăng
 - Sao kê ngân hàng
 - Giấy nộp tiền vào NSNN.
 - Bảng thanh toán tiền lương, BHXH.
 - Các chứng từ có liên quan khác.
- * Sổ sách sử dụng
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái TK 642
 - Sổ chi tiết TK 6421
 - Sổ chi tiết TK 6422

2.2.6.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản TK 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”:
- TK 6421: Chi phí bán hàng
 - TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.6.4. Quy trình ghi sổ

- ❖ Đối với chi phí bán hàng: chi phí vận chuyển gạch men, chi phí xăng dầu cho xe nâng hàng, chi trả tiền lương nhân viên.

Nghiệp vụ 1: Ngày 30/11, Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân tính lương cho bộ phận sản xuất với tổng số tiền 75.400.000 đồng.

* Quy trình hạch toán vào phần mềm: Tại giao diện phần mềm Trí Việt, chọn “**Kế toán tổng hợp**” → Chọn “**Cập nhật số liệu**” chọn “**Phiếu kế toán**” (*Xem Phụ lục 9*)

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN														BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG																		
Địa chỉ: 104 Hoàng Văn Thái, P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng MST: 0401971048														Tháng 11 năm 2025																		
STT	Mã NV	Họ và tên	Chức vụ	Lương Cơ bản	Ngày công	Tiền lương	Phụ cấp							Tổng phụ cấp	Tổng thu nhập	Thu nhập chịu thuế TNCN	Lương đóng BHXH	Các khoản trích vào chi phí của DN					Các khoản trích từ vào lương của NV				Giảm trừ		Thu nhập tính thuế TNCN	Thuế TNCN phải nộp	Thực lĩnh	
							Tiền thưởng theo doanh thu	Ăn ca	Đi làm xe/tho	Xã n thu/xe	Tiền n thu/xe	Th uý n	Ch uý n					BHXH (17%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	BHTN (0.5%)	Cộng	BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Cộng	Bản thân	Người phụ thuộc				
		1	2	4	5	6=(4/26)*4	7	9	10	11	12	13	14	15=7+8+9+10+11+12+13	16=6+15	17=16-9-10	18	19=18*17%	20=18*3%	21=18*1%	22=18*0.5%	23=19+20+21+22	24=18*8%	25=18*1.5%	26=18*1%	27=24+25+26	28	29	30=17-27-28-29	31	32=16-27-30	
I		Bộ phận quản lý		22.500.000	52	22.500.000	10.000.000	1.300.000	0	0	0	0	0	11.300.000	33.800.000	32.500.000	8.820.000	1.499.400	264.600	88.200	44.100	1.896.300	705.600	132.300	88.200	926.100	22.000.000	8.800.000	9.136.950	663.695	32.210.205	
01	NV0012	Nguyễn Kim Hoàng	Giám đốc	15.000.000	26	15.000.000	10.000.000	650.000						10.650.000	25.650.000	25.000.000	4.410.000	749.700	132.300	44.100	22.050	948.150	352.800	66.150	44.100	463.050	11.000.000	4.400.000	9.136.950	663.695	24.523.255	
02	NV0001	Lý Thị Ngọc Trâm	Kế toán	7.500.000	26	7.500.000	0	650.000						650.000	8.150.000	7.500.000	4.410.000	749.700	132.300	44.100	22.050	948.150	352.800	66.150	44.100	463.050	11.000.000	4.400.000	0	0	7.686.950	
II		Bộ phận sản xuất		112.500.000		61.500.000	10.000.000	3.900.000	0	0	0	0	0	13.900.000	75.400.000	71.500.000	4.194.400	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	121.000.000	0	10.000.000	750.000	74.650.000
03	NV0014	Nguyễn Văn Thịnh	Kinh doanh	11.000.000		0		0						0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	11.000.000		0	0	0	
04	NV0002	Bùi Văn Long	Thủ kho	9.500.000	26	9.500.000		650.000						650.000	10.150.000	9.500.000		0	0	0	0	0	0	0	0	0	11.000.000		0	0	10.150.000	
05	NV0004	Trương Ngọc Hương	Tập vụ	8.000.000	26	8.000.000		650.000						650.000	8.650.000	8.000.000		0	0	0	0	0	0	0	0	0	11.000.000		0	0	8.650.000	
06	NV0005	Nguyễn Đức Thanh	Bóc xếp	10.000.000		0		0						0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	11.000.000		0	0	0	
07	NV0007	Trần Tài	Giao hàng	10.000.000		0		0						0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	11.000.000		0	0	0	
08	NV0009	Phan Hữu Phước	Kinh doanh	10.000.000		0		0						0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	11.000.000		0	0	0	
09	NV0010	Đặng Nhật Tiến	Kinh doanh	10.000.000		0		0						0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	11.000.000		0	0	0	
09	NV0016	Ngô Thị Nhuận Ngọc	Kinh doanh	11.000.000	26	11.000.000		650.000						650.000	11.650.000	11.000.000		0	0	0	0	0	0	0	0	0	11.000.000		0	0	11.650.000	
09	NV0017	Lê Thu Huyền	Trưởng phòng K	11.000.000	26	11.000.000	10.000.000	650.000						10.650.000	21.650.000	21.000.000		0	0	0	0	0	0	0	0	0	11.000.000		10.000.000	750.000	20.900.000	
09	NV0018	Nguyễn Văn Hậu	Kinh doanh	11.000.000	26	11.000.000		650.000						650.000	11.650.000	11.000.000		0	0	0	0	0	0	0	0	0	11.000.000		0	0	11.650.000	
09	NV0019	Phạm Thị Thu Hà	Kinh doanh	11.000.000	26	11.000.000		650.000						650.000	11.650.000	11.000.000		0	0	0	0	0	0	0	0	0	11.000.000		0	0	11.650.000	
		Tổng		135.000.000		84.000.000	20.000.000	5.200.000	0	0	0	0	0	25.200.000	109.200.000	104.000.000	13.014.400	1.499.400	264.600	88.200	44.100	1.896.300	705.600	132.300	88.200	926.100	143.000.000	8.800.000	19.136.950	1.413.695	106.860.205	

Hình 2.12: Bảng thanh toán tiền lương tháng 11

511 - Chứng Từ Bút Toán Tổng Hợp

Ngày CT: 30/11/2025 Số CT: LUONG CT gốc: Số bảng kê:

Lý do chứng từ: Trích lương vào chi phí T11 Mã DV: Số xe:

Mã nhân viên:

TK nợ	Đối tượng ghi nợ	TK có	Đối tượng ghi có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc
64221		334		33.800.000	Trích lương vào chi phí T11	
64211		334		75.400.000	Trích lương vào chi phí T11	
*						

Record 1 of 2

Tổng hạch toán: 109.200.000

Khóa sổ/Mở sổ Thêm phiếu Sửa phiếu Lưu phiếu Xóa phiếu Bỏ qua In phiếu Quay ra

1 of 1 Đã khóa sổ

Hình 2.13: Giao diện hạch toán lương lên phần mềm Trí Việt

Nghiệp vụ 2: Ngày 28/03/2025, Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân phát sinh chi phí cước vận chuyển gạch men từ Đà Nẵng đi Hà Tĩnh của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vận tải Hưng Bình An. Giá tiền chưa thuế là 10.000.000 đồng, thuế GTGT 8%. Tổng tiền thanh toán là 10.800.000 đồng.

* Quy trình hạch toán vào phần mềm: Tại giao diện phần mềm Trí Việt, chọn “**Kế toán mua hàng và công nợ phải trả**” → Chọn “**Cập nhật số liệu**” chọn “**Phiếu nhập hàng mua**” (Xem Phụ lục 10)



HÒA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)
 Ngày (Date) 28 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1C25TBA
 Số (No.): 45

Đơn vị bán hàng (Seller): **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẠN TÀI HUNG BÌNH AN**
 Mã số thuế (Tax code): **0402019988**
 Địa chỉ (Address): **Số 1 Ngõ Thề Lân, Phường Hoà An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**
 Email: **hungbinhamvt@gmail.com**
 Số tài khoản (A/C No.): **5601470909 - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hải Vân - TP Đà Nẵng**

Họ tên người mua hàng (Customer's name):
 Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN**
 Mã số thuế (Tax code): **0401971048**
 Địa chỉ (Address): **377-379 Nguyễn Phước Lan, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành Phố Đà Nẵng**
 Hình thức thanh toán (Payment method): **TM/CK (Cash/Bank transfer)**
 Số tài khoản (A/C Bank):

STT (No.)	TÊN HÀNG HÓA DỊCH VỤ (Description)	ĐƠN VỊ TÍNH (Unit)	SỐ LƯỢNG (Quantity)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4x5)
1	Cước vận chuyển gạch men từ Đà Nẵng đi Hà Tĩnh	Chuyến	1	10.000.000	10.000.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					10.000.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					
Tiền thuế GTGT (VAT amount):					800.000
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					10.800.000

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): **Mười triệu tám trăm nghìn đồng**

 Người mua hàng
 (Ký, ghi rõ họ tên)
 (Buyer, sign and full name)

Người bán hàng
 (Ký, ghi rõ họ tên)
 (Seller, sign and full name)

Ký điện tử bởi: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẠN TÀI HUNG BÌNH AN**
 Ký ngày 28 tháng 03 năm 2025

Trang (page) 1 / 1
 (Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
 Mã của cơ quan thuế: **00CB26CCTA9EF4D5BA168CFE122E5061D**
 (Phiếu điện tử được tra cứu trực tuyến tại <http://trauu.evaf.vn>, mã tra cứu: **KHNTMATBQB**, mã công ty: **0402019988**)
 (Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - MST: 0312303803 - www.win-tech.vn)

Hình 2.14: Cước vận chuyển HĐ 45

S11 - Phiếu Nhập Mua
✖

Khách hàng: 331-BA988 ... **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẠN TÀI HUNG BÌNH AN**
 Họ và tên: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẠN TÀI HUNG BÌNH AN**
 Địa chỉ: **Số 1 Ngõ Thề Lân, Phường Hoà An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng**
 Lý do chứng từ: **Cước vận chuyển gạch men từ Đà Nẵng đi Hà Tĩnh HĐ số 0000C**

Ngày CT: 28/03/2025 Số CT: 000045
 Phương thức TT: Hạn TT: Giá bán:

☐ Chi tiết
 ☐ Có ghi chiết khấu
 ☐ ĐVT quy đổi
 ☐ Quét Barcode

Mã HH	Tên hàng hoá	VAT	ĐVT	Tồn	Số lượng	Giá chưa VAT	Tiền chưa VAT	TK Nợ	TK Có	Diễn
VT_2910_083...	Cước vận chuyển gạch men từ Đà Nẵng đi Hà Tĩnh	8	Chuyến		1	10.000.000	10.000.000	64212	331	Cước vận chu

Record 1 of 1

Ngày HĐ: 28/03/2025 **Số HĐ: 00000045** Ký hiệu: C25TBA Mẫu số: 1
 Tên cơ sở KD: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẠN TÀI HUNG BÌNH AN** 331-BA988
 Địa chỉ: **Số 1 Ngõ Thề Lân, Phường Hoà An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**
 Mã số thuế: **0402019988** Email: Phân bổ: ☐ Tính VAT với chiếc khấu sau thuế
 Mã QHNS: CCCD: Thuế - Ghi nợ: 1331 Ghi có: 331 Vụ việc:

VAT	Tiền chưa VAT	Tiền VAT	Tiền hàng
8	10.000.000	800.000	10.000.000
*			Tiền CK
			Tiền hàng sau CK
			Tiền thuế
			800.000
			Tổng hoá đơn
			10.800.000
			Tổng hạch toán
			10.800.000

Đã khóa số
 ☐ In tháng

1 of 1
 Tiền kho 0,00 ; Đã thanh toán 10.800.000.

Khoá/Mở số
 Phiếu chi
 Thêm
 Sửa
 Lưu
 Xóa
 Bỏ qua
 Phiếu BH
 In phiếu
 Quay ra

Hình 2.15: Giao diện hạch toán cước vận chuyển lên phần mềm

Nghiệp vụ 3: Ngày 25/06/2025, Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân phát sinh chi phí mua dầu DO 0.05S-II của Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu. Giá tiền chưa thuế là 5.624.094 đồng, thuế GTGT 10%. Tổng tiền thanh toán là 6.186.503 đồng.

* Quy trình hạch toán vào phần mềm: Tại giao diện phần mềm Trí Việt, chọn “Kế toán mua hàng và công nợ phải trả” → Chọn “Cập nhật số liệu” chọn “Phiếu nhập chi phí mua hàng” (Xem Phụ lục 11)



Mẫu số 1
Ký hiệu: K25TXT
Số: 281429

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 25 tháng 06 năm 2025

Tên người bán: CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU BÀ RI - VŨNG TÀU
 Mã số thuế: 3500102573
 Địa chỉ: số 12 Hoàng Hoa Thám - Phường 2 - TP.Vũng Tàu - Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu - Việt Nam
 Điện thoại: 0937332707
 Số tài khoản:

Tên người mua: CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN
 Họ tên người mua hàng:
 Mã số thuế: 0401971048
 Địa chỉ: 377-379 Nguyễn Phước Lan, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
 Số tài khoản:
 Hình thức thanh toán: TM/CK
 Đơn vị tiền tệ: VND
 Số bảng kê: Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		DO 0.05S-II	Lít	323,055	17.409,09	0	10%	5.624.094

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
10%	5.624.094	562.409

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	5.624.094
Tổng giảm trừ không chịu thuế	
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	562.409
Tổng tiền phí	
Tổng tiền chiết khấu thương mại	
Tổng giảm trừ khác	
Tổng tiền thanh toán bằng số	6.186.503
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Sáu triệu một trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm linh ba đồng

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi CÔNG TY TNHH MTV
THÀNH VIÊN XĂNG DẦU BÀ
RI - VŨNG TÀU

Ký ngày: 2025-06-25 11:01:27

Hình 2.16: Tiền dầu HĐ 281429

S13 - Phiếu Nhập Chi Phí Mua Hàng

Khách hàng: 3500102573 ... CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU BÀ RỊA - Ngày CT: 25/06/2025 - Số CT: 281429

Họ và tên: CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU BÀ RỊA - VŨNG TÀU - Phương thức TT: - Hạn TT: -

Địa chỉ: số 12 Hoàng Hoa Thám - Phường 2 - TP.Vũng Tàu - Tỉnh Bà Rịa V -

Lý do chứng từ: DO 0.05S-II xe nâng HD số 281429 - Giá bán: -

Chi tiết: ☐ Có giá chiết khấu ☐ ĐVT quy đổi ☐ Quét Barcode

Mã HH	Tên hàng hoá	VAT	ĐVT	Tồn	Số lượng	Giá chưa VAT	Tiền chưa VAT	TK Nợ	TK Có	Diễn giải bút t
CPBH	Chi phí bán hàng	8			323	17.409	5.624.094	64213	331	DO 0.05S-II xe nâng h

Record 1 of 1

Nhấn phím Insert để thêm hoặc sửa mặt hàng đang chọn

Ngày HD: 25/06/2025 - Số HD: 281429 - Ký hiệu: K25TXT - Mẫu số: 1

Tên cơ sở KD: CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU BÀ RỊA - VŨNG TÀU - 35001025

Địa chỉ: số 12 Hoàng Hoa Thám - Phường 2 - TP.Vũng Tàu - Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu - Việt Nam

Mã số thuế: 3500102573 - Email: - Phân bổ: ☐ Tính VAT với chiết khấu sau thuế

Mã QHNS: - CCCD: -

Tính VAT: Xóa VAT - Thuế - Ghi nợ: 1331 - Ghi có: 331 - Vụ việc: -

Đã khóa số: 1 of 1 - Tồn kho :0,00; Đã thanh toán 6.186.503.

Hình 2.17: Giao diện hạch toán chi phí mua dầu lên phần mềm

Nghiệp vụ 4: Ngày 30/3/2022, Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân mua xe nâng phục vụ cho hoạt động của bộ phận bán hàng, phân bổ trong 36 tháng.

Ngày 17/10/2024, Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân sửa chữa bảng quảng cáo phục vụ cho hoạt động của bộ phận bán hàng, phân bổ trong 24 tháng.

* Quy trình hạch toán vào phần mềm: Tại giao diện phần mềm Trí Việt, chọn “Kế toán tổng hợp” → Chọn “Cập nhật số liệu” chọn “Phiếu kế toán” (Xem Phụ lục 12)

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN

Địa chỉ: 104 Hoàng Văn Thái, P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu

ĐT: 0401971048

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Năm 2025

CT	Ngày tháng	TRÍCH YẾU	Thời gian bắt đầu phân bổ	Nguyên giá	Số tháng	Gia trị còn lại	Gia trị phân bổ 1 tháng	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Gia trị còn lại chuyển năm sau	Cải chi	Q1	Q2	Q3	Q4	
1	30/08/2022	Xe nâng đã qua sử dụng	04/2022	18.055.558	36	1.504.631	501.543	501.543	501.543	501.543	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.504.631	-	-	-	-
11	17/10/2024	Sửa chữa bảng quảng cáo công ty HD 36	11/2024	18.688.000	24	17.130.666	778.667	778.667	778.667	778.667	778.667	778.667	778.667	778.667	778.667	778.667	778.667	778.667	778.667	778.667	7.786.667	2.336.001	2.336.001	2.336.001	2.336.001	
																0				0		-	-	-	-	
Tổng Cộng Cải Phí Phân bổ hàng TK642				36.743.558		18.635.297	1.280.210	1.280.210	1.280.210	1.280.212	778.667	778.667	778.667	778.667	778.667	778.667	778.667	778.667	778.667	778.667	7.786.667	3.840.632	2.336.001	2.336.001	2.336.001	2.336.001
13	05/04/2024	Ban phom HD 18970	03/2024	3.999.091	24	2.461.930	164.129	164.129	164.129	164.129	164.129	164.129	164.129	164.129	164.129	164.129	164.129	164.129	164.129	164.129	492.387	492.387	492.387	492.387	492.387	
14	28/06/2024	Điện thoại 2344	07/2024	7.627.273	24	5.720.455	317.803	317.803	317.803	317.803	317.803	317.803	317.803	317.803	317.803	317.803	317.803	317.803	317.803	317.803	1.906.819	953.409	953.409	953.409	953.409	
14	27/06/2025	Máy Lạnh TCL TEP-10CSD F11 HD số 0009138	07/2025	4.246.364	24	4.246.364	176.932							176.932	176.932	176.932	176.932	176.932	176.932	176.932	3.184.772	-	-	530.796	530.796	
14	18/08/2025	Máy tính văn phòng HD số 00003120	09/2025	23.842.593	24	23.842.593	993.441								993.441	993.441	993.441	993.441	993.441	993.441	19.868.829	-	-	993.441	2.980.323	
Tổng Cộng Cải Phí Phân bổ Quản Lý TK642				39.655.321	96	36.271.342	1.652.305	481.932	481.932	481.932	481.932	481.932	481.932	658.864	658.864	1.652.305	1.652.305	1.652.305	1.652.305	1.652.305	25.452.802	0	1.445.796	1.445.796	2.970.033	4.956.915
TỔNG CỘNG				76.398.877	96	54.906.639	2.932.515	1.762.142	1.762.142	1.762.144	1.260.599	1.260.599	1.260.599	1.437.531	1.437.531	2.430.972	2.430.972	2.430.972	2.430.972	2.430.972	33.239.464	5.286.428	3.781.797	5.906.034	7.292.916	

Hình 2.18: Bảng phân bổ chi phí trả trước dài hạn

611 - Chứng Từ Bút Toán Tổng Hợp

Ngày CT: 31/03/2025 SỔ CT: KH CT gốc: Số bảng kê:
 Lý do chứng từ: Trích KHTSCD vào phí Mã ĐV: Số xe:
 Mã nhân viên:

TK nợ	Đối tượng ghi nợ	TK có	Đối tượng ghi có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc
64213		2422		3.840.632	Trích KHTSCD vào phí	
64226		2141		55.446.063	Trích KHTSCD vào phí	
64226		2422		1.445.796	Trích KHTSCD vào phí	
64226		2421		66.000.000	Trích KHTSCD vào phí	

Record 1 of 4

Tổng hạch toán: 126.732.491

Khóa sổ/Mở sổ Thêm phiếu Sửa phiếu Lưu phiếu Xóa phiếu Bỏ qua In phiếu Quay ra

Hình 2.19: Giao diện hạch toán khấu hao TSCĐ lên phần mềm

❖ Đối với chi phí quản lý doanh nghiệp:

Nghiệp vụ 5: Ngày 30/11/2025, Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân tính lương cho bộ phận quản lý với tổng số tiền 33.800.000 đồng và trích BHXH. **(Bảng lương xem ở Hình 2.12 trang 59)**

611 - Chứng Từ Bút Toán Tổng Hợp

Ngày CT: 30/11/2025 SỔ CT: LUONG CT gốc: Số bảng kê:
 Lý do chứng từ: Trích lương vào chi phí T11 Mã ĐV: Số xe:
 Mã nhân viên:

TK nợ	Đối tượng ghi nợ	TK có	Đối tượng ghi có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc
64221		334		33.800.000	Trích lương vào chi phí T11	
64211		334		75.400.000	Trích lương vào chi phí T11	

Record 1 of 2

Tổng hạch toán: 109.200.000

Khóa sổ/Mở sổ Thêm phiếu Sửa phiếu Lưu phiếu Xóa phiếu Bỏ qua In phiếu Quay ra

Hình 2.20: Giao diện hạch toán lương lên phần mềm Trí Việt

611 - Chứng Từ Bút Toán Tổng Hợp

Ngày CT: 31/12/2025 Số CT: BHXH CT gốc: Số bảng kê:

Lý do chứng từ: Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí T12 Mã DV: Số xe:

Mã nhân viên:

TK nợ	Đối tượng ghi nợ	TK có	Đối tượng ghi có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc
64221		3383		1.896.300	Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí T12	
334		3383		926.100	Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí T12	

Record 3 of 3

Tổng hạch toán: 2.822.400

Khóa sổ/Mở sổ Thêm phiếu Sửa phiếu Lưu phiếu Xóa phiếu Bỏ qua In phiếu Quay ra

1 of 1

Hình 2.21: Giao diện hạch toán BHXH lên phần mềm Trí Việt

Nghiệp vụ 6: Ngày 07/10/2025, Công ty Hoa Vân nhận hóa đơn cước dịch vụ viễn thông – công nghệ thông tin tháng 09/2025 cho Trung tâm Kinh doanh VNPT Đà Nẵng theo HĐ GTGT số 1358245, thuế GTGT 10%, tổng số tiền 165.000 đồng.

* Quy trình hạch toán vào phần mềm: tương tự nghiệp vụ 3



Mẫu số 1
Ký hiệu: K25THA
Số: 1358245

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 07 tháng 10 năm 2025

MCCQT:

Tên người bán: TRUNG TÂM KINH DOANH VNPT - ĐÀ NẴNG - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

Mã số thuế: 0106869738-003

Mã cửa hàng:

Tên cửa hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số tài khoản:

Tên người mua: Công Ty TNHH TM & DV Hoa Văn

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế: 0401971048

Mã ĐVCQHVNSSN:

CCCD người mua:

Số hộ chiếu:

Địa chỉ:

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán:

Đơn vị tiền tệ: VND

Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1			Cước dịch vụ Viễn thông- Công nghệ thông tin tháng 09 năm 2025	Tháng	1			10%	150.000

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
-----------	---------------------	----------------

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	150.000
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	15.000
Tổng tiền phí	
Tổng tiền chiết khấu thương mại	
Tổng tiền thanh toán bằng số	165.000
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	

Hình 2.22: Hóa đơn cước dịch vụ viễn thông

S13 - Phiếu Nhập Chi Phí Mua Hàng

Khách hàng: 331-PT003 TTKD VNPT-Đà Nẵng - CN Tổng Công Ty Ngày CT: 07/10/2025 Số CT: 1358245

Họ và tên: TTKD VNPT-Đà Nẵng - CN Tổng Công Ty Dịch Vụ Viễn Thông Phương thức TT: Hạn TT:

Địa chỉ: 50 Nguyễn Du, Q Hải Châu, Tp Đà Nẵng

Lý do chứng từ: Cước viễn thông HD 1358245 Giá bán:

Chi tiết: ☐ Có giá chiết khấu ☐ ĐVT quy đổi ☐ Quét Barcode

Mã HH	Tên hàng hoá	ĐVT	Tồn	Số lượng	Giá chưa VAT	Tiền chưa VAT	TK Nợ	TK Có	Diễn giải bút toán
CPQL	Chi phí quản lý			1	150.000	150.000	64223	331	Cước viễn thông HD 1358245

Record 1 of 1

Nhấn phím Insert để thêm hoặc sửa mặt hàng đang chọn

Ngày HD: 07/10/2025 Số HD: 1358245 Ký hiệu: K25THA Mẫu số: 331-PT00

Tên cơ sở KD: TTKD VNPT-Đà Nẵng - CN Tổng Công Ty Dịch Vụ Viễn Thông

Địa chỉ: 50 Nguyễn Du, Q Hải Châu, Tp Đà Nẵng

Mã số thuế: 0106869738-003 Email: Phân bổ: ☐ Tính VAT với chiết khấu sau thuế

Mã QHNS: CCCD Thuế - Ghi nợ: 1331 Ghi có: 331 Vụ việc:

Đã khóa số

Tổng VAT: Xóa VAT

Tổng hàng: 150.000

Tiền CK: 150.000

Tiền hàng sau CK: 150.000

Tiền thuế: 15.000

Tổng hoá đơn: 165.000

Tổng hạch toán: 165.000

1 of 1 | Tồn kho :0,00 ; Đã thanh toán 165.000.

Hình 2.23: Giao diện hạch toán cước viễn thông lên phần mềm

Nghiệp vụ 7: Ngày 17/05/2026, Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân nộp lệ phí môn bài vào Ngân sách Nhà nước theo Giấy nộp tiền số 20250122506541537 bằng hình thức chuyển khoản. Tổng số tiền nộp là 3.000.000 đồng.

* Quy trình hạch toán vào phần mềm: tương tự nghiệp vụ 4



Nộp thuế > Tra cứu giấy nộp tiền

Không ghi vào
khu vực này

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số
84/2016/TT-BTC
của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: 20250122506541537
Số: 20250122506541537

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒ Khác:.....

Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Số tham chiếu: 11220250293352060

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN
Địa chỉ: 377-379 Nguyễn Phước Lan, Phường Hoà Xuân

Mã số thuế: 0401971048

Quận/Huyện: Quận Cẩm Lệ

Tỉnh, TP: Đà Nẵng

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện:

Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

trích TK số: 00041000367800

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản KBNN: KBNN Cẩm Lệ- Đà Nẵng

Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng

Mở tại NH ủy nhiệm thu: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐Thanh tra tài chính ☐Thanh tra Chính phủ ☐Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Cơ quan quản lý thu: Quận Cẩm Lệ - Chi cục thuế khu vực Cẩm Lệ - Hòa Vang

Phân danh cho người nộp thuế ghi						Phân danh cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Ký thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1	0405431244450001	00/CN/2025	Lệ phí môn bài mức (bậc) 2.		2,000,000	755	2863
2	0405431244460001	00/CN/2025	Lệ phí môn bài mức (bậc) 3.		1,000,000	755	2864
Tổng tiền					3,000,000		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: BA TRIỆU ĐỒNG

PHÂN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
---	--	--

https://dichvucong.gdt.gov.vn/thotlich-vu-khaoc#

1/2

	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người nộp tiền

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

NGÂN HÀNG (KBNN)

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Kế toán

Kế toán trưởng

✓	Người ký : Ngày ký :	CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN 22/01/2025 09:24:44
✓	Người ký : Ngày ký :	Tổng cục Thuế 22/01/2025 09:24:48
✓	Người ký : Ngày ký :	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM 22/01/2025 09:24:50

Hình 2.24: Giấy nộp tiền lệ phí môn bài

611 - Chứng Từ Bút Toán Tổng Hợp

Ngày CT: 01/01/2025 SỔ CT: THUÊ CT gốc: Số bảng kê:
 Lý do chứng từ: Lệ phí môn bài 2025 Mã DV: Số xe:
 Mã nhân viên:

TK nợ	Đối tượng ghi nợ	TK có	Đối tượng ghi có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc
64224		3339		3.000.000	Lệ phí môn bài 2025	
*						

Record 1 of 1

Tổng hạch toán: 3.000.000

Khóa sổ/Mở sổ Thêm phiếu Sửa phiếu Lưu phiếu Xóa phiếu Bỏ qua In phiếu Quay ra

1 of 1 Đã khóa sổ

Hình 2.25: Giao diện hạch toán lệ phí môn bài lên phần mềm Trí Việt

Nghiệp vụ 8: Ngày 4/10/2025, ngân hàng Vietcombank thu phí dịch vụ SMS với tổng tiền là 55.000 đồng.

* Quy trình hạch toán vào phần mềm: Tại giao diện phần mềm Trí Việt, chọn “Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay” → Chọn “Cập nhật số liệu” chọn “Phiếu chi tiền gửi” (Xem Phụ lục 13)

Chủ tài khoản/ Account name: CONG TY TNHH TM&DV
Số tài khoản/ Account number: 0041000367800
Loại tài khoản/ Type of account: Tài khoản thanh toán

Ngày thực hiện/ Date: 05/02/2026
Kênh giao dịch/ Trans.Channel: VCB DigiBiz
Số lượng đồng chủ sở hữu tài khoản 1
(nếu có)/ Number of Joint account holders (if any):

Địa chỉ/ Address: 104 HOANG VAN THAI, LIEN CHIEU, DA NANG
Mã số thuế/Đăng ký kinh doanh: 0401971048
Tax Identification No./Business Registration No:

CIF: 15907928
Loại tiền/ Currency: VND
Từ/ From: 01/10/2025
Số dư đầu kỳ/ Opening balance: 273,055,653 VND
(Bằng chữ/ Inwords:) Hai trăm bảy mươi ba triệu không trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi ba đồng

Đến/ To: 31/10/2025

STT No.	Ngày ¹ / TNX Date/ Số CT/ Doc No	Ngày hiệu lực ² / Effective date	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
1	02/10/2025 / 5136 - 34122	02/10/2025		12,960,000	286,015,653	MBBIZ6046134122.CTY TNHH AN DAI PHAT HOME chuyển tiền hd342
2	02/10/2025 / 5414 - 78692	02/10/2025		200,558,160	486,573,813	gach TCR hoa don so 353 ngày
3	03/10/2025 / 5423 - 30271	03/10/2025		65,203,639	551,777,452	HOA VAN CT HA HUY
4	03/10/2025 / 5426 - 72623	03/10/2025		4,680,002	556,457,454	gach Quang Binh cong ty HOA
5	04/10/2025 / 9915 - 27701	04/10/2025	55,000		556,402,454	THU PHI DỊCH VỤ SMS CHU DONG THANG 09/2025. SDT: 0913407908. Số tiền 55000 VND
6	07/10/2025 / 5424 - 56935	07/10/2025		31,859,291	588,261,745	TT GACH HOA VAN-071025-15:47:31
7	08/10/2025 / 5136 - 94391	08/10/2025	500,000,000		88,261,745	TMvaDV HOA VAN chuyển tiền hàng
8	10/10/2025 / 5136 - 21345	10/10/2025		34,355,059	122,616,804	KIM NGAN BAO, chuyển tiền
9	13/10/2025 / 5056 - 75121	13/10/2025		14,727,273	137,344,077	thanh toán tiền thuê xe nang hang tu
10	17/10/2025 / 5435 - 91970	17/10/2025	5,832,000		131,512,077	K11.CONG TY TNHH TM&DV HOA
11	21/10/2025 / 5243 - 21015	21/10/2025		100,000,000	231,512,077	VAN chuyển tiền .CT tu
12	21/10/2025 / 5225 - 81997	21/10/2025	145,200,000		86,312,077	TNHH TMvaDV HOA VAN chuyển
13	21/10/2025 / 5136 - 29806	21/10/2025	71,300,000		15,012,077	TMvaDV HOA VAN chuyển tiền hd
14	24/10/2025 / 5426 - 46700	24/10/2025		23,602,752	38,614,829	HOA VAN CT HA HUY
15	25/10/2025 / 9701 - 0010024703	25/10/2025		31,759	38,646,588	INTEREST PAYMENT
16	30/10/2025 / 5136 - 65652	30/10/2025	2,822,400		35,824,188	MBBIZ+BHXH+103+00+TH2605H+04

Tổng số/ Total: -237,231,465 VND
Số dư cuối kỳ/ Closing balance: 35,824,188 VND
(Bằng chữ/ Inwords:) Ba mươi lăm triệu tám trăm hai mươi tư nghìn một trăm tám mươi tám đồng

Ngày¹: Là ngày khách hàng thực hiện giao dịch
Ngày hiệu lực²: Là ngày giao dịch được ghi nhận trên hệ thống công nghệ của Vietcombank

*Trân trọng cảm ơn quý khách đã sử dụng dịch vụ Vietcombank!
Thank you for using Vietcombank's services!*

VIETCOMBANK – Chung niềm tin vững tương lai
VIETCOMBANK – Together for the future

Ghi chú: Giấy Xác nhận này của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam đảm bảo thông tin chính xác tại thời điểm xác nhận theo nội dung yêu cầu của Khách hàng. Văn bản Xác nhận này không cấu thành bất kỳ cam đoan hay bảo đảm nào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương

Note: This letter of confirmation of the Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam ensures accurate information at the time of confirmation as requested by the customer. This acknowledgment does not constitute any current or future guarantee

Hình 2.26: Sao kê phí ngân hàng ngày 4/10/2025

122 - Phiếu Chi Tiền Gửi

Kiểu giao dịch: Cho một đối tượng

Khách hàng: VCB ... NGÂN HÀNG VIETCOMBANK Người nhận tiền: NGÂN HÀNG VIETCOMBANK Ngày CT: 04/10/2025

Địa chỉ: Mã nhân viên: Số CT: 601231

Lý do chứng từ: Phí ngân hàng HĐ 601231 CT gốc: Số bảng kê: Mã ĐV:

☐ Tự động hạch toán chênh lệch tỷ giá

1. Chi tiết hạch toán 2. Thanh toán cho các phiếu

TK nợ	TK có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Khoản mục phí
64225	11211	50.000	Phí ngân hàng HĐ 601231		

Record 1 of 1

Hoà đơn GTGT

Ký hiệu	Seri HĐ	Ngày HĐ	VAT	Tiền chưa VAT	Tiền VAT	Mã KH	Tên cơ sở KD	Địa chỉ
AA	601231	04/10/2025	10	50.000	5.000	VCB	NGÂN HÀNG VIETCOMBANK	

Record 1 of 1

Thuế - Ghi nợ: 1331 Ghi có: 11211 Vụ việc: Tổng chưa thuế: 50.000 Tổng hoá đơn: 55.000

Tổng thuế VAT: 5.000 Tổng hạch toán: 55.000

Đã khóa số

1 of 1

Khoá số / Mở số Thêm phiếu Sửa phiếu Lưu phiếu Xóa phiếu Bỏ qua In Phiếu Quay ra

Hình 2.27: Giao diện hạch toán phí ngân hàng ngày 4/10/2025

Nghiệp vụ 9: Ngày 11/5/2023, Công ty Hoa Vân mua ô tô phục vụ hoạt động quản lý doanh nghiệp, thời gian phân bổ là 96 tháng.

Ngày 29/12/2023, Công ty Hoa Vân mua ô tô phục vụ hoạt động quản lý doanh nghiệp, thời gian phân bổ là 84 tháng.

Ngày 11/04/2025, Công ty Hoa Vân mua ô tô tải phục vụ hoạt động quản lý doanh nghiệp, thời gian phân bổ là 72 tháng.

Ngày 12/04/2024, Công ty Hoa Vân thuê kho phục vụ hoạt động quản lý doanh nghiệp, thời gian phân bổ là 12 tháng.

Ngày 22/04/2024, Công ty Hoa Vân thuê kho phục vụ hoạt động quản lý doanh nghiệp, thời gian phân bổ là 6 tháng.

Ngày 21/10/2025, Công ty Hoa Vân thuê kho phục vụ hoạt động quản lý doanh nghiệp, thời gian phân bổ là 6 tháng.

Ngày 15/10/2025, Công ty Hoa Vân mua bảo hiểm xe ô tô phục vụ hoạt động quản lý doanh nghiệp, thời gian phân bổ là 12 tháng.

Ngày 03/04/2024, Công ty Hoa Vân mua bàn phím máy tính phục vụ hoạt động quản lý doanh nghiệp, thời gian phân bổ là 24 tháng.

Ngày 28/06/2024, Công ty Hoa Vân mua điện thoại phục vụ hoạt

động quản lý doanh nghiệp, thời gian phân bổ là 24 tháng.

Ngày 27/06/2025, Công ty Hoa Vân mua máy lạnh phục vụ cho hoạt động quản lý doanh nghiệp, thời gian phân bổ là 24 tháng.

Ngày 18/08/2025, Công ty Hoa Vân mua máy tính văn phòng phục vụ cho hoạt động quản lý doanh nghiệp, thời gian phân bổ là 24 tháng.

* Quy trình hạch toán vào phần mềm: Tương tự nghiệp vụ 4

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN																										
Địa chỉ: 104 Hoàng Văn Thái, P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu																										
MST: 0401971048																										
BẢNG KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH																										
Năm 2025																										
Biên số	Ngày tháng	TRÍCH YẾU	Thời gian bắt đầu phân bổ	Nguyên giá	Số tháng	Giá trị còn lại	Giá trị phân bổ 1 tháng	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Giá trị còn lại chuyển năm sau	Ghi chú	Q1	Q2	Q3	Q4	
43A-755.81	11/05/2023	Xe ô tô FORD HD 5646	05/2023	925.318.182	96	732.543.562	9.638.731	9.638.731	9.638.731	9.638.731	9.638.731	9.638.731	9.638.731	9.638.731	9.638.731	9.638.731	9.638.731	9.638.731	9.638.731	9.638.731	616.878.790		28.916.193	28.916.193	28.916.193	28.916.193
43A-874.24	29/12/2023	Xe ô tô PEUGEOT HD 33589	01/2024	742.836.364	84	636.716.884	8.843.290	8.843.290	8.843.290	8.843.290	8.843.290	8.843.290	8.843.290	8.843.290	8.843.290	8.843.290	8.843.290	8.843.290	8.843.290	8.843.290	530.597.404		26.529.870	26.529.870	26.529.870	26.529.870
43B-124.40	11/04/2025	Xe ô tô tải	04/2025	160.923.000	72	160.923.000	2.235.042				2.235.042	2.235.042	2.235.042	2.235.042	2.235.042	2.235.042	2.235.042	2.235.042	2.235.042	2.235.042	140.807.622		-	6.705.126	6.705.126	6.705.126
Tổng Cộng Chi Phí Bộ Phận Quản Lý_TK642				1.829.077.546		1.530.183.446	20.717.063	18.482.021	18.482.021	18.482.021	20.717.063	20.717.063	20.717.063	20.717.063	20.717.063	20.717.063	20.717.063	20.717.063	20.717.063	20.717.063	1.288.283.816		55.446.063	62.151.189	62.151.189	62.151.189
TỔNG CỘNG				1.829.077.546	-	1.530.183.446	20.717.063	18.482.021	18.482.021	18.482.021	20.717.063	20.717.063	20.717.063	20.717.063	20.717.063	20.717.063	20.717.063	20.717.063	20.717.063	20.717.063	1.288.283.816		55.446.063	62.151.189	62.151.189	62.151.189

Hình 2.28: Bảng khấu hao tài sản cố định

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN																									
Địa chỉ: 104 Hoàng Văn Thái, P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu																									
MST: 0401971048																									
BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN																									
Năm 2025																									
CT	Ngày tháng	TRÍCH YẾU	Thời gian bắt đầu phân bổ	Nguyên giá	Số tháng phân bổ	Giá trị còn lại	Giá trị phân bổ 1 tháng	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Giá trị còn lại chuyển năm sau	Ghi chú	Q1	Q2	Q3	Q4
Tổng Cộng Chi Phí Bộ Phận Bán Hàng_TK6421				0		-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-					
1	12/04/2024	Thuê kho HD 2	05/2024	264.000.000	12	88.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000										-		66.000.000	22.000.000	-	-
2	22/04/2025	Thuê kho HD 3	05/2025	132.000.000	6	132.000.000	22.000.000					22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000			-		-	44.000.000	66.000.000	22.000.000
3	21/10/2025	Thuê kho HD 13	11/2025	132.000.000	6	132.000.000	22.000.000											22.000.000	22.000.000	88.000.000		-	-	-	44.000.000
4	15/10/2025	Bảo hiểm xe ô tô HD 1018	10/2025	2.746.000	12	2.746.000	228.833										228.833	228.833	228.833	2.059.500		-	-	-	686.500
Tổng Cộng Chi Phí Bộ Phận Quản Lý_TK6422				530.746.000		354.746.000	66.228.833	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.228.833	22.228.833	22.228.833	90.059.500	0	66.000.000	66.000.000	66.000.000	66.686.500
TỔNG CỘNG				530.746.000		354.746.000	66.228.833	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.228.833	22.228.833	22.228.833	90.059.500		66.000.000	66.000.000	66.000.000	66.686.500

Hình 2.29: Bảng phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN

Địa chỉ: 104 Hoàng Văn Thái, P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu

MST: 0401971048

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Năm 2025

CT	Ngày tháng	TRÍCH YẾU	Thời gian bắt đầu phân bổ	Nguyên giá	Số tháng	Giá trị còn lại	Giá trị phân bổ 1 tháng	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Giá trị còn lại chuyển năm sau	Ghi chú	Q1	Q2	Q3	Q4
1	30/03/2022	Xe nâng đã qua sử dụng	04/2022	18.055.556	36	1.504.631	501.543	501.543	501.543	501.545	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		1.504.631	-	-	-
11	17/10/2024	Sửa chữa bảng quảng cáo công ty HD 36	11/2024	18.688.000	24	17.130.666	778.667	778.667	778.667	778.667	778.667	778.667	778.667	778.667	778.667	778.667	778.667	778.667	778.667	7.786.662		2.336.001	2.336.001	2.336.001	2.336.001
																0				0		-	-	-	-
Tổng Cộng Chi Phí Bộ Phận bán hàng_TK642				36.743.556		18.635.297	1.280.210	1.280.210	1.280.210	1.280.212	778.667	778.667	778.667	778.667	778.667	778.667	778.667	778.667	778.667	7.786.662		3.840.632	2.336.001	2.336.001	2.336.001
13	03/04/2024	Bàn phím HD 183970	03/2024	3.939.091	24	2.461.930	164.129	164.129	164.129	164.129	164.129	164.129	164.129	164.129	164.129	164.129	164.129	164.129	164.129	492.382		492.387	492.387	492.387	492.387
14	28/06/2024	Điện thoại 2344	07/2024	7.627.273	24	5.720.455	317.803	317.803	317.803	317.803	317.803	317.803	317.803	317.803	317.803	317.803	317.803	317.803	317.803	1.906.819		953.409	953.409	953.409	953.409
14	27/06/2025	Máy Lạnh TCL TEP-10CSD/F11 HD số 0009138	07/2025	4.246.364	24	4.246.364	176.932								176.932	176.932	176.932	176.932	176.932	3.184.772		-	-	530.796	530.796
14	18/08/2025	Máy tính văn phòng HD số 00003120	09/2025	23.842.593	24	23.842.593	993.441									993.441	993.441	993.441	993.441	19.868.829		-	-	993.441	2.980.323
Tổng Cộng Chi Phí Bộ Phận Quản Lý_TK642				39.655.321	96	36.271.342	1.652.305	481.932	481.932	481.932	481.932	481.932	481.932	658.864	658.864	1.652.305	1.652.305	1.652.305	1.652.305	25.452.802	0	1.445.796	1.445.796	2.970.833	4.956.915
TỔNG CỘNG				76.398.877	96	54.906.639	2.932.515	1.762.142	1.762.142	1.762.144	1.260.599	1.260.599	1.260.599	1.437.531	1.437.531	2.430.972	2.430.972	2.430.972	2.430.972	33.239.464		5.286.428	3.781.797	5.306.034	7.292.916

Hình 2.30: Bảng phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Nghiệp vụ 10: Ngày 28/12/2025, Công ty Hoa Vân phát sinh chi phí tiếp khách, ăn uống phục vụ hoạt động kinh doanh tại Golden Gate – Chi nhánh Miền Nam theo HĐ GTGT số 4138635, thuế GTGT 8%, tổng tiền thanh toán 1.095.120 đồng.

* Quy trình hạch toán vào phần mềm: tương tự nghiệp vụ 3

X



Mẫu số 1
Ký hiệu: C25MCV
Số: 4138635

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 28 tháng 12 năm 2025
MCCQT: M1-25-LPQZG-00004139720

Tên người bán: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GOLDEN GATE - CHI NHÁNH MIỀN NAM
Mã số thuế: 0102721191-001
Mã cửa hàng: 30GG4020
Tên cửa hàng: GG VC Đà Nẵng
Địa chỉ: Tầng 7 TTTM Gigamall, Số 240-242 Phạm Văn Đồng, Phường Hiệp Bình, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 19006622
Số tài khoản:

Tên người mua: CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN
Họ tên người mua hàng: nguyên kim hoang
Mã số thuế: 0401971048
Số hộ chiếu:
Địa chỉ: 104 Hoàng Văn Thái, Phường Hoà Khánh, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại: 0914146953
Căn cước công dân:
Hình thức thanh toán: TM/CK
Đơn vị tiền tệ: Tỷ giá:
Số bảng kê: Ngày bảng kê:

STT	Tính chất dịch vụ	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		Ba chỉ bò Mỹ sệt mặt ong	Suất	1	159.000		8%	159.000
2	Hàng hóa, dịch vụ		Sườn non bò Mỹ tươi hảo hạng	Suất	1	359.000		8%	359.000
3	Hàng hóa, dịch vụ		Canh Rong Biển Hàn Quốc	Suất	1	109.000		8%	109.000
4	Hàng hóa, dịch vụ		Bình nước chanh sả	Suất	1	19.000		8%	19.000
5	Hàng hóa, dịch vụ		Dê sườn hoàng đế tươi	Suất	1	259.000		8%	259.000
6	Hàng hóa, dịch vụ		Cơm trộn bát đá Hàn Quốc	Suất	1	109.000		8%	109.000

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
8%	1.014.000	81.120

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	1.014.000
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	81.120
Tổng tiền chiết khấu thương mại	
Tổng tiền thanh toán bằng số	1.095.120
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Một triệu không trăm chín mươi lăm nghìn một trăm hai mươi đồng

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP
ĐOÀN GOLDEN GATE - CHI
NHÁNH MIỀN NAM

Ký ngày: 2025-12-28 12:13:50

Hình 2.31: Hóa đơn chi phí tiếp khách

S13 - Phiếu Nhập Chi Phí Mua Hàng

Khách hàng: 331-GG001 ... CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GOLDEN GATE ... Ngày CT: 28/12/2025 ... Số CT: 4138635

Họ và tên: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GOLDEN GATE – CHI NHÁNH MIỀN NAM Phương thức TT: Hạng TT: 0

Địa chỉ: Tầng 7 TTTM Gigamall, Số 240-242 Phạm Văn Đồng, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành Phố Hồ Chí Minh

Lý do chứng từ: Chi tiếp khách theo HD số 4138635 Giá bán:

Chi tiết: ☐ Có giá chiết khấu ☐ ĐVT quy đổi ☐ Quét Barcode

Mã HH	Tên hàng hoá	ĐVT	Tồn	Số lượng	Giá chưa VAT	Tiền chưa VAT	TK Nợ	TK Có	Diễn giải bút toán
CPQL	Chi phí quản lý			0	0	1.014.000	64227	331	Chi tiếp khách theo HD số 4138635
*							64227	331	

Record 1 of 1

Nhấn phím Insert để thêm hoặc sửa mặt hàng đang chọn

Ngày HD: 28/12/2025 ... Số HD: 4138635 ... Kỳ hiệu: C25MCV ... Mẫu số: 1

Tên cơ sở KD: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GOLDEN GATE – CHI NHÁNH MIỀN NAM ... 331-GG001

Địa chỉ: Tầng 7 TTTM Gigamall, Số 240-242 Phạm Văn Đồng, Phường Hiệp Bình Chánh, Thành Phố Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0102721191-001 Email: ... Phân bổ: ...

Mã QHNS: ... CCCD: ... ☐ Tính VAT với chiết khấu sau thuế

Tính VAT Xóa VAT Thuế - Ghi nợ: 1331 ... Ghi có: 331 ... Vụ việc: ...

☐ In thẳng

1 of 1 ... Tồn kho :0,00

Hình 2.32: Giao diện hạch toán chi phí tiếp khách lên phần mềm

- Sau khi nhập xong dữ liệu phần mềm sẽ tự động cập nhập vào sổ sách kế toán: Sổ Nhật ký chung; Sổ cái tài khoản 6421, Sổ cái tài khoản 6422; Sổ chi tiết tài khoản 6421, Sổ chi tiết tài khoản 6422.

* **Trích Sổ nhật ký chung:** Tổng hợp các nghiệp vụ được thể hiện ở **Phụ lục 5**

* **Trích Sổ chi tiết TK 6421:**

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN				Mẫu số S19-DNN		
104 Hoàng Văn Thái, P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu				(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)		
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN						
Năm 2025						
Tài khoản: 6421-Chi phí bán hàng						
CHỨNG TỬ		KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT				NỢ	CÓ
			Tồn đầu kỳ			
13/01	189	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỨ TAICERA	BAO BÌ G30*30 thay thế cho bao bì rách HD 189	331	254.200,	
...						
28/03	000045	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TÀI	Cước vận chuyển gạch men từ Đà Nẵng đi Hà Tĩnh HĐ số 00000045	331	10.000.000,	
...						
25/06	281429	CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU BÀ RỊA -VŨNG	DO 0.05S-II xe nâng HĐ số 281429	331	5.624.094,	
30/06	KC-000004		KC chi phí lương nhân viên bán hàng	911		8.650.000,
30/06	KC-000005		KC chi phí mua ngoài phục vụ bán hàng	911		7.960.095,
30/06	KH		Trích KHTSCD vào phí	2422	2.336.001,	
...						
30/11	LUONG		Trích lương vào chi phí T11	334	75.400.000,	
...						
31/12	LUONG		Trích lương vào chi phí T12	334	128.196.154,	
			Tổng cộng phát sinh		793.602.696,	793.602.696,
			Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		793.602.696,	793.602.696,
			Số dư cuối kỳ			
				TP.Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm		
Người lập		Kế toán trưởng		Giám đốc		
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)		
Nguyễn Thị Phương				Nguyễn Kim Hoàng		

*** Trích sổ chi tiết tài khoản 6422:**

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN				Mẫu số S19-DNN		
104 Hoàng Văn Thái, P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu				(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)		
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN						
Năm 2025						
Tài khoản: 6422-Chi phí quản lý doanh nghiệp						
CHỨNG TỬ		KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỔ CT				NỢ	CÓ
			Tồn đầu kỳ		,	
01/01	000024	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP HÒA KHÁNH	Tiền xăng dầu HD 24	331	909.091,	
01/01	THUE		Lệ phí môn bài 2025	3339	3.000.000,	
...						
31/03	KH		Trích KHTSCD vào phí	2141	55.446.063,	
31/03	KH		Trích KHTSCD vào phí	2422	1.445.796,	
31/03	KH		Trích KHTSCD vào phí	2421	66.000.000,	
...						
04/10	601231	NGÂN HÀNG VIETCOMBANK	Phí ngân hàng HD 601231	11211	50.000,	
07/10	1358245	TTKD VNPT-Đà Nẵng - CN Tổng Công Ty Dịch Vụ Viễn Thông	Cước viễn thông HD 1358245	331	150.000,	
...						
30/11	BHXXH		Trích BHXXH, BHYT, KPCD vào phí T11	3383	1.896.300,	
30/11	KC-000006		KC Chi phí nhân viên quản lý sang KQKD	911		35.696.300,
30/11	KC-000007		KC Chi phí điện , nước, điện thoại,.. sang KQKD	911		150.000,
30/11	KC-000008		KC Phí ngân hàng sang KQKD	911		1.326.411,
30/11	KC-000009		KC Chi phí khác sang KQKD	911		16.354.158,
30/11	LUONG		Trích lương vào chi phí T11	334	33.800.000,	
...						
28/12	4138635	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GOLDEN GATE – CHI NHÁNH	Chi tiếp khách theo HD số 4138635	331	1.014.000,	
...						
31/12	LUONG		Trích lương vào chi phí T12	334	55.373.900,	
			Tổng cộng phát sinh		1.110.375.026,	1.110.375.026,
			Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		1.110.375.026,	1.110.375.026,
			Số dư cuối kỳ		,	
				TP.Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người lập		Kế toán trưởng		Giám đốc		
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)		
Nguyễn Thị Phương				Nguyễn Kim Hoàng		

* Trích sổ cái tài khoản 642:

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN					
104 Hoàng Văn Thái, P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu					
SỔ CÁI					
Năm 2025					
Tài khoản: 642- Chi phí quản lý kinh doanh					
CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ			
01/01/25	000024	Tiền xăng dầu HD 24	331	909.091	
01/01/25	THUE	Lệ phí môn bài 2025	3339	3.000.000	
...					
28/03/25	000045	Cước vận chuyển gạch men từ Đà Nẵng đi Hà Tĩnh HĐ số 00000045	331	10.000.000	
...					
31/03/25	KH	Trích KHTSCD vào phí	2141	55.446.063	
31/03/25	KH	Trích KHTSCD vào phí	2422	1.445.796	
31/03/25	KH	Trích KHTSCD vào phí	2421	66.000.000	
31/03/25	KH	Trích KHTSCD vào phí	2422	3.840.632	
...					
04/10/25	601231	Phí ngân hàng HĐ 601231	11211	50.000	
06/10/25	009364	Tiền dầu xe nâng hóa đơn 9364	331	4.537.157	
07/10/25	1358245	Cước viễn thông HĐ 1358245	331	150.000	
...					
30/11/25	BHXX	Trích BHXX, BHYT, KPCD vào phí T11	3383	1.896.300	
...					
30/11/25	LUONG	Trích lương vào chi phí T11	334	33.800.000	
30/11/25	LUONG	Trích lương vào chi phí T11	334	75.400.000	
...					
28/12/25	4138635	Chi tiếp khách theo HĐ số 4138635	331	1.014.000	
...					
31/12/25	LUONG	Trích lương vào chi phí T12	334	55.373.900	
31/12/25	LUONG	Trích lương vào chi phí T12	334	128.196.154	
		Tổng cộng phát sinh		1.903.977.722	1.903.977.722
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		1.903.977.722	1.903.977.722
		Số dư cuối kỳ			
TP.Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025					

2.2.7. Kế toán thu nhập khác

2.2.7.1. Nội dung

Công ty sử dụng TK 711 – Thu nhập khác để phản ánh các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ, bao gồm khoản chiết khấu thương mại được hưởng từ nhà cung cấp.

2.2.7.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung

- Sổ Cái tài khoản 711
- Sổ chi tiết tài khoản 711

2.2.7.3. Tài khoản sử dụng

TK 711 – Thu nhập khác

2.2.7.4. Quy trình ghi sổ

Khi nhận được hóa đơn chiết khấu thương mại từ nhà cung cấp, kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT lập phiếu nhập mua trên phần mềm kế toán. Khoản chiết khấu thương mại được Công ty hạch toán vào TK 711 – Thu nhập khác.



**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Mã số thuế (Tax code): 3600254001-001

Địa chỉ (Address): 191 Điện Biên Phủ, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02363796988

Số tài khoản (Bank account): 0041000004097 - Vietcombank Đà Nẵng

Ký hiệu (Serial): 1C25TTD

Số (No.): 00000085

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ngày (Date): 27 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Mã QGT (Code): 0004BB6CAE62D54B75A54AD0D9B5543FA6

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN

Mã số thuế (Tax code): 0401971048

Địa chỉ (Address): 377-379 Nguyễn Phước Lan, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TMCKE

Số tài khoản (Bank account):

Hóa đơn thay thế cho hóa đơn số 00000059, mẫu số 1, ký hiệu C25TTD, ngày 18/02/2025



STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	GACH G63528 4224-A24-UGL-TN	Thùng	2	330.666,67	661.333
	CHIẾT KHẤU THÁNG 12/2024				661.333
Cộng tiền hàng (Total amount excl. VAT):					
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount):
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					0
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Không đóng.					

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): CHI NHÁNH CÔNG
TY CỔ PHẦN CÔNG
NG NGHIỆP GÓM SỮ
TAICERA TẠI
THÀNH PHỐ ĐÀ
NẴNG

Ký ngày (Signing Date): 27/02/2025

Tra cứu tại Website (Search in website): <https://www.misainvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): 4RHVTNEB99DP

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) (You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)

Phát hành bởi phần mềm MISA mInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

Hình 2.33: Hóa đơn GTGT số 85

* Quy trình hạch toán vào phần mềm: Tại giao diện phần mềm Trí Việt, chọn “Kế toán mua hàng và công nợ phải trả” → Chọn “Cập nhật số liệu” chọn “Phiếu nhập chi phí mua hàng”

S11 - Phiếu Nhập Mua

Khách hàng: 331-CN001 CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA T. Ngày CT: 24/02/2025 Số CT: 000085

Họ và tên: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA T. Phương thức TT: Hạn TT:

Địa chỉ: 191 Điện Biên Phủ, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Lý do chứng từ: Nhập hàng theo HĐ số 00000085 Giá bán:

Chi tiết: ☒ Có giá chiết khấu ☐ ĐVT quy đổi ☐ Quét Barcode

Mã HH	Tên hàng hoá	VAT	ĐVT	Tồn	Số lượng	Giá chưa CK	Tiền chưa CK	% CK	Tiền CK	Giá chưa VAT	Tiền chu
CK	Chiết khấu thương mại	8			0	0	661.333	0		0	
VT_2834_140...	GACH G63528 4224-A24-UGL-TN	8	Thùng		2	330.667	661.333	0	0	330.667	

Record 1 of 2

Nhấn phím Insert để thêm hoặc sửa mặt hàng đang chọn

Ngày HĐ: 27/02/2025 Số HĐ: 00000085 Ký hiệu: C25TTD Mẫu số: 1

Tên cơ sở KD: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG 331-CN001

Địa chỉ: 191 Điện Biên Phủ, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế: 3600254001-001 Email: Phân bổ

Mã QHNS: CCCD ☐ Tính VAT với chiết khấu sau thuế

Tính VAT Xóa VAT Thuế - Ghi nợ Ghi có Vụ việc In thẳng

Đã khóa số

1 of 1 Tồn kho :0,00 Khoá/Mở sổ Phiếu chi Thêm Sửa Lưu Xóa Bỏ qua Phiếu BH In phiếu Quay ra

Hình 2.34: Giao diện hạch toán khoản chiết khấu thương mại

- Sau khi nhập xong dữ liệu phần mềm sẽ tự động cập nhập vào sổ sách kế toán: Sổ Nhật ký chung; Sổ cái tài khoản 711; Sổ chi tiết tài khoản 711.

* **Trích Sổ nhật ký chung:** Tổng hợp các nghiệp vụ được thể hiện ở **Phụ lục 5**

* **Trích Sổ chi tiết TK 711:**

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN				Mẫu số S19-DNN		
104 Hoàng Văn Thái, P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu				(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)		
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN						
Năm 2025						
Tài khoản: 711-Thu nhập khác						
CHỨNG TỪ		KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT				NỢ	CÓ
			Tồn đầu kỳ			
24/02	000085	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	Nhập hàng theo HĐ số 00000085	331		661.333,00
28/02	KC-000009		KC doanh thu sang KQKD	911	661.333,00	
29/07	TTN		Tắt toán công nợ	131		92.880,00
31/07	KC-000009		KC doanh thu sang KQKD	911	92.880,00	
			Tổng cộng phát sinh		754.213,00	754.213,00
			Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		754.213,00	754.213,00
			Số dư cuối kỳ			
				TP.Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người lập		Kế toán trưởng		Giám đốc		
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)		
Nguyễn Thị Phương				Nguyễn Kim Hoàng		

* **Trích Sổ cái TK 711:**

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN					
104 Hoàng Văn Thái, P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu					
SỔ CÁI					
Năm 2025					
Tài khoản: 711-Thu nhập khác					
CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ			
27/02/25	000085	Nhập hàng theo HĐ số 00000085	331		661.333
28/02/25	KC-000009	KC doanh thu sang KQKD	911	661.333	
29/07/25	TTN	Tắt toán công nợ	131		92.880
31/07/25	KC-000009	KC doanh thu sang KQKD	911	92.880	
		Tổng cộng phát sinh		754.213	754.213
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		754.213	754.213
		Số dư cuối kỳ			
TP.Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025					

2.2.8. Kế toán chi phí khác

2.2.8.1. Nội dung chi phí khác

Trong năm 2025 Công ty phát sinh nội dung Chi phí khác: tiền chậm nộp thuế.

2.2.8.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Sao kê ngân hàng
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 811
- Sổ chi tiết TK 8118

2.2.8.3. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 811: Chi phí khác

2.2.8.4. Quy trình ghi sổ

Kế toán căn cứ vào sao kê ngân hàng để tổng hợp, kiểm tra rồi từ giấy báo Có, Sổ phụ kiêm phiếu báo Nợ/Có, Kế toán thực hiện phản ánh vào phần mềm, sau đó phần mềm tự động lên Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 811 và sổ chi tiết TK 8118.



Chú tài khoản/ Account name:	CÔNG TY TNHH	Ngày thực hiện/ Date:	03/04/2025
Số tài khoản/ Account number:	0041000367900	Kênh giao dịch/	VCB DigiBiz
Loại tài khoản/ Type of account:	Tài khoản thanh toán	Số lượng đồng chủ sở hữu tài khoản (nếu có)/	1
		Number of joint	
Địa chỉ/ Address:	104 HOANG VAN THAI, LIEN CHIEU, DA NANG		
Mã số thuế/Đăng ký kinh doanh:	0401971048		
Tax Identification No./Business Registration No:			
CIF:	15907928		
Loại tiền/ Currency:	VND		
Từ/ From:	01/01/2025	Đến/ To:	31/01/2025
Số dư đầu kỳ/ Opening balance:	154.810,422 VND		
(Bằng chữ/ Inwords: ...)	Một trăm năm mươi tư triệu tám trăm mười nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng		

STT No.	Ngày/ TXN Date/ Số CT / Doc No	Ngày hiệu lực/ Effective date	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
26	21/01/2025 / 0005 - 00286	21/01/2025		75,193,194	437,149,932	CT TNHH GACH MEN PHU QUY CHUYEN TRA TIEN MUA HANG
27	22/01/2025 / 5065 - 41523	22/01/2025	347,350		436,802,582	Nang+NgayNT:22012025+MST:0401971048+DBHC:495HH+TKNS:7111+CQT:1007286+LThue:01(C:755-TX:000-KD:000-CK:000-CA:000-CB:000-CC:000)
28	22/01/2025 / 5065 - 41537	22/01/2025	3,000,000		433,802,582	Nang+NgayNT:22012025+MST:0401971048+DBHC:495HH+TKNS:7111+CQT:1007286+LThue:01(C:755-TX:000-KD:000-CK:000-CA:000-CB:000-CC:000)
29	22/01/2025 / 5065 - 41541	22/01/2025	4,122,585		429,679,997	Nang+NgayNT:22012025+MST:0401971048+DBHC:495HH+TKNS:7111+CQT:1007286+LThue:01(C:757-TX:000-KD:000-CK:000-CA:000-CB:000-CC:000)
30	22/01/2025 / 5218 - 82203	22/01/2025		100,000,000	529,679,997	564204.220125.100353.TGP CK HOA VAN
31	22/01/2025 / 5223 - 55646	22/01/2025	13,361,240		516,318,757	MBBI26031027013.055646.CONG TY TNHH TM&DV HOA VAN chuyen tien hang hd 233,234.
32	22/01/2025 / 0006 - 00185	22/01/2025		110,000,916	626,319,673	CTY TNHH GACH MEN PHU QUY CHUYEN TRA TIEN MUA HANG
33	22/01/2025 / 5389 - 20345	22/01/2025		25,298,028	651,617,701	020097041501221504142025E9E3087766.20345.150415.CTY AN HAI chuyen tien
46	24/01/2025 / 5214 - 12819	24/01/2025		26,032,341	413,266,893	770183.240125.152019.TGP CK HOA VAN
47	24/01/2025 / 5078 - 11759	24/01/2025		300,000,000	713,266,893	MBVCB.R355771519.HAN XAO VAN chuyen tien vcb.ct tu 0041000197762 HAN XAO VAN toi 0041000367800 CONG TY TNHH TM&DV HOA VAN
48	25/01/2025 / 9701 - 0010024703	25/01/2025		24,001	713,290,894	INTEREST PAYMENT
49	26/01/2025 / 5241 - 81271	26/01/2025		175,000,000	888,290,894	MBVCB.R37685258.HAN XAO VAN chuyen tien vcb.ct tu 0041000197762 HAN XAO VAN toi 0041000367800 CONG TY TNHH TM&DV HOA VAN

Tổng số/ Total:	733,480,472 VND
Số dư cuối kỳ/ Closing balance:	888,290,894 VND
(Bảng chữ/ Inwords:)	Tám trăm tám mươi tám triệu hai trăm chín mươi nghìn tám trăm chín mươi tư đồng

Ngày¹: Là ngày khách hàng thực hiện giao dịch
Ngày hiệu lực²: Là ngày giao dịch được ghi nhận trên hệ thống công nghệ của Vietcombank

Trân trọng cảm ơn quý khách đã sử dụng dịch vụ Vietcombank!
Thank you for using Vietcombank's services!

VIETCOMBANK – Chung niềm tin vững tương lai
 VIETCOMBANK – Together for the future

Ghi chú: Giấy Xác nhận này của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam đảm bảo thông tin chính xác tại thời điểm xác nhận theo nội dung yêu cầu của Khách hàng. Văn bản Xác nhận này không cấu thành bất kỳ cam đoan hay bảo đảm nào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm hiện tại hay tương lai đối với các nghĩa vụ của Khách hàng xác lập với bên thứ ba./

Note: This letter of confirmation of the Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam ensures accurate information at the time of confirmation as requested by the customer. This acknowledgment does not constitute any current or future guarantees of the customer's obligations confirmed to third parties./

Hình 2.35: Sao kê tiền chậm nộp thuế



Không ghi vào
khu vực này

Mẫu số C1-02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số
84/2016/TT-BTC
của Bộ Tài chính)
Mã hiệu: 20250122506541523
Số: 20250122506541523

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒
Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Số tham chiếu: 11220250293351898

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN

Mã số thuế: 0401971048

Địa chỉ: 377-379 Nguyễn Phước Lan, Phường Hoà Xuân

Quận/Huyện: Quận Cẩm Lệ

Tỉnh, TP: Đà Nẵng

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện:

Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

trích TK số: 00041000367800

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản KBNN: KBNN Cẩm Lệ- Đà Nẵng

Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng

Mở tại NH ủy nhiệm thu: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐Thanh tra tài chính ☐Thanh tra Chính phủ ☐Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Cơ quan quản lý thu: Quận Cẩm Lệ - Chi cục thuế khu vực Cẩm Lệ - Hòa Vang

Phản dành cho người nộp thuế ghi						Phản dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1	7511494169190001	00/CN/2022	Tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí).		347,350	755	4918
Tổng tiền					347,350		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: BA TRĂM BỐN MƯƠI BẢY NGHÌN BA TRĂM NĂM MƯƠI ĐỒNG

<https://dichvucong.gdt.gov.vn/tho/dich-vu-khacif>

1/2

PHẢN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người nộp tiền

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

NGÂN HÀNG (KBNN)

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Kế toán

Kế toán trưởng

✓ Người ký :	CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN
✓ Ngày ký :	22/01/2025 09:24:13
✓ Người ký :	Tổng cục Thuế
✓ Ngày ký :	22/01/2025 09:24:18
✓ Người ký :	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
✓ Ngày ký :	22/01/2025 09:24:21

Hình 2.36: Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước

* Quy trình hạch toán vào phần mềm:

Tại giao diện phần mềm Trí Việt, chọn “**Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay**”

→ Chọn “**Cập nhật số liệu**” chọn “**Phiếu chi tiền gửi (Giấy báo nợ)**”

Hình 2.37: Giao diện hạch toán tiền nộp chậm thuế

* **Trích Sổ nhật ký chung:** Tổng hợp các nghiệp vụ được thể hiện ở **Phụ lục**

5

* **Trích sổ chi tiết TK 8118:**

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN				Mẫu số S19-DNN			
104 Hoàng Văn Thái, P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu				(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN							
Năm 2025							
Tài khoản: 8118-Chi phí khác không được trừ							
CHỨNG TỪ		KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN		
NGÀY	SỐ CT				NỢ	CÓ	
22/01	000077	Kho bạc nhà nước	tiền nộp chậm thuế	11211	347.350,		
31/01	KC-000011		KC Chi phí khác không được trừ sang KQKD	911		347.350,	
12/12	876837	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH	Không phục vụ HDSXKD	11211	9.590.000,		
31/12	KC-000011		KC Chi phí khác không được trừ sang KQKD	911		9.590.000,	
			Tổng cộng phát sinh		9.937.350,	9.937.350,	
			Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		9.937.350,	9.937.350,	
			Số dư cuối kỳ				
				TP.Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người lập		Kế toán trưởng		Giám đốc			
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)			
Nguyễn Thị Phương				Nguyễn Kim Hoàng			

* **Trích sổ cái TK 811:**

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN					
104 Hoàng Văn Thái, P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu					
SỔ CÁI					
Năm 2025					
Tài khoản: 811-Chi phí khác					
CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ			
22/01/25	000077	tiền nộp chậm thuế	11211	347.350	
31/01/25	KC-000011	KC Chi phí khác không được trừ sang KQKD	911		347.350
12/12/25	876837	Không phục vụ HĐSXKD	11211	9.590.000	
31/12/25	KC-000011	KC Chi phí khác không được trừ sang KQKD	911		9.590.000
		Tổng cộng phát sinh		9.937.350	9.937.350
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		9.937.350	9.937.350
		Số dư cuối kỳ			
			TP.Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
			Kế toán trưởng		

2.2.9. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

2.2.9.1. Nội dung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành, làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Cuối năm, căn cứ vào tổng kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán tiến hành lập tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp cho nhà nước, sau đó lưu lại các chứng từ liên quan.

2.2.9.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN
- Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà Nước
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 821
- Sổ chi tiết TK 821

2.2.9.3. Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.

2.2.9.4. Quy trình ghi sổ

Tiến hành vào phần mềm HTKK để lập tờ khai. Đăng nhập MST công ty sau đó chọn “Thuế thu nhập doanh nghiệp” → Chọn “Tờ khai quyết toán TNDN (03/TNDN) [TT80/2021]”. Sau đó tiến hành nhập các số liệu vào phụ lục Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Số liệu sẽ tự động cập nhật lên tờ khai thuế TNDN.

❖ Tờ khai thuế TNDN:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)
(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)
[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025
[02] Lần đầu: ☒ **[03]** Bổ sung lần thứ: ☐

Mẫu số: **03/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G46 - Bán buôn
[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %
[06] Tên người nộp thuế: Công ty TNHH TM & DV Hoa Văn
[07] Mã số thuế: 0401971048

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):
[09] Mã số thuế:
[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số _____ Ngày: _____

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	151.861.144
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	9.937.350
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	9.937.350
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	161.798.494
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	161.798.494
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	161.798.494
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0

4	Thu nhập tính thuế (TNIT) (C4=C1-C2-C3)	C4	161.798.494
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	161.798.494
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 17%	C7	161.798.494
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C9=(C7 x 17%) + (C8 x C8a))	C9	27.505.744
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN (C10 = C11 + C12 + C13)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	27.505.744
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)	E	27.505.744
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	27.505.744
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)	G	16.000.000
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		16.000.000
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	810.570
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	15.189.430
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0

H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	12.316.314
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=I1+I2$)	I	11.505.744
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	11.505.744
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NGHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 14 tháng 03 năm 2026

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Nguyễn Kim Hoàng

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tính đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 27.505.744 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản

Hình 2.38: Tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2025

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
 Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc
 phòng)
 (Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Mẫu số: **03-1A/TNDN**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: Công ty TNHH TM & DV Hoa Văn
 [03] Mã số thuế: 0401971048

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	45.305.124.973
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	5.709.075
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	959.383
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	44.753.128.229
a	Giá vốn hàng bán	[13]	42.849.425.507
b	Chi phí bán hàng	[14]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	1.903.702.722
5	Chi phí tài chính	[16]	396.661.538
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	396.661.538
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	161.044.281
7	Thu nhập khác	[19]	754.213
8	Chi phí khác	[20]	9.937.350
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	(9.183.137)
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	151.861.144

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 14 tháng 03 năm 2026

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
 Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
 (Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Nguyễn Kim Hoàng

Ghi chú: Số liệu chi tiêu [22] được tổng hợp vào chi tiêu AI của Tờ khai 03/TNDN

Hình 2.39: Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

* Quy trình hạch toán vào phần mềm: Tại giao diện phần mềm Trí Việt, chọn “Kế toán tổng hợp” → Chọn “Cập nhật số liệu” chọn “Phiếu kế toán”

611 - Chứng Từ Bút Toán Tổng Hợp

Ngày CT: 31/12/2025 Số CT: TNDN CT gốc: Số bảng kê:
 Lý do chứng từ: Thuế TNDN 2025 Mã DV: Số xe:
 Mã nhân viên:

TK nợ	Đối tượng ghi nợ	TK có	Đối tượng ghi có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc
821		3334		27.505.744	Thuế TNDN 2025	

Record 1 of 1

Tổng hạch toán: 27.505.744

Khóa sổ/Mở sổ Thêm phiếu Sửa phiếu Lưu phiếu Xóa phiếu Bỏ qua In phiếu Quay ra

1 of 1

Hình 2.40: Giao diện hạch toán thuế TNDN lên phần mềm

* **Trích Sổ nhật ký chung:** Tổng hợp các nghiệp vụ được thể hiện ở **Phụ lục**

5

* **Trích Sổ chi tiết TK 821:**

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN				Mẫu số S19-DNN			
104 Hoàng Văn Thái, P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu				(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN							
Năm 2025							
Tài khoản: 821-Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp							
CHỨNG TỪ		KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN		
NGÀY	SỐ CT				NỢ	CÓ	
			Tồn đầu kỳ			,	
31/12	KC-000012		KC Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang KQKD	911		,	27.505.744
31/12	TNDN		Thuế TNDN 2025	3334	27.505.744,		
			Tổng cộng phát sinh		27.505.744,		27.505.744
			Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		27.505.744,		27.505.744
			Số dư cuối kỳ			,	
TP.Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025							
Người lập		Kế toán trưởng		Giám đốc			
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)			
Nguyễn Thị Phương				Nguyễn Kim Hoàng			

* **Trích Sổ cái TK 821:**

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN					
104 Hoàng Văn Thái, P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu					
SỔ CÁI					
Năm 2025					
Tài khoản: 821-Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					
CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ			
31/12/25	KC-000012	KC Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang KOKD	911		27.505.744
31/12/25	TNDN	Thuế TNDN 2025	3334	27.505.744	
		Tổng cộng phát sinh		27.505.744	27.505.744
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		27.505.744	27.505.744
		Số dư cuối kỳ			
TP.Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025					

2.2.10. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

2.2.10.1 Nội dung xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Cuối kỳ, từ các tài khoản liên quan: 511, 515, 632, 642, 711, 811, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

2.2.10.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Phiếu kết chuyển
- Sổ chi tiết TK 911
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 911

2.2.10.3. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

2.2.9.4 Quy trình ghi sổ

Cuối kỳ, sau khi đã kiểm tra tất cả chứng từ kế toán, kế toán tiến hành kết chuyển doanh thu và chi phí vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh trong năm. Vào mục **“Kế toán tổng hợp”** → Chọn **“Cập nhật số liệu”** → Chọn **“Bút toán kết chuyển tự động”** phần mềm sẽ tự động kết chuyển.

* **Trích Sổ nhật ký chung:** Tổng hợp các nghiệp vụ được thể hiện ở **Phụ lục**

5

* **Trích Sổ chi tiết TK 911:**

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN				Mẫu số S19-DNN		
104 Hoàng Văn Thái, P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu				(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)		
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN						
Năm 2025						
Tài khoản: 911-Xác định kết quả kinh doanh						
CHỨNG TỪ		KHẤC H HANG	DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT				NỢ	CÓ
			Tồn đầu kỳ		,	
...						
31/12	KC-000001		KC doanh thu sang KQKD	5111		4.970.427.677,
31/12	KC-000002		KC doanh thu sang KQKD	5113		13.636.364,
31/12	KC-000003		KC doanh thu sang KQKD	515		936.143,
31/12	KC-000004		KC chi phí lương nhân viên bán hàng	64211	128.196.154,	
31/12	KC-000005		KC chi phí mua ngoài phục vụ bán hàng	64213	6.873.038,	
31/12	KC-000006		KC Chi phí nhân viên quản lý sang KQKD	64221	57.270.200,	
31/12	KC-000007		KC Chi phí điện , nước, điện thoại,.. sang KQKD	64223	150.000,	
31/12	KC-000008		KC Phí ngân hàng sang KQKD	64225	45.014.671,	
31/12	KC-000009		KC Chi phí khấu hao, phân bổ sang KQKD	64226	133.794.604,	
31/12	KC-000010		KC Chi phí khác sang KQKD	64227	7.979.202,	
31/12	KC-000011		KC Chi phí khác không được trừ sang KQKD	8118	9.590.000,	
31/12	KC-000012		KC Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang KQKD	821	27.505.744,	
31/12	KC-000013		KC Giá vốn hàng bán sang KQKD	632	4.506.485.313,	
31/12	KC-000014		KC Chi phí tài chính sang KQKD	635	38.961.711,	
31/12	KC-000015		KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	23.179.547,	
			Tổng cộng phát sinh		45.482.288.662,	45.482.288.662,
			Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		45.482.288.662,	45.482.288.662,
			Số dư cuối kỳ		,	
				TP.Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người lập		Kế toán trưởng		Giám đốc		
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)		
Nguyễn Thị Phương				Nguyễn Kim Hoàng		

* Trích Sổ cái TK 911:

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN					
104 Hoàng Văn Thái, P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu					
SỔ CÁI					
Năm 2025					
Tài khoản: 911- Xác định kết quả kinh doanh					
CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ			
...					
31/12/25	KC-000001	KC doanh thu sang KQKD	5111		4.970.427.677
31/12/25	KC-000002	KC doanh thu sang KQKD	5113		13.636.364
31/12/25	KC-000003	KC doanh thu sang KQKD	515		936.143
31/12/25	KC-000004	KC chi phí lương nhân viên bán hàng	64211	128.196.154	
31/12/25	KC-000005	KC chi phí mua ngoài phục vụ bán hàng	64213	6.873.038	
31/12/25	KC-000006	KC Chi phí nhân viên quản lý sang KQKD	64221	57.270.200	
31/12/25	KC-000007	KC Chi phí điện , nước, điện thoại,.. sang KQKD	64223	150.000	
31/12/25	KC-000008	KC Phí ngân hàng sang KQKD	64225	45.014.671	
31/12/25	KC-000009	KC Chi phí khấu hao, phân bổ sang KQKD	64226	133.794.604	
31/12/25	KC-000010	KC Chi phí khác sang KQKD	64227	7.979.202	
31/12/25	KC-000011	KC Chi phí khác không được trừ sang KQKD	8118	9.590.000	
31/12/25	KC-000012	KC Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang KQKD	821	27.505.744	
31/12/25	KC-000013	KC Giá vốn hàng bán sang KQKD	632	4.506.485.313	
31/12/25	KC-000014	KC Chi phí tài chính sang KQKD	635	38.961.711	
31/12/25	KC-000015	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	23.179.547	
		Tổng cộng phát sinh		45.482.288.662	45.482.288.662
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		45.482.288.662	45.482.288.662
		Số dư cuối kỳ			
TP.Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025					

*** Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

**PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2025

Mẫu số: B02
- DNN
(Ban hành
theo Thông
tư số
133/2016/TT-
BTC ngày
26/8/2016
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: Công ty TNHH TM & DV Hoa Văn
[03] Mã số thuế: 0401971048

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		45.305.124.973	37.231.431.922
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		45.305.124.973	37.231.431.922
4. Giá vốn hàng bán	11		42.849.425.507	35.533.307.494
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.455.699.466	1.698.124.428
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		5.709.075	10.710.167
7. Chi phí tài chính	22		396.661.538	365.474.374
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		396.661.538	365.474.374
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.903.702.722	1.599.162.581
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		161.044.281	(255.802.360)
10. Thu nhập khác	31		754.213	310.004.511
11. Chi phí khác	32		9.937.350	8.648.464
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(9.183.137)	301.356.047
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		151.861.144	45.553.687
14. Chi phí thuế TNDN	51		27.505.744	11.189.430
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		124.355.400	34.364.257

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)
Nguyễn Thị Phương

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 14 tháng 03 năm 2026
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)
Nguyễn Kim Hoàng

Hình 2.41: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2025

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN

3.1. Nhận xét thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân

3.1.1. Ưu điểm

- Qua thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty đã được tổ chức tương đối hợp lý và đạt được những kết quả tích cực như sau:

- Về công tác tổ chức quản lý: Ban lãnh đạo công ty có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn, từ đó đưa ra những định hướng phát triển phù hợp với tình hình thị trường. Cơ cấu tổ chức được xây dựng tương đối rõ ràng, có sự phân cấp quản lý hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phối hợp giữa các bộ phận trong doanh nghiệp. Nhờ đó, các hoạt động kinh doanh được triển khai tương đối đồng bộ, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty.
- Về tổ chức bộ máy kế toán: Công ty đã xây dựng bộ máy kế toán theo hướng gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả công việc. Các nhân viên kế toán được phân công nhiệm vụ rõ ràng, phù hợp với trình độ chuyên môn, qua đó hạn chế được sự chồng chéo trong công việc.
- Về phần mềm kế toán trong quá trình xử lý nghiệp vụ: Phần mềm có giao diện thân thiện, dễ sử dụng và phù hợp với quy mô doanh nghiệp. Việc sử dụng phần mềm giúp tăng tốc độ xử lý dữ liệu, giảm thiểu sai sót so với phương pháp thủ công, đồng thời hỗ trợ lập báo cáo tài chính và kết xuất dữ liệu phục vụ công tác phân tích một cách thuận tiện.
- Về hệ thống tài khoản, chứng từ và sổ sách kế toán, Công ty đã áp dụng đúng theo quy định của Thông tư 133/2016/TT-BTC. Hệ thống tài khoản được xây dựng phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh, giúp phản ánh đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh. Chứng từ kế toán được lập đầy đủ, hợp lệ, nội dung rõ ràng và được kiểm tra trước khi ghi sổ. Quy trình luân chuyển chứng từ tương đối khoa học, góp phần đảm bảo tính chính xác và minh bạch của thông tin kế toán. Sổ sách kế toán được ghi chép đầy đủ, liên tục và lưu trữ đúng quy định, thuận tiện cho việc tra cứu và kiểm tra.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần được khắc phục.

- **Về chính sách bán hàng:** Hiện nay, Công ty chưa áp dụng các chính sách khuyến khích tiêu thụ hàng hóa như chiết khấu thương mại hoặc chiết khấu thanh toán đối với khách hàng. Trong bối cảnh thị trường ngày càng cạnh tranh gay gắt, việc thiếu các chính sách ưu đãi có thể làm giảm khả năng thu hút khách hàng mới cũng như duy trì mối quan hệ với khách hàng hiện tại. Đồng thời, điều này cũng ảnh hưởng đến khả năng gia tăng doanh số bán hàng và mở rộng thị phần của Công ty. Do đó, việc xây dựng các chính sách bán hàng linh hoạt và phù hợp là cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

- **Lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:** Công ty còn phát sinh nhiều nghiệp vụ bán chịu đối với các khách hàng quen thuộc. Điều này dẫn đến việc kế toán phải thường xuyên theo dõi và quản lý một khối lượng công nợ tương đối lớn. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ có dấu hiệu rủi ro, làm cho báo cáo tài chính chưa phản ánh đầy đủ khả năng tổn thất có thể xảy ra.

- **Công tác hạch toán các khoản trích theo lương:** Công ty hiện đang hạch toán các khoản BHXH, BHYT và kinh phí công đoàn vào cùng TK 3383. Việc không theo dõi riêng từng khoản bảo hiểm và kinh phí công đoàn trên các tài khoản cấp 2 tương ứng như TK 3383, TK 3384 và TK 3382 làm giảm tính chi tiết của thông tin kế toán, gây khó khăn cho việc kiểm tra, đối chiếu số liệu với cơ quan bảo hiểm xã hội cũng như công tác quản lý các khoản phải nộp theo từng nội dung cụ thể.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân

Trên cơ sở những kiến thức lý luận đã được trang bị trong quá trình học tập và kết quả tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân, em xin đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty như sau:

Đề xuất 1: Hoàn thiện chính sách bán hàng nhằm đẩy mạnh tiêu thụ hàng hóa

Để nâng cao hiệu quả kinh doanh và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường, Công ty nên áp dụng các chính sách chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán đối với khách hàng. Đồng thời, cần đẩy mạnh hoạt động quảng bá sản phẩm, mở rộng

thị trường tiêu thụ và xây dựng các chương trình ưu đãi phù hợp đối với khách hàng truyền thống và khách hàng có giá trị mua hàng lớn. Điều này sẽ góp phần gia tăng doanh thu, thu hút khách hàng và đẩy nhanh quá trình thu hồi vốn.

Đề xuất 2: Thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Để hạn chế rủi ro tài chính và đảm bảo an toàn vốn kinh doanh, Công ty nên thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định hiện hành và hạch toán vào TK 2293. Đồng thời, cần thường xuyên theo dõi, đối chiếu và đánh giá khả năng thu hồi các khoản công nợ để có biện pháp xử lý kịp thời đối với các khoản nợ quá hạn, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý công nợ và phản ánh trung thực tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Đề xuất 3: Hoàn thiện công tác hạch toán các khoản trích theo lương

Để đảm bảo việc hạch toán các khoản trích theo lương được thực hiện đúng quy định và cung cấp thông tin kế toán chính xác, Công ty nên mở chi tiết các tài khoản bảo hiểm theo từng nội dung cụ thể. Thay vì hạch toán chung các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn vào TK 3383, kế toán nên thực hiện theo dõi riêng trên các tài khoản tương ứng như TK 3383 – Bảo hiểm xã hội, TK 3384 – Bảo hiểm y tế và TK 3382 – Kinh phí công đoàn.

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò hết sức quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Việc tổ chức tốt công tác kế toán không chỉ giúp doanh nghiệp phản ánh chính xác tình hình hoạt động kinh doanh mà còn cung cấp những thông tin cần thiết phục vụ cho quá trình quản lý và ra quyết định của nhà quản trị.

Qua thời gian thực tập và nghiên cứu thực tế tại Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân, em đã có cơ hội tìm hiểu sâu hơn về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị. Trên cơ sở vận dụng những kiến thức đã được học tại trường kết hợp với việc nghiên cứu thực tế, khóa luận đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh; đồng thời phản ánh thực trạng công tác kế toán tại Công ty trong năm 2025.

Qua quá trình nghiên cứu, có thể nhận thấy Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân đã tổ chức tương đối tốt công tác kế toán, tuân thủ các quy định của chế độ kế toán hiện hành, sử dụng phần mềm kế toán trong quá trình hạch toán và cung cấp thông tin phục vụ quản lý. Bên cạnh những ưu điểm đạt được, công tác kế toán tại Công ty vẫn còn một số hạn chế như chưa áp dụng các chính sách chiết khấu nhằm thúc đẩy tiêu thụ hàng hóa, chưa thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi và việc hạch toán các khoản bảo hiểm chưa được theo dõi chi tiết theo từng tài khoản cấp hai. Từ đó, em đã mạnh dạn đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình nghiên cứu và thực hiện khóa luận, song do kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên bài khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong nhận được sự góp ý của quý thầy cô để đề tài được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26-08-2016 của Bộ tài chính

Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20/11/2015.

Các chứng từ, sổ sách kế toán, hóa đơn giá trị gia tăng và tài liệu nội bộ của Công ty TNHH TM & DV Hoa Vân.

Các khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán tham khảo tại thư viện Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.

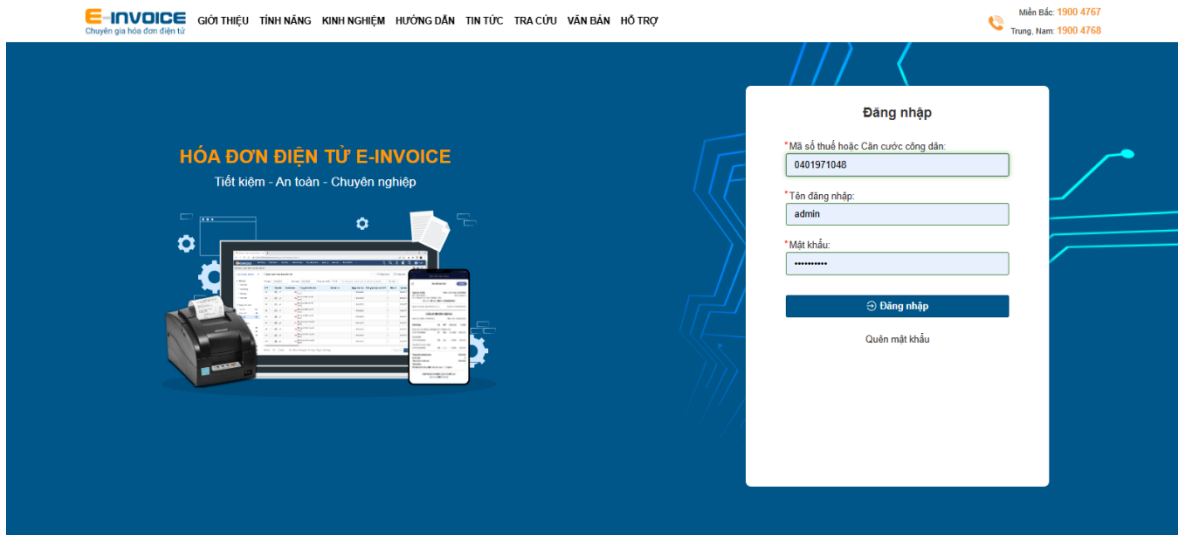
Các văn bản pháp luật có liên quan về kế toán, thuế và hóa đơn hiện hành.

PHỤ LỤC

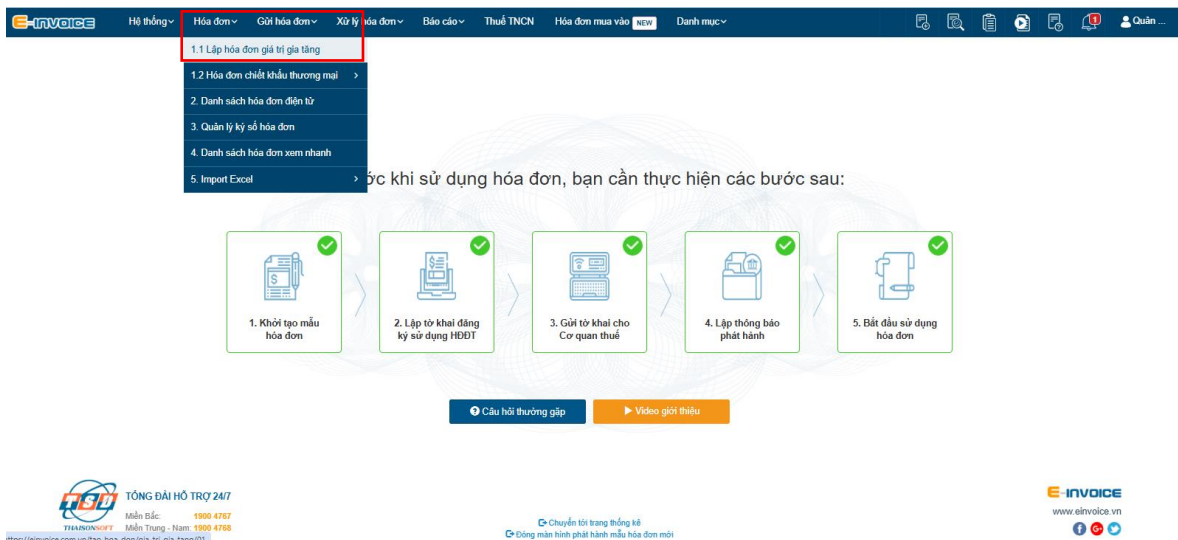
1. Phụ lục 1: Quy trình lập hóa đơn GTGT

(1) Đăng nhập

- Truy cập địa chỉ: <https://einvoice.com.vn/>
- Đăng nhập bằng tài khoản kế toán doanh nghiệp (mã số thuế, tên đăng nhập, mật khẩu).



(2) Tại mục **Menu “Hóa đơn”**, chọn chức năng **Hóa đơn**, chọn **Lập Hóa đơn giá trị gia tăng**



(3) Nhập thông tin hóa đơn

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Trạng thái: **Nhập mới** | Phân loại: **Hóa đơn gốc**

☐ Kiểm tra khai hoàn thuế

Thông tin chi tiết về người mua hàng

Mã đơn vị: 0401854802 Ngày hóa đơn: 02/12/2025 Mẫu số hóa đơn: 1C25THV

Mã số thuế: 0401854802 Lấy thông tin MĐVQHNN sách Ký hiệu hóa đơn: C25THV Số hóa đơn: 0

Tên đơn vị: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG MI Địa chỉ: Tổ 2, Thôn Tây An, Phường Hoà Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Người mua hàng: Địa chỉ: Đồng tiền: VND Tỷ giá: 1.00

CCCD/ Số định danh: Số hộ chiếu Hình thức thanh toán: TM/CK

Số tài khoản: Tên ngân hàng Số biên lai Email

SĐT nhận hóa đơn

(F3) Tìm hàng hóa & dịch vụ (F2) Thêm dòng trống

STT	Thao tác	Mã hàng	Tên hàng hóa & dịch vụ	Tính chất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá NT	Đơn giá	Thành tiền NT	Th
1			Hàng hóa, dịch vụ	-Chọn-	0.000	0.000			0	

Vui lòng nhập giá trị

☐ Đơn giá, Số lượng bằng 0 ☐ Không tự tính giá trị

(4) Nhấn chọn “Ghi” hóa đơn

Sau khi nhập đầy đủ thông tin, cần kiểm tra lại lần cuối để chắc chắn các thông tin đã chính xác, sau đó nhấn chọn **"Ghi"** hệ thống sẽ hiện ra thông báo lưu thành công.

Hạn thanh toán: Cộng tiền hàng nguyên tệ: 0

Ghi chú trên hóa đơn: Cộng tiền hàng: 0

Ghi chú nội bộ: Chiết khấu: % 0

Số tiền bằng chữ: Không đồng. Tổng thuế VAT (5%): 0

Tổng thuế VAT (8%): 0

Tổng thuế VAT (10%): 0

Tổng thanh toán: 0

Danh sách hàng hóa dịch vụ không được giảm thuế theo Nghị định "174/2025/NĐ-CP"

Tiện ích - Ghi Đóng

(5) Xuất hóa đơn

Sau khi ghi hóa đơn thành công hệ thống sẽ hiển thị thông tin hóa đơn cùng với các nút chức năng để xử lý hóa đơn.

Danh sách hàng hóa dịch vụ không được giảm thuế theo Nghị định "174/2025/NĐ-CP"

Tiện ích - Xem hóa đơn Gửi hóa đơn nhập - Xuất hóa đơn Ghi Xóa Đóng

(6) Ký số hóa đơn

Hệ thống sẽ tự động cấp số hóa đơn sau đó chuyển sang giao diện ký số cho hóa đơn. Khi này, chương trình sẽ thông báo yêu cầu doanh nghiệp chọn chữ ký số trong danh sách. Trong quá trình lập, ký số cho hóa đơn hệ thống sẽ tự động xin cấp mã cho hóa đơn. Mã hóa đơn tuân thủ theo thứ tự tăng dần.

(7) Gửi hóa đơn cho khách hàng

Doanh nghiệp có thể gửi email cho khách hàng bằng cách nhập thông tin email người mua và nhấn nút **"Gửi hóa đơn"**. Khi này khách hàng check email để nhận thông tin hóa đơn.

Danh sách hàng hóa dịch vụ không được giảm thuế theo Nghị định "174/2025/NĐ-CP"

Tiện ích

Xem hóa đơn

In chuyển đổi

Tải hóa đơn

Gửi hóa đơn

Xử lý hóa đơn

Đóng

2. Phụ lục 2: Quy trình hạch toán hóa đơn GTGT vào phần mềm

Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay

Kế toán bán hàng và công nợ phải thu

Cập nhật số liệu

Hóa đơn bán hàng Kiểm phiếu xuất kho

Hóa đơn bán hàng, dịch vụ

Phiếu nhập hàng bán bị trả lại

Hàng bán bị trả lại Kiểm phiếu nhập kho

Bảo giá

Chứng từ vận chuyển đơn hàng

Sổ kế toán công nợ phải thu

Báo cáo bán hàng

Báo cáo phân tích lãi lỗ

Báo cáo quản trị về công nợ

Kế toán mua hàng và công nợ phải trả

Kế toán hàng tồn kho

Kế toán chi phí và tính giá thành

Kế toán tài sản cố định

Kế toán tổng hợp

Báo cáo thuế GTGT

Báo cáo tài chính

Hệ thống

Hoà đơn bán hàng Kiểm phiếu xuất kho

Chọn ngày

Năm trước

Từ ngày 01/01/2025

đến ngày 31/12/2025

Tìm nâng cao

Ngày HD	Ký hiệu	Số HD	Ngày CT	Số CT	Tiền hàng	Tiền CK	Tiền VAT	Thành toán	Mã KH	Tên khách hàng	Địa chỉ
28/11/2025	C2STHV	00000452	28/11/2025	000452	65.233.244	0	5.218.660	70.451.904	331-4T432	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ H...	238 Phan Đăng U
28/11/2025	C2STHV	00000453	28/11/2025	000453	5.666.668	0	453.333	6.120.001	131-NP643	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY ...	28/36 Lương Văn
28/11/2025	C2STHV	00000454	28/11/2025	000454	362.963.792	0	29.037.103	392.000.895	131-NH311	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH...	133 Đường Số 24,
28/11/2025	C2STHV	00000455	28/11/2025	000455	20.245.050	0	1.972.509	22.217.559	131-NH009	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG C...	45A Huyện Tinh C
28/11/2025	C2STHV	00000456	28/11/2025	000456	128.437.982	0	10.275.039	138.713.021	131-TN024	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MEDIC	296 Cù Chính Lan,
29/11/2025	C2STHV	00000457	29/11/2025	000457	2.361.111	0	188.889	2.550.000	3300377958	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP L...	01 Bến Nghé, Phú
29/11/2025	C2STHV	00000458	29/11/2025	000458	12.480.000	0	998.400	13.478.400	131-BT648	Công ty CP Bảo Toàn	Số 158 Hàm Nghi,
02/12/2025	C2STHV	00000459	02/12/2025	000459	5.500.000	0	440.000	5.940.000	3100301268	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TỐT HOP L...	Số 303, Quang Tr
02/12/2025	C2STHV	00000460	02/12/2025	000460	1.653.328	0	132.266	1.785.594	0401854802	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT TH...	Tổ 2, Thôn Tây A
02/12/2025	C2STHV	00000461	02/12/2025	000461	53.987.520	0	4.319.002	58.306.522	131-GP592	CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG HÀ GL...	175/3/28 Hồ Văn
02/12/2025	C2STHV	00000462	02/12/2025	000462	19.237.570	0	1.539.006	20.776.576	131-TV630	CÔNG TY CỔ PHẦN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN C...	Số 52/8 đường Lê
02/12/2025	C2STHV	00000463	02/12/2025	000463	1.481.487	0	118.519	1.600.006	131-MH816	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THI CÔNG MẠI D	Số 43 Đường 7, V

Record 448 of 514

2. Chi tiết chứng từ

Mã KH	Mã kho	Mã HH	Tên HHVD	DV/T	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	TK nợ	Tài.K có	Giá vốn	Tiền vốn	TK N	
0401854802	CHÍNH	VT_3659_133...	GACH G688183-PREMIUM 3-102...	THÙNG	8	206.666	1.653.328	131	5111		201.542	1.612.334	632
0401854802			Thuế GTGT đầu ra		0		132.266	131	33311				

Record 1 of 2

3. Thông tin hoá đơn VAT kèm theo

Ký hiệu	Số HD	Ngày HD	VAT	Tiền VAT	Chưa VAT	Đổi tương VAT	Địa chỉ	Mã số thuế	Tên hàng ho
C2STHV	00000460	02/12/2025	8	132.266	1.653.328	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT ...	Tổ 2, Thôn Tây A, Phường Hoà Xuân, ...	0401854802	

Record 1 of 1

3. Phụ lục 3: Quy trình hạch toán hóa đơn GTGT vào phần mềm

Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay

Kế toán bán hàng và công nợ phải thu

Cập nhật số liệu

Hóa đơn bán hàng Kiểm phiếu xuất kho

Hóa đơn bán hàng, dịch vụ

Phiếu nhập hàng bán bị trả lại

Hàng bán bị trả lại Kiểm phiếu nhập kho

Bảo giá

Chứng từ vận chuyển đơn hàng

Sổ kế toán công nợ phải thu

Báo cáo bán hàng

Báo cáo phân tích lãi lỗ

Báo cáo quản trị về công nợ

Kế toán mua hàng và công nợ phải trả

Kế toán hàng tồn kho

Kế toán chi phí và tính giá thành

Kế toán tài sản cố định

Kế toán tổng hợp

Báo cáo thuế GTGT

Báo cáo tài chính

Hệ thống

Hoà đơn bán hàng, dịch vụ

Chọn ngày

Năm trước

Từ ngày 01/01/2025

đến ngày 31/12/2025

Tìm nâng cao

Ngày HD	Ký hiệu	Số HD	Ngày CT	Số CT	Tiền hàng	Tiền CK	Tiền VAT	Thành toán	Mã KH	Tên khách hàng	Địa chỉ
19/02/2025	C2STHV	00000043	19/02/2025	000043	13.636.364	0	1.090.909	14.727.273	331-CN001	Chi nhánh Công ty cổ phần công nghiệp gố...	191 Điện Biên Phủ
11/03/2025	C2STHV	00000067	11/03/2025	000067	13.636.364	0	1.090.909	14.727.273	331-CN001	Chi nhánh Công ty cổ phần công nghiệp gố...	191 Điện Biên Phủ
11/04/2025	C2STHV	00000099	11/04/2025	000099	13.636.364	0	1.090.909	14.727.273	331-CN001	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ...	191 Điện Biên Phủ
12/05/2025	C2STHV	00000125	12/05/2025	000125	13.636.364	0	1.090.909	14.727.273	331-CN001	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ...	191 Điện Biên Phủ
11/06/2025	C2STHV	00000172	11/06/2025	000172	13.636.364	0	1.090.909	14.727.273	331-CN001	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ...	191 Điện Biên Phủ
10/07/2025	C2STHV	00000229	10/07/2025	000229	13.636.364	0	1.090.909	14.727.273	331-CN001	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ...	191 Điện Biên Phủ
13/08/2025	C2STHV	00000287	13/08/2025	000287	13.636.364	0	1.090.909	14.727.273	331-CN001	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ...	191 Điện Biên Phủ
10/09/2025	C2STHV	00000340	10/09/2025	000340	13.636.364	0	1.090.909	14.727.273	331-CN001	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ...	191 Điện Biên Phủ
09/10/2025	C2STHV	000372	09/10/2025	000372	13.636.364	0	1.090.909	14.727.273	331-CN001	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ...	191 Điện Biên Phủ
11/11/2025	C2STHV	0000418	11/11/2025	000418	13.636.364	0	1.090.909	14.727.273	331-CN001	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ...	191 Điện Biên Phủ
11/12/2025	C2STHV	00000479	11/12/2025	000479	13.636.364	0	1.090.909	14.727.273	331-GS001	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỬ...	KCN Gò Dầu, Xã P

Record 11 of 12

2. Chi tiết chứng từ

Mã KH	Mã kho	Mã HH	Tên HHVD	DV/T	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	TK nợ	Tài.K có	Giá vốn	Tiền vốn	TK N
331-CN001	CHÍNH	VT_3927_133...	Cho thuê xe nâng hàng từ 12/1...	Chiếc	0	0	13.636.364	131	5113		0	
331-CN001			Thuế GTGT đầu ra		0		1.090.909	131	33311			

Record 1 of 2

3. Thông tin hoá đơn VAT kèm theo

Ký hiệu	Số HD	Ngày HD	VAT	Tiền VAT	Chưa VAT	Đổi tương VAT	Địa chỉ	Mã số thuế	Tên hàng ho
C2STHV	000418	11/11/2025	8	1.090.909	13.636.364	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG N...	191 Điện Biên Phủ, Q Thanh Khê, Tp Đà...	3600254001-001	

Record 1 of 1

4. Phụ lục 4: Quy trình mở Sổ nhật ký chung

HÒA VÂN - CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN - TH VIỆT Accounting Online [v1.25.06.241]

1.Hệ thống 2.Chứng từ 3.Danh mục 4.Sổ dự 5.Tiền ích Liên hệ

Thêm Lưu Sửa Bỏ qua Xóa Quay ra

Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay

Kế toán bán hàng và công nợ phải thu

Kế toán mua hàng và công nợ phải trả

Kế toán hàng tồn kho

Kế toán chi phí và tính giá thành

Kế toán tài sản cố định

Kế toán tổng hợp

Cập nhật số liệu

Sổ kế toán theo hình thức CTGS

Sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

Sổ nhật ký chung

Sổ nhật ký thu tiền

Sổ nhật ký chi tiền

Sổ cái tổng hợp

Sổ cái

Sổ chi tiết tài khoản

Truy vấn, tìm kiếm dữ liệu

Báo cáo thuế GTGT

Báo cáo tài chính

Hệ thống

Chọn tham số báo cáo

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

1. Từ ngày 01/06/2025 Đến ngày 01/06/2026 Xem in Quay ra

2. Tháng nào 6 Năm 2026

3. Quý nào 2 Năm 2026

4. Năm nào 2025

Xuất sang HTKK

Tìm chứng từ Lên sổ cái Loại CT

Ghi bên Ghi Nợ và có Mã đơn vị

Chon TK

Chon KH

TK đối ứng

Mã hàng hóa

Mã kho

Nhóm hàng

Nhà sản xuất

Nước sản xuất

Mã vụ việc

Khoản mục

Dữ liệu nh.viễn

Đại diện QL

Kiểu bán

Loại VAT

Tính thành

Nhóm KH

Nhóm KH 1

Nhóm KH 2

Nhân viên QL KH

NV QL đơn hàng

Nhân viên Order

Mã vùng

Đối tác

Kênh phân phối

Nhóm đối tượng

Không cộng phần chiết khấu

Ngoại tệ

Nhóm ngày

Tách tháng

Không tính lũy kế đầu năm

Không tính phiếu chuyển kho

Không hiển thị khách hàng không có số liệu

Chuyển sang ĐVT quy đổi

Bảng cân đối xử lý tài khoản

Cổng nợ dựa vào bảng tổng hợp công nợ

Giá vốn Giá bán Giá VAT

Theo mục PH Theo TK con

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

5. Phụ lục 5: Sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN							
104 Hoàng Văn Thái, P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu							
SỔ NHẬT KÝ CHUNG							
Năm 2025							
Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn Giải	Đã ghi số	Số hiệu TK đối ứng	Phát Sinh	
	Số CT	Ngày				Nợ	Có
01/01	000024	01/01	Tiền xăng dầu HD 24				
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	90.909	
			Phải trả cho người bán	X	331		90.909
			Phải trả cho người bán	X	331		909.091
			Chi phí khác	X	64227	909.091	
01/01	THUE	01/01	Lệ phí môn bài 2025				
			Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	X	3339		3.000.000
			Thuế, phí, lệ phí,...	X	64224	3.000.000	
...							
22/01	000077	22/01	tiền nộp chậm thuế				
			Tiền gửi ngân hàng Vietcombank(tk_0041000367800)	X	11211		347.350
			Chi phí khác không được trừ	X	8118	347.350	
...							
31/01	KC-000008	31/01	KC Thuế, phí, lệ phí,... sang KQKD				
			Thuế, phí, lệ phí,...	X	64224		3.000.000
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	3.000.000	
...							
31/01	KC-000011	31/01	KC Chi phí khác không được trừ sang KQKD				
			Chi phí khác không được trừ	X	8118		347.350
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	347.350	
...							
24/02	000048	24/02	trả lãi				
			Tiền gửi ngân hàng BIDV(tk_56010001608825)	X	11212		3.870.874
			Phải thu của khách hàng	X	131	11.315.000	
			Phải thu của khách hàng	X	131	905.200	
			Hàng hóa	X	156		11.160.000
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311		905.200
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111		11.315.000
			Giá vốn hàng bán	X	632	11.160.000	
			Chi phí tài chính	X	635	3.870.874	
24/02	000085	24/02	Nhập hàng theo HD số 00000085				
			Hàng hóa	X	156	661.333	
			Phải trả cho người bán	X	331		661.333
			Phải trả cho người bán	X	331	661.333	
			Thu nhập khác	X	711		661.333
...							
28/02	KC-000009	28/02	KC doanh thu sang KQKD				
			Thu nhập khác	X	711	661.333	
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911		661.333
28/02	KC-000010	28/02	KC Giá vốn hàng bán sang KQKD				
			Giá vốn hàng bán	X	632		3.453.442.312
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	3.453.442.312	
28/02	KC-000011	28/02	KC Chi phí tài chính sang KQKD				
			Chi phí tài chính	X	635		24.619.040
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	24.619.040	
...							
28/03	000045	28/03	Cước vận chuyển gạch men từ Đà Nẵng đi Hà Tĩnh HD số 00000045				
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	800.000	
			Phải trả cho người bán	X	331		10.000.000
			Phải trả cho người bán	X	331		800.000
			Chi phí vận chuyển hàng bán	X	64212	10.000.000	

...							
31/03	KC-000005	31/03	KC chi phí vận chuyển bán hàng				
			Chi phí vận chuyển hàng bán	X	64212		10.000.000
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	10.000.000	
...							
25/06	281429	25/06	DO 0.05S-II xe nâng HD số 281429				
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	562.409	
			Phải trả cho người bán	X	331		562.409
			Phải trả cho người bán	X	331		5.624.094
			Chi phí mua ngoài phục vụ bán hàng	X	64213	5.624.094	
...							
30/06	KC-000005	30/06	KC chi phí mua ngoài phục vụ bán hàng				
			Chi phí mua ngoài phục vụ bán hàng	X	64213		7.960.095
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	7.960.095	
...							
04/10	601231	04/10	Phí ngân hàng HD 601231				
			Tiền gửi ngân hàng Vietcombank(tk_0041000367800)	X	11211		50.000
			Tiền gửi ngân hàng Vietcombank(tk_0041000367800)	X	11211		5.000
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	5.000	
			Phí ngân hàng	X	64225	50.000	
...							
07/10	1358245	07/10	Cước viễn thông HD 1358245				
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	15.000	
			Phải trả cho người bán	X	331		150.000
			Phải trả cho người bán	X	331		15.000
			Chi phí điện , nước, điện thoại..	X	64223	150.000	
...							
31/10	KC-000007	31/10	KC Chi phí điện , nước, điện thoại... sang KQKD				
			Chi phí điện , nước, điện thoại..	X	64223		300.000
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	300.000	
31/10	KC-000009	31/10	KC Chi phí khác sang KQKD				
			Chi phí khác	X	64227		8.637.273
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	8.637.273	
...							
11/11	000418	11/11	Bán hàng theo HD 000418				
			Phải thu của khách hàng	X	131	13.636.364	
			Phải thu của khách hàng	X	131	1.090.909	
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311		1.090.909
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	X	5113		13.636.364
...							
30/11	BHXXH	30/11	Trích BHXH, BHYT, KPCD vào phí T11				
			Phải trả người lao động	X	334	926.100	
			Bảo hiểm xã hội	X	3383		1.896.300
			Bảo hiểm xã hội	X	3383		926.100
			Chi phí nhân viên quản lý	X	64221	1.896.300	
30/11	KC-000002	30/11	KC doanh thu sang KQKD				
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	X	5113	13.636.364	
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911		13.636.364
30/11	KC-000004	30/11	KC chi phí lương nhân viên bán hàng				
			Chi phí nhân viên bán hàng	X	64211		75.400.000
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	75.400.000	
30/11	KC-000006	30/11	KC Chi phí nhân viên quản lý sang KQKD				
			Chi phí nhân viên quản lý	X	64221		35.696.300
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	35.696.300	
30/11	LUONG	30/11	Chi thanh toán lương				
			Tiền Việt Nam	X	1111		106.860.205
			Phải trả người lao động	X	334		33.800.000
			Phải trả người lao động	X	334		75.400.000
			Phải trả người lao động	X	334	106.860.205	
			Chi phí nhân viên bán hàng	X	64211	75.400.000	
			Chi phí nhân viên quản lý	X	64221	33.800.000	
...							

106

6. Phụ lục 6: Quy trình mở sổ chi tiết TK 5111, TK 5113

HOA VAN - CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN - Tr Việt Accounting Online [v1.25.06.241]

1.Hệ thống 2.Chứng từ 3.Danh mục 4.Sổ dự 5.Tiền ích Liên hệ

Thêm Lưu Sửa Bỏ qua Xóa Quay ra

Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay

Kế toán bán hàng và công nợ phải thu

Kế toán mua hàng và công nợ phải trả

Kế toán hàng tồn kho

Kế toán chi phí và tính giá thành

Kế toán tài sản cố định

Kế toán tổng hợp

Cập nhật số liệu

Sổ kế toán theo hình thức CTGS

Sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

Sổ nhật ký chung

Sổ nhật ký thu tiền

Sổ nhật ký chi tiền

Sổ cái tổng hợp

Sổ cái

Sổ chi tiết tài khoản

Truy vấn, tìm kiếm dữ liệu

Báo cáo thuế GTGT

Báo cáo tài chính

Hệ thống

Chọn tham số báo cáo

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

1. Từ ngày 01/06/2026 Đến ngày 01/06/2026 Xem in Quay ra

2. Tháng nào 6 Năm 2026 Xuất sang HTKK

3. Quý nào 2 Năm 2026 Chọn in tất cả Mặc định

4. Năm nào 2025

Tìm chứng từ Liên số cái Loại CT

Ghi bên Ghi Nợ và có Mã đơn vị Không cộng phần chiết khấu

Chọn TK 5111 Doanh thu bán hàng hóa Ngoại tệ

Chọn KH Nhóm ngày

TK đối ứng

Mã hàng hóa

Mã kho

Nhóm hàng

Nhà sản xuất

Nước sản xuất

Mã vụ việc

Khoản mục

Dữ liệu nh.viên

Đại diện QL

Kiểu bán

Loại VAT

Tính thành

Nhóm KH

Nhóm KH 1

Nhóm KH 2

Nhân viên QL KH

NV QL đơn hàng

Nhân viên Order

Mã vùng

Đổi tác

Kênh phân phối

Nhóm đối tượng

Tách tháng

Không tính lũy kế đầu năm

Không tính phiếu chuyển kho

Không hiển thị khách hàng không có số liệu

Chuyển sang DVT quy đổi

Bảng cân đối xử lý tài khoản

Công nợ đưa vào bảng tổng hợp công nợ

Gá vốn Gá bán Gá VAT

Theo mục phí Theo TK con

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Chọn tham số báo cáo

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

1. Từ ngày 01/06/2026 Đến ngày 01/06/2026 Xem in Quay ra

2. Tháng nào 6 Năm 2026 Xuất sang HTKK

3. Quý nào 2 Năm 2026 Chọn in tất cả Mặc định

4. Năm nào 2025

Tìm chứng từ Liên số cái Loại CT

Ghi bên Ghi Nợ và có Mã đơn vị Không cộng phần chiết khấu

Chọn TK 5113 Doanh thu cung cấp dịch vụ Ngoại tệ

Chọn KH Nhóm ngày

TK đối ứng

Mã hàng hóa

Mã kho

Nhóm hàng

Nhà sản xuất

Nước sản xuất

Mã vụ việc

Khoản mục

Dữ liệu nh.viên

Đại diện QL

Kiểu bán

Loại VAT

Tính thành

Nhóm KH

Nhóm KH 1

Nhóm KH 2

Nhân viên QL KH

NV QL đơn hàng

Nhân viên Order

Mã vùng

Đổi tác

Kênh phân phối

Nhóm đối tượng

Tách tháng

Không tính lũy kế đầu năm

Không tính phiếu chuyển kho

Không hiển thị khách hàng không có số liệu

Chuyển sang DVT quy đổi

Bảng cân đối xử lý tài khoản

Công nợ đưa vào bảng tổng hợp công nợ

Gá vốn Gá bán Gá VAT

Theo mục phí Theo TK con

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

7. Phụ lục 7: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính vào phần mềm

HOA VAN - CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VAN - Trí Việt Accounting Online [v1.25.06.241]

1.Hệ thống 2.Chứng từ 3.Danh mục 4.Sổ dự 5.Tiền ích Liên hệ

Thêm Lưu Mở Bỏ qua Xóa Chọn In Bỏ Lọc Làm mới DL Copy phiếu Quay ra

Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay

Cập nhật số liệu

Phiếu thu tiền gửi (Giấy bảo có)

Phiếu thu tiền mặt

Phiếu chi tiền mặt

Phiếu chi thanh toán tạm ứng

Báo cáo tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Kế toán mua hàng và công nợ phải trả

Kế toán bán hàng và công nợ phải thu

Kế toán chi phí và tính giá thành

Kế toán tài sản cố định

Kế toán tổng hợp

Báo cáo thuế GTGT

Báo cáo tài chính

Hệ thống

Phiếu thu tiền gửi (Giấy bảo có)

Tìm kiếm Nhập từ khóa cần tìm sau đó nhấn Enter để tìm kiếm!

Chọn Ngày Năm trước Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 Tìm nâng cao

Ngày CT	Số CT	Tiền hạch toán	Lý do	Mã KH	Tên khách hàng	Họ tên	Địa chỉ
25/12/2025	000695	69.495	Lãi tiền gửi	BIDV	Ngân Hàng TMCP Đ&PT VIỆT NAM	Ngân Hàng TMCP Đ&PT VIỆT NAM	0
26/12/2025	000614	68.108.760	Thu hồi nợ	131-HP643	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY ...	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ X...	28/36 Lương Văn Can, Phường
26/12/2025	000696	100.000.000	Thu hồi nợ	131-CG158	CÔNG TY TNHH CÁN GIA	CÔNG TY TNHH CÁN GIA	590/33 Núi Thành, Phường H
26/12/2025	000697	211.000.000	Thu hồi nợ	131-HK311	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH...	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI D...	133 Đường Số 24, Phường B
29/12/2025	000615	53.399.740	Thu hồi nợ	131-HP643	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY ...	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ X...	28/36 Lương Văn Can, Phường
29/12/2025	000698	9.720.000	Thu hồi nợ	131-VT014	DOANH NGHIỆP TN VINH THÁNH	DOANH NGHIỆP TN VINH THÁNH	145 Phan Chu Trinh, Phường
30/12/2025	000699	31.840.000	Nhận cọc	0314220503	CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG PHỐ AN	CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG PH...	1/31 Cầu Xéo, Phường Tân S
30/12/2025	000700	180.000.000	Thu hồi nợ	131-KH112	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẦU...	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ...	56 178 Đường T&16, Phường
30/12/2025	000701	150.000.000	Thu hồi nợ	131-CG158	CÔNG TY TNHH CÁN GIA	CÔNG TY TNHH CÁN GIA	590/33 Núi Thành, Phường H
30/12/2025	000702	41.260.604	Thu hồi nợ	KH_5	Công Ty TNHH TMS&DV Tân An	Công Ty TNHH TMS&DV Tân An	397 Ông Ích Khiêm, Hải Châ
30/12/2025	000703	100.000.000	Thu hồi nợ	131-HK311	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH...	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI D...	133 Đường Số 24, Phường B
31/12/2025	000617	8.294.000	Thu hồi nợ	131-PH048	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT TH...	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT ...	518 - 520 Nguyễn Hữu Tho, I
31/12/2025	000618	27.120	Lãi tiền gửi	VCB	NGÂN HÀNG VIETCOMBANK	NGÂN HÀNG VIETCOMBANK	0
31/12/2025	000704	100.000.000	Thu hồi nợ	131-HK311	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI DỊCH...	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI D...	133 Đường Số 24, Phường B
31/12/2025	000705	25.440.000	Thu hồi nợ	114-HVN	CÔNG TY TNHH HOÀNG VƯƠNG NGUYỄN	CÔNG TY TNHH HOÀNG VƯƠNG NGUYỄN	Lô D104 Sơn Thủy Đồng 1, P
31/12/2025	000706	89.314.164	Thu hồi nợ	131-TR936	CÔNG TY TNHH MTV MINH TRÍ TOÀN	CÔNG TY TNHH MTV MINH TRÍ TOÀN	Lô E1.1 Nguyễn Trung Ngun,

Record 523 of 526

2. Chi tiết chứng từ

Mã KH	Số tiền	TK nợ	Tài.K có	Diễn giải	Khoản mục phí	Mã chi tiết
VCB	27.120	11211	515	Lãi tiền gửi		

Record 1 of 1

8. Phụ lục 8: Quy trình hạch toán chi phí tài chính vào phần mềm

HOA VAN - CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VAN - Trí Việt Accounting Online [v1.25.06.241]

1.Hệ thống 2.Chứng từ 3.Danh mục 4.Sổ dự 5.Tiền ích Liên hệ

Thêm Lưu Mở Bỏ qua Xóa Chọn In Bỏ Lọc Làm mới DL Copy phiếu Quay ra

Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay

Cập nhật số liệu

Phiếu thu tiền gửi (Giấy bảo có)

Phiếu thu tiền mặt

Phiếu chi tiền mặt

Phiếu chi thanh toán tạm ứng

Báo cáo tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Kế toán mua hàng và công nợ phải thu

Kế toán bán hàng và công nợ phải trả

Kế toán chi phí và tính giá thành

Kế toán tài sản cố định

Kế toán tổng hợp

Báo cáo thuế GTGT

Báo cáo tài chính

Hệ thống

Phiếu chi tiền gửi (Giấy bảo có)

Tìm kiếm Nhập từ khóa cần tìm sau đó nhấn Enter để tìm kiếm!

Chọn Ngày Năm trước Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 Tìm nâng cao

Ngày HD	Ký hiệu	Số HD	Ngày CT	Số CT	Tiền hạch toán	Mã KH	Tên khách hàng	Địa chỉ	Họ tên
18/02/2025	AA	00000004	18/02/2025	000004	177.660.108	131-LS174	CÔNG TY TNHH LAM SON	291 Nguyễn Nghiêm, Phường Nguyễn Ng...	CÔNG TY TNHH LAM SON
20/02/2025	a	00000044	20/02/2025	000044	891.594.593	BIDV	Ngân Hàng TMCP Đ&PT VIỆT NAM		Ngân Hàng TMCP Đ&PT
20/02/2025	a	00000045	20/02/2025	000045	713.045.658	BIDV	Ngân Hàng TMCP Đ&PT VIỆT NAM		Ngân Hàng TMCP Đ&PT
21/02/2025	AA	00000005	21/02/2025	000005	700.000.000	331-CN001	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ...	191 Điện Biên Phủ, Q Thanh khê, Tp Đà...	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ
24/02/2025	a	00000047	24/02/2025	000047	5.201.084	BIDV	Ngân Hàng TMCP Đ&PT VIỆT NAM		Ngân Hàng TMCP Đ&PT
24/02/2025	a	00000048	24/02/2025	000048	3.870.874	BIDV	Ngân Hàng TMCP Đ&PT VIỆT NAM		Ngân Hàng TMCP Đ&PT
24/02/2025	a	00000049	24/02/2025	000049	4.364.508	BIDV	Ngân Hàng TMCP Đ&PT VIỆT NAM		Ngân Hàng TMCP Đ&PT
24/02/2025	a	00000050	24/02/2025	000050	5.424.658	BIDV	Ngân Hàng TMCP Đ&PT VIỆT NAM		Ngân Hàng TMCP Đ&PT
26/02/2025	a	00000084	26/02/2025	000084	4.233.600	BHXH	BẢO HIỂM XÃ HỘI QUẬN LIÊN CHIỂU		BẢO HIỂM XÃ HỘI QUẬN
28/02/2025	K25TAA	4262	28/02/2025	4262	657.543	331-PT080	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đầu Tư V...		Ngân hàng Thương mai C
02/03/2025	a	00000085	02/03/2025	000085	150.000.000	TTTT	Trần Thị Thanh Thủy		Trần Thị Thanh Thủy
05/03/2025	AA	00000086	05/03/2025	000086	45.568.600	331-MIN708	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ L&T NGOC DUNG	T&T &N P, Xã An Phước, Huyện Long T...	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ L

Record 56 of 459

2. Chi tiết chứng từ

Mã KH	Số tiền	TK nợ	Tài.K có	Diễn giải	Khoản mục phí	Mã chi tiết
BIDV	3.870.874	635	11212	trả lãi		

Record 1 of 1

3. Thông tin hoá đơn VAT kèm theo

Ký hiệu	Số HD	Ngày HD	VAT	Tiền VAT	Chưa VAT	Đổi tương VAT	Địa chỉ	Mã số thuế	Tên hàng hoá
a	00000048	24/02/2025	KH	0	3.870.874	Ngân Hàng TMCP Đ&PT VIỆT NAM			

Record 1 of 1

9. Phụ lục 9: Quy trình hạch toán tiền lương vào phần mềm

HOA VAN - CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VAN - Tril Viet Accounting Online [v1.25.06.241]

1.Hệ thống 2.Chứng từ 3.Danh mục 4.Sổ dự 5.Tiền ích Liên hệ

Thêm Lưu Mở Bỏ qua Xóa Chọn In Bỏ Lọc Làm mới DL Copy phiếu Quay ra

Phiếu kế toán x

Tìm kiếm Nhập từ khóa cần tìm sau đó nhấn Enter để tìm kiếm! Chọn Ngày Năm trước Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 Tìm nâng cao

Ngày CT	Số CT	Tiền hạch toán	Lý do	Mã KH	Tên khách hàng	Họ tên	Địa chỉ
31/08/2025	BH0H	2.822.400	Trích BH0H, BHYT, KPCC vào p...				
31/08/2025	LUONG	89.200.000	Trích lương vào chi phí T8				
25/09/2025	CK	1.524.966	Chiết khấu T7,8/2025	331-CH001			
30/09/2025	BH0H	2.822.400	Trích BH0H, BHYT, KPCC vào p...				
30/09/2025	BTCH	3.477.888.726	Bù trừ công nợ T9	331-GS001			
30/09/2025	KH	133.457.223	Trích KHTSCD vào phí				
30/09/2025	LUONG	89.200.000	Trích lương vào chi phí T9				
30/09/2025	THUE	878.618.634	Khấu trừ thuế GTGT Q3				
31/10/2025	BH0H	2.822.400	Trích BH0H, BHYT, KPCC vào p...				
31/10/2025	BTCH	3.052.102.116	Bù trừ công nợ T10	331-GS001			
31/10/2025	LUONG	109.200.000	Trích lương vào chi phí T10				
31/10/2025	THUE	1.413.695	Thuế TNCN T10				
11/11/2025	BTCH	70.720.000	Bù trừ công nợ	131-TG384			
30/11/2025	BH0H	2.822.400	Trích BH0H, BHYT, KPCC vào p...				
30/11/2025	BTCH	3.570.134.229	Bù trừ công nợ T11	331-GS001			
30/11/2025	LUONG	109.200.000	Trích lương vào chi phí T11				
30/11/2025	THUE	1.413.695	Thuế TNCN T11				

Record 50 of 67

2. Chi tiết chứng từ

Mã KH	Số tiền	TK nợ	Tài.K có	Diễn giải	Khoản mục phí	Mã chi tiết
	33.800.000	64221	334	Trích lương vào chi phí T10		
	75.400.000	64211	334	Trích lương vào chi phí T10		

Record 1 of 2

10. Phụ lục 10: Quy trình hạch toán chi phí cước vận chuyển vào phần mềm

HOA VAN - CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VAN - Tril Viet Accounting Online [v1.25.06.241]

1.Hệ thống 2.Chứng từ 3.Danh mục 4.Sổ dự 5.Tiền ích Liên hệ

Thêm Lưu Mở Bỏ qua Xóa Chọn In Bỏ Lọc Làm mới DL Copy phiếu Quay ra

Phiếu kế toán Phiếu nhập hàng mua x

Tìm kiếm Nhập từ khóa cần tìm sau đó nhấn Enter để tìm kiếm! Chọn Ngày Năm trước Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 Tìm nâng cao

Ngày HD	Ký hiệu	Số HD	Ngày CT	Số CT	Tiền hàng	Tiền CK	Tiền VAT	Thanh toán	Mã KH	Tên khách hàng	Địa chỉ
22/03/2025	C25TCR	00001616	22/03/2025	001616	400.798.000	0	32.064.000	432.862.000	331-GS001	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ ...	KHU CÔNG NGHIỆP
24/03/2025	C25TCR	00001652	24/03/2025	001652	221.120.000	0	17.689.600	238.809.600	331-GS001	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ ...	KHU CÔNG NGHIỆP
25/03/2025	C25TCR	00001659	25/03/2025	001659	40.000.000	0	3.200.000	43.200.000	331-GS001	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ ...	KHU CÔNG NGHIỆP
25/03/2025	C25TCR	00001660	25/03/2025	001660	160.390.000	0	12.867.520	173.257.520	331-GS001	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ ...	KHU CÔNG NGHIỆP
25/03/2025	C25TCR	00001693	25/03/2025	001693	19.220.000	0	1.537.600	20.757.600	331-GS001	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ ...	KHU CÔNG NGHIỆP
25/03/2025	C25TCR	00001694	25/03/2025	001694	64.000.000	0	5.120.000	69.120.000	331-GS001	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ ...	KHU CÔNG NGHIỆP
27/03/2025	C25TCR	00001763	27/03/2025	001763	52.200.000	0	4.176.000	56.376.000	331-GS001	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ ...	KHU CÔNG NGHIỆP
27/03/2025	C25TCR	00001764	27/03/2025	001764	69.120.000	0	5.529.600	74.649.600	331-GS001	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ ...	KHU CÔNG NGHIỆP
27/03/2025	C25TCR	00001765	27/03/2025	001765	180.000.000	0	14.400.000	194.400.000	331-GS001	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ ...	KHU CÔNG NGHIỆP
28/03/2025	C25TBA	00000045	28/03/2025	000045	10.000.000	0	800.000	10.800.000	331-BA988	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ...	Số 1 Ngõ Thề Lân,
29/03/2025	C25TCR	00001864	29/03/2025	001864	31.680.000	0	2.560.000	34.240.000	331-GS001	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ ...	KHU CÔNG NGHIỆP
30/03/2025	C25TCR	00001865	30/03/2025	001865	48.600.000	0	3.888.000	52.488.000	331-GS001	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ ...	KHU CÔNG NGHIỆP

Record 107 of 576

2. Chi tiết chứng từ

Mã KH	Mã kho	Mã HH	Tên HH/DV	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	TK nợ	Tài.K có	Giá vốn	Tiền vốn	TK.N
331-BA988	CHNH	VT_2910_083...	Cước vận chuyển gạch men từ ...	Chuyến	1	10.000.000	10.000.000	64212	331			
331-BA988			Thuế GTGT được khấu trừ của ...		0		800.000	1331	331			

Record 1 of 2

3. Thông tin hoá đơn VAT kèm theo

Ký hiệu	Số HD	Ngày HD	VAT	Tiền VAT	Chưa VAT	Đổi tương VAT	Địa chỉ	Mã số thuế	Tên hàng hoá
C25TBA	00000045	28/03/2025	8	800.000	10.000.000	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ...	Số 1 Ngõ Thề Lân, Phường Hoà An, Quận...	0402019988	

Record 1 of 1

11. Phụ lục 11: Quy trình hạch toán chi phí mua dầu vào phần mềm

HOA VAN - CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN - Triliet Accounting Online [v1.25.06.241]

1.Hệ thống 2.Chứng từ 3.Danh mục 4.Sổ dự 5.Tiền ích Liên hệ

Thêm Lưu Mở Bỏ qua Xóa Chọn In Bỏ Lọc Làm mới DL Copy phiếu Quay ra

Phiếu nhập chi phí mua hàng

Chọn Ngày Năm trước Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 Tìm nâng cao

Ngày HD	Ký hiệu	Số HD	Ngày CT	Số CT	Tiền hàng	Tiền CK	Tiền VAT	Thanh toán	Mã KH	Tên khách hàng	Địa chỉ
04/06/2025	C2STLS	00000206	04/06/2025	000206	61.600.000	0	4.928.000	66.528.000	131-LS174	CÔNG TY TNHH LAM SON	Đường Lê Thánh T
06/06/2025	C2STTP	00000061	06/06/2025	000061	15.990.000	0	1.279.200	17.269.200	4101550053	CÔNG TY TNHH VÂN TÀI TÂN PHÁT	Thôn Thanh Giang
25/06/2025	K2STXT	281429	25/06/2025	281429	5.624.094	0	562.409	6.186.503	3500102573	CÔNG TY TNHH MTV XÃNG ĐẦU BÀ RIA-VŨ...	Số 12 Hoàng Hoa
27/06/2025	C2SMDA	00091383	27/06/2025	091383	4.246.364	0	424.636	4.671.000	0302309045-013	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CAO PHONG TA...	559- Nguyễn Hữu
30/06/2025	C2STLS	00000226	30/06/2025	000226	55.320.000	0	4.425.600	59.745.600	131-LS174	CÔNG TY TNHH LAM SON	Đường Lê Thánh T
30/06/2025	C2STDL	00000515	30/06/2025	000515	40.277.778	0	3.222.222	43.500.000	0312616274	CÔNG TY TNHH TIẾP VẬN ĐẠI LÂM	Số 18 Đường 48, T
30/06/2025	C2SMON	00003049	30/06/2025	003049	6.212.963	0	497.037	6.710.000	0401966496	CÔNG TY TNHH ONENO	98-100-102-104 T
02/07/2025	K2STAD	2265621	02/07/2025	2265621	6.304	0	504	6.808	331-DL228	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỂN LƯ...	
03/07/2025	K2STHA	846518	03/07/2025	846518	154.545	0	15.455	170.000	331-PT003	TTKD VNPT-ĐÀ NẴNG - CN Tổng Công Ty Di...	
10/07/2025	C2STPT	00000002	10/07/2025	000002	24.750.000	0	1.980.000	26.730.000	4101550053	CÔNG TY TNHH VÂN TÀI TÂN PHÁT	Thôn Thanh Giang
16/07/2025	C2STLS	00000243	16/07/2025	000243	20.090.400	0	1.607.232	21.697.632	131-LS174	CÔNG TY TNHH LAM SON	Đường Lê Thánh T
18/07/2025	C2SMVN	271151	18/07/2025	271151	648.148	0	51.857	700.000	331-VN360	CÔNG TY TNHH VÂN VĨNH	416 Nguyễn Trĩ ph

Record 52 of 120

2. Chi tiết chứng từ

Tổng tiền hàng 1.811.146.935 Tổng tiền CK Tiền thuế 143.767.014 Tổng tiền 1.954.913.949

Mã KH	Mã Kho	Mã HH	Tên HHVD	DVT	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	TK nợ	Tài.k có	Giá vốn	Tiền vốn	TK h
3500102573	CHNH	CPBH	Chi phí bán hàng		323	17.409	5.624.094	64213	331			
3500102573			Thuế GTGT được khấu trừ của ...		0		562.409	1331	331			

Record 1 of 2

3. Thông tin hoá đơn VAT kèm theo

Ký hiệu	Số HD	Ngày HD	VAT	Tiền VAT	Chưa VAT	Đổi tương VAT	Địa chỉ	Mã số thuế	Tên hàng hoá
K2STXT	281429	25/06/2025	10	562.409	5.624.094	CÔNG TY TNHH MTV XÃNG ĐẦU BÀ RIA ...	Số 12 Hoàng Hoa Thám - Phường 2 - TP...	3500102573	

Record 1 of 1

12. Phụ lục 12: Quy trình hạch toán khấu hao TSCĐ vào phần mềm

HOA VAN - CÔNG TY TNHH TM & DV HOA VÂN - Triliet Accounting Online [v1.25.06.241]

1.Hệ thống 2.Chứng từ 3.Danh mục 4.Sổ dự 5.Tiền ích Liên hệ

Thêm Lưu Mở Bỏ qua Xóa Chọn In Bỏ Lọc Làm mới DL Copy phiếu Quay ra

Phiếu kế toán

Chọn Ngày Năm trước Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 Tìm nâng cao

Ngày CT	Số CT	Tiền hạch toán	Lý do	Mã KH	Tên khách hàng	Họ tên	Địa chỉ
31/03/2025	BTCH	3.600.000.000	Bù trừ công nợ T3	331-GS001			
31/03/2025	KH	126.732.491	Trích KHTSCĐ vào phí				
31/03/2025	LUONG	85.685.000	Trích lương vào chi phí T3				
31/03/2025	THUE	765.634.450	Khấu trừ thuế GTGT Q1				
31/03/2025	THUE	340.445	Thuế TNCN T3				
11/04/2025	TSCĐ	160.923.000	Đưa vào sử dụng xe Deawo 76...				
28/04/2025	CK	581.990	Chiết khấu T1+2/2025	331-CN001			
30/04/2025	BHXH	4.233.600	Trích BHXH, BHYT, KPCĐ vào p...				
30/04/2025	BTCH	2.485.742.571	Bù trừ công nợ T4	331-GS001			
30/04/2025	LUONG	47.580.300	Trích lương vào chi phí T4				
30/04/2025	THUE	100.862	Thuế TNCN T4				
31/05/2025	BHXH	4.233.600	Trích BHXH, BHYT, KPCĐ vào p...				
31/05/2025	BTCH	4.968.010.850	Bù trừ công nợ T5	331-GS001			
31/05/2025	LUONG	46.340.000	Trích lương vào chi phí T5				
31/05/2025	THUE	88.848	Thuế TNCN T5				
30/06/2025	BHXH	2.822.400	Trích BHXH, BHYT, KPCĐ vào p...				
30/06/2025	BTCH	4.772.019.120	Bù trừ công nợ T6	331-GS001			

Record 14 of 67

2. Chi tiết chứng từ

Tổng tiền hàng Tổng tiền CK Tổng tiền 51.825.837.383

Mã KH	Số tiền	TX nợ	Tài.k có	Diễn giải	Khoản mục phí	Mã chi tiết
	55.446.063	64226	2141	Trích KHTSCĐ vào phí		
	1.445.796	64226	2422	Trích KHTSCĐ vào phí		
	66.000.000	64226	2421	Trích KHTSCĐ vào phí		
	3.840.632	64213	2422	Trích KHTSCĐ vào phí		

Record 1 of 4

13. Phụ lục 13: Quy trình hạch toán phí ngân hàng vào phần mềm

